



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN CỦA BỘ NỘI VỤ - CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 34/2026
Từ 31/8 - 04/9/2026

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG
*

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY
*

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ
SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI
024.62821016

EMAIL
BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN
WEBSITE
HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

TỔNG BÍ THƯ, CHỦ TỊCH NƯỚC TÔ LÂM: **ĐIỀU QUYẾT ĐỊNH LÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN** **VÀ TRÁCH NHIỆM NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU**

Sáng ngày 03/9/2026, Bộ Chính trị, Ban Bí thư tổ chức Hội nghị toàn quốc nghiên cứu, học tập, quán triệt và triển khai thực hiện một số nghị quyết, chỉ thị của Bộ Chính trị.



Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm phát biểu chỉ đạo hội nghị.

Hợp thành một chỉnh thể thống nhất về quan điểm và hành động

Phát biểu chỉ đạo Hội nghị, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm nhấn mạnh, chúng ta triển khai Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV của Đảng trong bối cảnh đất nước có thời cơ lớn, khát vọng lớn và yêu cầu rất cao; thế giới, khu vực biến động nhanh, công nghệ số và biến đổi khí hậu đang định hình lại phương thức phát triển, quản trị. Điều đó đòi hỏi đổi mới mạnh mẽ tư duy lãnh đạo, phương thức tổ chức, năng lực hành động; không thể làm việc theo cách cũ, chậm quyết định, chậm thực thi.

Cả 5 nghị quyết, 1 chỉ thị hợp thành một chỉnh thể thống nhất về quan điểm và hành động. Công tác tư tưởng, học tập và thực hành theo Bác, xây dựng đội ngũ cán bộ tạo nền tảng chính trị, tinh thần, đạo đức, sức chiến đấu. Phát triển vùng, du lịch, công tác người Việt Nam ở nước ngoài mở rộng không gian, khơi thông, kết nối nguồn lực. Tất cả cùng hướng tới nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, phát triển nhanh, bền vững đất nước, nâng cao đời sống Nhân dân.

“Hội nghị hôm nay không chỉ là quán triệt, mà mở ra giai đoạn quyết định là tổ chức thực hiện. Không được coi học nghị quyết là thủ tục, nghe xong, ban hành kế hoạch là hoàn thành. Giá trị văn kiện phải thể hiện ở khả năng giải quyết vấn đề thực tiễn, tạo chuyển biến mà nhân dân cảm nhận được. Từng cấp ủy, cơ quan, địa phương, từng đảng viên phải rõ việc, rõ người, rõ thẩm quyền, nguồn lực, thời hạn, sản phẩm, trách nhiệm; chuyển nhận thức thành hành động, quyết tâm thành kết quả”, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm phát biểu.

Thực hiện tốt 5 yêu cầu trọng tâm

Trên tinh thần như vậy, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đề nghị toàn Đảng, toàn hệ thống chính trị thực hiện tốt 5 yêu cầu trọng tâm.

Thứ nhất là thống nhất nhận thức, nắm vững điểm mới và mối quan hệ hữu cơ giữa 6 văn kiện; quán triệt đúng từng văn kiện, kết nối đúng, tổ chức thực hiện đồng bộ, tạo sức mạnh tổng hợp, thống nhất.

Quán triệt phải làm rõ vấn đề cần giải quyết, bước chuyển tư duy, yêu cầu hành động. Công tác tư tưởng phải dẫn dắt nhận thức xã hội. Học và làm theo Bác phải chuyển thành thực hành thường xuyên, coi trọng phương pháp Hồ Chí Minh với phương châm “Nghĩ về Bác lòng ta trong sáng hơn”. Cán bộ phải được khuyến khích dám làm vì việc chung nhưng chịu kiểm soát quyền lực. Phát triển vùng, du lịch, công tác người Việt Nam ở nước ngoài phải cùng khơi thông, kết nối nguồn lực.

Ngay sau Hội nghị, các cấp ủy, cơ quan, địa phương phải rà soát chương trình thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV, các nghị quyết chiến lược và 6 văn kiện hôm nay; tích hợp nhiệm vụ cùng mục tiêu, địa bàn; xử lý chồng chéo, điều phối nguồn lực dùng chung. Việc cần thể chế hóa phải rõ cơ quan, thời hạn, sản phẩm; việc mới, khó phải rõ nguyên tắc, thẩm quyền, phạm vi thí điểm.

Mỗi nhiệm vụ phải rõ mục tiêu, một đầu mối chịu trách nhiệm, thẩm quyền, nguồn lực, thời hạn, sản phẩm, dữ liệu kiểm chứng; chuyển từ quản lý tiến độ sang quản trị kết quả, không lấy văn bản, hội nghị thay chuyển biến thực tế. Lợi ích quốc gia - dân tộc, lợi ích chính đáng của nhân dân là tiêu chuẩn cao nhất.

Thứ hai là hoàn thiện thể chế, phân định thẩm quyền, bảo đảm nguồn lực và quản trị rủi ro; không giao việc trước rồi sau đó mới đi tìm điều kiện thực hiện. Thể chế phải đi trước một bước, vừa giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương, vừa mở đường cho phát triển. Đảng ủy Quốc hội, Đảng ủy Chính phủ và các cơ quan liên quan phải sửa quy định chồng chéo, lấp khoảng trống pháp lý cản trở đổi mới, liên kết vùng, phát triển du lịch, thu hút nhân tài, phát huy nguồn lực. Vấn đề đã chín, đã rõ, được thực tiễn kiểm nghiệm phải sớm thể chế hóa. Việc vượt thẩm quyền phải báo cáo cùng phương án xử lý, không chỉ nêu khó khăn.

Thứ ba là tạo chuyển biến thực chất về công tác cán bộ, tinh thần tiên phong, trách nhiệm nêu gương và văn hóa thực thi; coi đây là khâu quyết định đưa nghị quyết, chỉ thị vào cuộc sống. Cán bộ là nhân tố quyết định. Nghị quyết đúng, nguồn lực đủ nhưng cán bộ cầm chừng, né tránh thì công việc vẫn trì trệ. Phải chọn người theo việc, giao việc để thử thách, lấy kết quả để đánh giá, sử dụng, sàng lọc. Hằng năm, mỗi cấp ủy, cơ quan, địa phương phải xác định việc

khó, điểm nghẽn; giao người đủ bản lĩnh, năng lực, thẩm quyền, nguồn lực. Phải để người dám nghĩ, dám làm, có sản phẩm thực chất được ghi nhận, bảo vệ, trọng dụng; người né tránh, đùn đẩy, làm việc cầm chừng phải được sàng lọc, thay thế.

Đánh giá cán bộ phải dân chủ, công tâm, khách quan, đa chiều; gắn với vị trí việc làm, sản phẩm, tiến độ, hiệu quả, khả năng tháo gỡ điểm nghẽn, uy tín và tín nhiệm của nhân dân. Không chỉ nhìn vào hồ sơ đẹp, quá trình an toàn, số lượng sáng kiến; không đánh đồng rủi ro khách quan, sai sót không vụ lợi trong thực hiện công việc đúng chủ trương với hành vi vi phạm để làm thui chột động lực đổi mới.

Mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, phải tự soi, tự sửa; nêu gương bằng kết quả, hiệu quả công tác. Học Bác phải thể hiện ở bản lĩnh trước khó khăn; đạo đức cần, kiệm, liêm, chính; tinh thần phục vụ nhân dân; nói đi đôi với làm. Điểm mới của Chỉ thị số 07-CT/TW là chuyển mạnh sang thực hành thường xuyên, coi trọng phương pháp Hồ Chí Minh: nắm chắc, nghiên cứu kỹ thực tiễn trước khi quyết định; chọn đúng việc trọng tâm; làm việc dân chủ, khoa học; dựa vào dân, lắng nghe dân, chịu sự kiểm tra của dân. Phương pháp ấy phải trở thành năng lực công vụ hằng ngày, thành văn hóa lãnh đạo, văn hóa công vụ, văn hóa ứng xử của cán bộ, đảng viên.

Thứ tư là tổ chức lại không gian và nguồn lực phát triển theo lợi ích tổng thể quốc gia; gắn phát triển vùng, phát triển du lịch với phát huy nguồn lực người Việt Nam ở nước ngoài.

Phát triển vùng là phương thức tổ chức tăng trưởng quốc gia, không phải phép cộng các kế hoạch địa phương. Phải chuyển từ không gian hành chính sang không gian phát triển đa tầng, đa cực, theo chức năng, lợi thế, chuỗi giá trị; kết nối đất liền, vùng biển, vùng trời, không gian ngầm, không gian số và các không gian phát triển mới.

Mỗi địa phương phải rõ vai trò trong vùng, lợi thế cần tập trung, việc phải liên kết, hạ tầng có sức lan tỏa; không chạy theo cơ cấu giống nhau, nơi nào cũng muốn có cảng biển, sân bay, khu công nghệ cao, trung tâm tài chính... mà không căn cứ lợi thế, hiệu quả. Quy hoạch phải là công cụ tổ chức phát triển.

Phát triển du lịch phải đặt trong chiến lược phát triển đất nước và không gian kinh tế vùng, trở thành động lực tăng trưởng mới, nâng cao sức mạnh mềm; được tổ chức như một hệ sinh thái kinh tế tổng hợp, liên ngành, liên vùng. Chuyển mạnh từ số lượng sang chất lượng, giá trị gia tăng, sức cạnh tranh; lấy văn hóa, bản sắc, trải nghiệm làm lợi thế; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh làm động lực.

Thứ năm là đổi mới mạnh mẽ công tác tư tưởng và truyền thông chính sách; siết chặt kỷ luật thực thi; lấy dữ liệu, sản phẩm, chuyển biến thực tế và sự hài lòng của nhân dân làm căn cứ đánh giá.

Công tác tư tưởng phải quán triệt phương châm “Chủ động - Sắc bén - Thuyết phục - Hiệu quả”; kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới; kết hợp chặt chẽ giữa “xây” và “chống”, lấy “xây” làm gốc, lấy thuyết phục làm phương thức chủ đạo.

Phải coi không gian mạng là địa bàn trọng yếu của công tác tư tưởng và là kênh lắng nghe nhân dân. Phải phân biệt bản khoản, phản biện, thông tin chưa đầy đủ với tin giả, xuyên tạc, thao túng có tổ chức; không quy chụp ý kiến khác biệt; không để thông tin giả mạo, độc hại, lệch chuẩn dẫn dắt. Mỗi vấn đề lớn phải có đầu mối cung cấp thông tin, xử lý từ sớm. Chú trọng giúp thế hệ trẻ nhận diện, kiểm chứng, tự bảo vệ trước thông tin sai lệch, thao túng tâm lý, cảm xúc. Không để bức xúc thực tế và khoảng trống thông tin làm xói mòn niềm tin.

Xác định nhiệm vụ trọng tâm, giao đúng người

Nhấn mạnh, cả 6 văn kiện cùng hướng tới nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ tiên phong, gương mẫu, dám chịu trách nhiệm; quản trị thông suốt; tổ chức lại không gian phát triển; đưa du lịch thành động lực tăng trưởng, phát huy mọi nguồn lực dân tộc, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm yêu cầu, ngay sau Hội nghị, các cấp ủy, cơ quan, địa phương, người đứng đầu phải xác định nhiệm vụ trọng tâm, giao đúng người, đủ thẩm quyền, nguồn lực; rõ sản phẩm, tiến độ, trách nhiệm. Việc đã rõ phải làm ngay; thuộc thẩm quyền phải quyết định; vượt thẩm quyền phải báo cáo cùng phương án xử lý.

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm nhấn mạnh, cả 6 văn kiện đã rõ chủ trương, mục tiêu; điều quyết định là tổ chức thực hiện và trách nhiệm người đứng đầu. Mỗi văn kiện phải thành việc cụ thể, có người chịu trách nhiệm, được kiểm chứng bằng kết quả; cuối cùng phải làm đất nước mạnh hơn, nhân dân sống tốt hơn, niềm tin vững chắc hơn.

Nguồn: baohinhphu.vn

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: CHỦ ĐỘNG, SÁNG TẠO, LINH HOẠT ĐỂ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU ĐỀ RA

Chiều ngày 03/9/2026, Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng chủ trì phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8/2026 nhằm cho ý kiến về tình hình phát triển kinh tế xã hội tháng 8 và 8 tháng năm 2026; tình hình phân bổ, giải ngân vốn đầu tư công; triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia; thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2026, dự kiến kế hoạch năm 2026; báo cáo về công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao tháng 8/2026.

Phiên họp đánh giá, trong tháng 8 Chính phủ đã bám sát chủ trương của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội và chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước để chỉ đạo, điều hành các bộ, ngành, địa phương triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng-an ninh, đẩy mạnh đối ngoại. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã quyết liệt chỉ đạo thực hiện công tác hoàn thiện thể chế; cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và tổng rà soát hệ thống pháp luật.

Về tình hình phát triển kinh tế xã hội trong tháng 8 và 8 tháng năm 2026, các ý kiến đánh giá, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, các cân đối lớn cơ bản được bảo đảm; thu ngân sách nhà

nước 8 tháng đạt 2,03 triệu tỷ đồng, bằng 80,2% dự toán; xuất nhập khẩu 8 tháng đạt 770,14 tỷ USD, tăng 28,7%.

Giải ngân vốn đầu tư công hết tháng 8 đạt gần 510.000 tỷ đồng, bằng 49,8% kế hoạch. Đặc biệt, đầu tư nước ngoài tiếp tục là điểm sáng, thu hút lượng vốn kỷ lục, trong đó tổng vốn FDI đăng ký đạt 40,63 tỷ USD, tăng 55,4%; vốn FDI thực hiện đạt 17,25 tỷ USD, tăng 12%.

Cùng với đó, sản xuất nông nghiệp ổn định; công nghiệp tiếp tục phát triển; công nghiệp chế biến, chế tạo 8 tháng ước tăng 12,5%; du lịch tăng trưởng mạnh, trong 8 tháng thu hút gần 16 triệu lượt khách quốc tế, tăng 14,4%.

Các dự án tồn đọng, vướng mắc kéo dài được tập trung xử lý; tiến độ thực hiện các dự án kết cấu hạ tầng trọng điểm được thúc đẩy; khởi công, khánh thành đồng loạt nhiều công trình chào mừng Quốc khánh 2/9.

Về hoàn thiện thể chế, Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua 15 luật, 5 nghị quyết quy phạm pháp luật; cho ý kiến với 6 dự án luật tại Kỳ họp không thường lệ lần thứ nhất; ban hành 44 văn bản để cụ thể hóa các luật, nghị quyết; ban hành 8 kế hoạch, chương trình hành động thực hiện các nghị quyết, kết luận của Hội nghị Trung ương 3.

Đặc biệt, đã ban hành nhiều chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong các lĩnh vực thuế, đầu tư, cải cách thủ tục hành chính, phát triển hạ tầng chiến lược, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, trong đó có chính sách giảm 30% thuế thu nhập cá nhân và 30% thuế thu nhập doanh nghiệp cho các hộ kinh doanh, doanh nghiệp có doanh thu từ 10 tỷ đồng trở xuống.

Các lĩnh vực văn hóa, xã hội được chú trọng, an sinh xã hội được đảm bảo, đời sống nhân dân được cải thiện; thực hiện tốt công tác chuẩn bị cho năm học mới 2026 - 2027; các dự án xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê được đẩy mạnh. Tình hình chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng an ninh được giữ vững; đối ngoại, hội nhập quốc tế được đẩy mạnh; uy tín, vị thế đất nước được nâng lên.

Phiên họp cũng chỉ ra một số tồn tại, hạn chế và khó khăn, thách thức, trong đó có các vấn đề như yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng, áp lực điều hành kinh tế vĩ mô, tăng trưởng hai con số; hoạt động sản xuất kinh doanh một số lĩnh vực còn khó khăn tác động đến nguồn thu; giải ngân vốn đầu tư công ở một số bộ và dự án trọng điểm chưa có nhiều chuyển biến tích cực; thị trường tài chính, tiền tệ, tín dụng tiếp tục chịu nhiều sức ép; đời sống của một bộ phận người dân còn khó khăn; tình hình thiên tai, lũ lụt dự báo diễn biến phức tạp, khó lường...

Thường xuyên rà soát, cập nhật kịch bản tăng trưởng

Phát biểu kết luận phiên họp, Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng đánh giá cao Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan đã chuẩn bị kỹ các báo cáo, hoan nghênh các ý kiến phát biểu trách nhiệm, tâm huyết, sát thực tiễn của các đại biểu.

Cơ bản đồng tình với ý kiến thảo luận tại phiên họp, Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh thời gian tới các bộ, ngành, địa phương tập trung thực hiện quyết liệt, hiệu quả các nghị quyết, kết luận, chỉ đạo của Trung ương, Bộ Chính trị, lãnh đạo chủ chốt, Quốc hội.

Về hoàn thiện thể chế, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu xử lý dứt điểm các văn bản còn nợ ban hành; tập trung xây dựng các văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết được thông qua tại Kỳ họp không thường lệ thứ nhất, trong đó mỗi luật, nghị quyết chỉ ban hành 1 văn bản quy định chi tiết; chủ động phối hợp chặt chẽ với các cơ quan của Quốc hội chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 2 bảo đảm chất lượng, tiến độ; hoàn thiện báo cáo tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo kế hoạch; ưu tiên nguồn lực rà soát, xử lý các văn bản quy phạm pháp luật sẽ hết hiệu lực trước ngày 01/3/2027 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Bộ Tư pháp tổ chức thực hiện nghiêm túc, thực chất Đề án thí điểm đánh giá, chấm điểm về công tác xây dựng pháp luật.

Về giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô và thúc đẩy tăng trưởng, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các bộ, cơ quan, địa phương thường xuyên rà soát, cập nhật kịch bản tăng trưởng theo từng tháng, từng quý; chủ động nhận diện những điểm nghẽn ảnh hưởng đến mục tiêu tăng trưởng để tập trung tháo gỡ, nhất là các ngành, địa phương là động lực và còn dư địa tăng trưởng lớn, bảo đảm “6 rõ”, quyết tâm cao nhất để đạt mục tiêu đề ra.

Kiên định mục tiêu kiểm soát lạm phát, chủ động điều hành giá cả các mặt hàng, dịch vụ thiết yếu; tăng cường quản lý giá cả, thị trường, xử lý nghiêm các hành vi trục lợi, tăng giá bất hợp lý.

Bộ Tài chính tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo; theo dõi sát diễn biến quốc tế và thị trường, giá cả trong nước, điều hành giá linh hoạt, hỗ trợ sản xuất; tiếp tục triển khai hiệu quả các chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp; rà soát quy trình hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng xuất khẩu theo hướng tăng cường phân loại rủi ro, đẩy nhanh xử lý các hồ sơ của doanh nghiệp chấp hành tốt pháp luật, giảm chi phí về thời gian; tăng cường các biện pháp chống chuyển giá.

Tăng cường đơn đốc, thúc đẩy, đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công, bảo đảm hoàn thành 100% kế hoạch được giao; tích cực thực hiện hiệu quả các giải pháp phát triển các thị trường vốn, trái phiếu doanh nghiệp, chứng khoán để bổ sung nguồn lực cho tăng trưởng, giảm phụ thuộc vào vốn tín dụng; khẩn trương hoàn thiện phương án sắp xếp, cổ phần hóa và thoái vốn doanh nghiệp có vốn nhà nước gắn với niêm yết để tăng hàng hóa trên thị trường chứng khoán.

Đồng thời, Bộ Tài chính phối hợp với các cơ quan xây dựng ngay văn bản hướng dẫn chương trình mục tiêu quốc gia tích hợp vừa được Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư; tập trung tháo gỡ, giải ngân dứt điểm vốn năm 2026 và vốn kéo dài từ năm 2025 của các chương trình; xây dựng, trình ban hành chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết 27 của Bộ Chính trị về phát triển các vùng và tổ chức không gian trong giai đoạn mới.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phối hợp hài hòa, chặt chẽ, thường xuyên với chính sách tài khóa và các chính sách vĩ mô khác; tập trung tín dụng vào các lĩnh vực ưu tiên, các dự án trọng điểm, kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro; thường xuyên đánh giá "điểm cân bằng" giữa yêu cầu kiểm soát lạm phát và hỗ trợ tăng trưởng, xác định ngưỡng cảnh báo; chủ động sử dụng các công cụ thuộc thẩm quyền để phát huy tối đa hiệu quả chính sách, giữ ổn định thanh khoản, phân đầu

giảm lãi suất cho vay; điều hành linh hoạt tiền gửi Kho bạc tại ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại để tăng thanh khoản cho nền kinh tế; chỉ đạo các tổ chức tín dụng tăng cường hợp tác với các quỹ đầu tư và các định chế tài chính nhằm đa dạng hóa các nguồn vốn cho doanh nghiệp.

Đồng bộ giải pháp thúc đẩy xuất khẩu, sản xuất kinh doanh

Về tăng cường xuất khẩu, phát triển sản xuất kinh doanh, xây dựng kết cấu hạ tầng, Thủ tướng chỉ đạo các bộ, cơ quan, địa phương thực hiện đồng bộ các giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu, kiểm soát giá cả, nhập siêu, bảo đảm thương mại cân bằng phục vụ mục tiêu tăng trưởng "2 con số"; tập trung rà soát, phân loại và đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để giải quyết dứt điểm các dự án tồn đọng, kéo dài, giải phóng nguồn lực cho phát triển và tăng trưởng; tích cực triển khai kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại các buổi làm việc với các doanh nghiệp.

Bộ Công Thương chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan, địa phương, hiệp hội, doanh nghiệp... phân tích rõ các nhóm mặt hàng xuất khẩu giảm, các nhóm mặt hàng nhập siêu lớn để có giải pháp thúc đẩy xuất khẩu, kiểm soát nhập siêu; đẩy nhanh tiến độ đàm phán các Hiệp định thương mại với một số đối tác mới để mở cửa thị trường cho hàng hóa Việt Nam; tăng tốc xúc tiến thương mại, tận dụng ngay các đơn hàng xuất khẩu, đặc biệt các mặt hàng các nước đang có nhu cầu cao như điện tử, máy móc, nông thủy sản; tiếp tục phát triển thị trường, kích cầu tiêu dùng trong nước.

Thủ tướng Chính phủ lưu ý Bộ Công Thương theo dõi sát diễn biến giá xăng dầu và các loại năng lượng; bảo đảm ổn định nguồn cung năng lượng, cung ứng đủ điện cho sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt; khẩn trương hoàn thiện phương án về hệ thống phân phối xăng dầu; tháo gỡ dứt điểm khó khăn, vướng mắc, sớm khôi phục hoạt động các nhà máy sản xuất xăng sinh học, đẩy nhanh tiến độ các dự án điện, dầu khí trọng điểm.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương xây dựng cơ chế điều phối nguồn vật liệu xây dựng liên vùng, liên tỉnh bảo đảm nguồn vật liệu cho các công trình, dự án quan trọng quốc gia; tích cực đàm phán ký kết các nghị định thư cho nông sản Việt Nam xuất khẩu sang các nước; đẩy nhanh tiến độ xử lý hồ sơ mã số vùng trồng, vùng nuôi, cơ sở đóng gói, cơ sở chế biến phục vụ xuất khẩu, kiểm định; làm việc với các địa phương, hiệp hội, doanh nghiệp... thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu; chủ động phòng ngừa, ứng phó thiên tai, bảo đảm an toàn hồ đập.

Bộ Xây dựng tích cực phối hợp với các cơ quan, địa phương kịp thời thực hiện các giải pháp bảo đảm tiến độ các dự án hạ tầng trọng điểm, dự án xây dựng các tuyến đường sắt, các dự án phục vụ APEC; khẩn trương hoàn thiện, trình ban hành Nghị quyết về giao chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê cho các địa phương giai đoạn 2026 - 2030; có giải pháp bố trí luồng ưu tiên trong giai đoạn cao điểm xuất khẩu tại các cảng và cửa ngõ logistics lớn; phối hợp với Bộ Công an, Bộ Tư pháp tiếp tục rà soát quy định tại Thông tư 38 và Nghị định 168 về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đặc biệt là phối hợp làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền về các quy định của pháp luật.

Bộ Tài chính khẩn trương hoàn thiện, trình ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị trong đó lưu ý đề xuất chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp FDI trong một số ngành, lĩnh vực then chốt gắn với điều kiện chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực..., đồng thời có giải pháp để lựa chọn doanh nghiệp trong nước có đủ năng lực tiếp nhận, làm chủ công nghệ được chuyển giao. Thể chế hóa ngay các nội dung của Nghị quyết số 10-NQ/TW trong dự án Luật Đầu tư (sửa đổi) trình Quốc hội tại Kỳ họp cuối năm.

Liên quan tới lĩnh vực khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, Thủ tướng yêu cầu các bộ, cơ quan, địa phương tổ chức triển khai các nhiệm vụ theo Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Kế hoạch 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số; tích cực chỉ đạo hoàn thiện phê duyệt các nhiệm vụ công nghệ chiến lược theo thẩm quyền bảo đảm tiến độ và hiệu quả thực hiện; đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện, kết nối dữ liệu.

Bộ Khoa học và Công nghệ cụ thể hóa Khung kiến trúc tổng thể số quốc gia; khẩn trương ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, tiêu chí đánh giá tuân thủ Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp rà soát toàn bộ kinh phí khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số chưa giao; ưu tiên nguồn lực cho cơ sở dữ liệu trọng yếu, nền tảng dùng chung, an toàn, an ninh mạng và nhiệm vụ công nghệ chiến lược... đã đủ điều kiện triển khai; xác định cụ thể các bộ, ngành, địa phương tỷ lệ giải ngân vốn thấp để bố trí làm việc, báo cáo kết quả về Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo.

Về các lĩnh vực văn hóa xã hội, Thủ tướng Chính phủ đề nghị Ban Chỉ đạo quốc gia tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ tập trung quyết liệt triển khai Chiến dịch 500 ngày đêm, ưu tiên nguồn lực cho lấy mẫu hài cốt liệt sĩ chưa xác định được thông tin trong các nghĩa trang liệt sĩ.

Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp các bộ, cơ quan, địa phương quán triệt và triển khai kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước tại buổi làm việc với các cơ quan về kết quả 1 năm triển khai Nghị quyết số 71-NQ/TW và công tác chuẩn bị năm học 2026 - 2027; tổ chức tốt lễ khai giảng năm học mới và khánh thành các trường phổ thông liên cấp nội trú xã biên giới đất liền giai đoạn 1; hướng dẫn thực hiện sắp xếp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học; bảo đảm tốt chế độ, chính sách đối với học sinh thuộc diện chính sách, yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn, học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn; rà soát ngay việc cung ứng, bảo đảm sách giáo khoa, nhất là tại những nơi khó khăn; tập trung xây dựng các trường phổ thông nội trú liên cấp xã biên giới đất liền khởi công đợt 2 theo đúng tiến độ.

Bộ Nội vụ và Bộ Y tế chủ trì, phối hợp các bộ, cơ quan, địa phương quán triệt và triển khai kết luận của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước tại buổi làm việc với Đảng ủy Chính phủ và các cơ quan về thực hiện chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ người yếu thế. Bộ Y tế tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh, nhất là tại địa bàn thiên tai, bão lũ; tiếp tục thực hiện hiệu quả việc khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân; chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành,

cơ quan, địa phương triển khai các nhiệm vụ tăng cường bảo đảm an toàn thực phẩm trong cơ sở giáo dục; khẩn trương trình đề án hoàn thiện hệ thống phân phối dược và thiết bị y tế.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quán triệt và thực hiện hiệu quả “3 chuyển dịch lớn” và 4 nhiệm vụ trọng tâm theo kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước tại Phiên họp thứ hai của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển văn hóa Việt Nam; tổ chức triển khai hiệu quả Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển du lịch Việt Nam trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ Ngoại giao chuẩn bị chu đáo các hoạt động đối ngoại của lãnh đạo Đảng, Nhà nước trong những tháng cuối năm; tích cực chuẩn bị cho các hoạt động năm APEC 2027 bảo đảm phát huy vai trò, vị thế, uy tín của Việt Nam tại các diễn đàn quốc tế. Các bộ, cơ quan, địa phương tiếp tục triển khai các hoạt động bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội; tiếp tục đẩy mạnh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, xuất xứ, vi phạm sở hữu trí tuệ.

Nguồn: vietnamplus.vn

TỔNG RÀ SOÁT HỆ THỐNG PHÁP LUẬT: NHẬN DIỆN NHỮNG ĐIỂM NGHẼN CẦN THÁO GỖ

Chính phủ vừa gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội Báo cáo số 652/BC-CP ngày 30/8/2026 về tình hình triển khai thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL).

Báo cáo cho biết, tính đến ngày 30/6/2026, các cơ quan ở Trung ương và địa phương đã xác định, tổng hợp 45.793 VBQPPL còn hiệu lực hoặc chưa có hiệu lực thuộc đối tượng, phạm vi tổng rà soát.

Trong số này, đối với các văn bản quy phạm pháp luật không thuộc chế độ mật, các cơ quan đã rà soát, xác định và đề xuất phương án xử lý đối với 13.077 văn bản. Các phương án bao gồm sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một phần, bãi bỏ toàn bộ, tạm ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc ban hành mới.

Theo đó, các cơ quan Trung ương đề xuất phương án xử lý đối với 2.363 văn bản; chính quyền địa phương cấp tỉnh đề xuất xử lý 7.939 văn bản và chính quyền địa phương cấp xã đề xuất xử lý 2.775 văn bản.

Phần lớn các cơ quan Trung ương và địa phương xác định lộ trình xử lý văn bản trong giai đoạn 2026-2027. Một số văn bản được xác định lộ trình xử lý đến năm 2030 hoặc chưa xác định cụ thể thời hạn.

Đối với các văn bản thuộc thẩm quyền của Quốc hội, các cơ quan Trung ương đề xuất xử lý 136 bộ luật, luật và 12 nghị quyết của Quốc hội. Trong năm 2026, dự kiến xử lý 78 bộ luật, luật và 6 nghị quyết; năm 2027 xử lý 27 bộ luật, luật và 3 nghị quyết; giai đoạn 2028 - 2030 xử lý 31 bộ luật, luật. Ba nghị quyết của Quốc hội chưa xác định cụ thể thời gian xử lý.

Đối với các văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành, các cơ quan Trung ương đề xuất xử lý 575 văn bản. Trong đó, 355 văn bản dự kiến được xử lý trong năm 2026, 194 văn bản trong năm 2027 và 24 văn bản trong giai đoạn 2028 - 2030; một số văn bản có lộ trình sau năm 2030.

Báo cáo của Chính phủ đánh giá, công tác tổ chức thực hiện tổng rà soát hệ thống VBQPPL đã có nhiều cách làm mới, kế thừa kinh nghiệm từ các đợt rà soát chuyên đề trước đây, đồng thời huy động sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, địa phương.

Một điểm mới trong quá trình thực hiện là việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số và trí tuệ nhân tạo trong rà soát, tổng hợp, phân tích dữ liệu.

Kết quả sơ bộ cho thấy, các cơ quan cơ bản đã xác định được đối tượng, phạm vi thuộc trách nhiệm tổng rà soát; nhận diện các vướng mắc, bất cập, mâu thuẫn, chồng chéo, quy định chưa phù hợp và đề xuất phương án, hình thức, lộ trình xử lý.

Tuy nhiên, kết quả rà soát cũng cho thấy những yêu cầu lớn đặt ra đối với việc tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật. Theo kết quả sơ bộ, các cơ quan đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một phần hoặc ban hành mới đối với 7.300 văn bản quy phạm pháp luật, chiếm 15,9%; đề xuất bãi bỏ toàn bộ 5.926 văn bản, chiếm 12,9%.

Ngoài ra, 7.687 VBQPPL của chính quyền cấp huyện trước khi sắp xếp sẽ tự động hết hiệu lực theo quy định, đến hết ngày 28/2/2027. Theo đó, nếu được xử lý theo lộ trình, 13.613 văn bản sẽ được loại bỏ khỏi hệ thống.

Tập trung xử lý các “điểm nghẽn” của pháp luật

Chính phủ xác định kết quả rà soát hiện nay là bước đầu. Thời gian tới, các cơ quan Trung ương và địa phương tiếp tục cập nhật các chủ trương, đường lối mới của Đảng, các nghị quyết, kết luận mới được ban hành để hoàn thiện kết quả rà soát, bảo đảm việc thể chế hóa đầy đủ, kịp thời.

Đối với 49 VBQPPL đã có trong định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI nhưng chưa được tổng hợp trong kết quả rà soát, Chính phủ đề nghị các Bộ, ngành khẩn trương thực hiện, cập nhật đầy đủ vào kết quả tổng rà soát.

Các cơ quan phải rà soát, chỉnh lý và hoàn thiện kết quả sơ bộ trên cơ sở ý kiến chỉ đạo, thẩm định, góp ý của các cơ quan có liên quan; khắc phục những hạn chế đã được chỉ ra; bảo đảm thông tin, số liệu chính xác, đầy đủ và thống nhất trên hệ thống dữ liệu dùng chung.

Kết quả tổng rà soát chính thức phải xác định đúng và thực chất những vấn đề vướng mắc, bất cập, điểm nghẽn cần tháo gỡ; phân biệt rõ những khó khăn xuất phát từ quy định pháp luật với những vấn đề do tổ chức thi hành, hướng dẫn, năng lực thực thi hoặc cơ chế phối hợp giữa các cơ quan.

Quá trình đề xuất phương án, lộ trình xử lý phải đặt trong tổng thể định hướng xây dựng, hoàn thiện pháp luật, gắn với mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội, yêu cầu hoàn thiện tổ chức hệ thống chính trị và vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Đồng thời, cần tập trung xử lý những vấn đề trọng tâm, nhất là các quy định có phạm vi tác động lớn, liên ngành, trực

tiếp cản trở đầu tư, sản xuất, kinh doanh, huy động nguồn lực hoặc làm tăng chi phí tuân thủ của người dân, doanh nghiệp.

Đối với những văn bản đã xác định rõ nội dung vướng mắc, bất cập, các cơ quan được yêu cầu chủ động tham mưu xử lý hoặc xử lý theo thẩm quyền, không chờ đến khi hoàn tất kết quả tổng rà soát chính thức.

Chính phủ yêu cầu các cơ quan khẩn trương bãi bỏ 5.926 văn bản và một phần 69 văn bản đã được xác định không còn áp dụng; hướng dẫn áp dụng ngay đối với 80 văn bản; tạm ngưng hiệu lực 16 văn bản (toàn bộ hoặc một phần) để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Nhà nước và người dân; ưu tiên đưa các văn bản cần sửa đổi vào chương trình xây dựng pháp luật năm 2026 và nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI.

Đồng thời, yêu cầu người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương chịu trách nhiệm trực tiếp về tiến độ và chất lượng rà soát. Quá trình này phải tham vấn thực chất ý kiến của đối tượng chịu tác động trực tiếp là người dân và doanh nghiệp.

Chính phủ kiến nghị Quốc hội và các cơ quan liên quan phối hợp chặt chẽ để sử dụng kết quả rà soát này làm cơ sở định hướng lập pháp, ưu tiên xử lý những vấn đề có tính hệ thống nhằm tạo động lực mới cho phát triển kinh tế-xã hội trong giai đoạn mới.

Nguồn: [baochinhphu.vn](#)

ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC TRONG LĨNH VỰC CHỨNG KHOÁN

Tiếp tục Phiên họp thứ 6, chiều ngày 03/9/2026, Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán.

Nâng cao hiệu quả vận hành thị trường giao dịch chứng khoán

Trình bày tóm tắt nội dung cơ bản của dự thảo luật, Thứ trưởng Bộ Tài chính Tạ Anh Tuấn cho biết việc xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán nhằm cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh và chi phí tuân thủ pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán; tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tham gia thị trường; đẩy mạnh hiện đại hóa, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, giao dịch điện tử trong hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Đồng thời, bổ sung, hoàn thiện cơ sở pháp lý đối với một số vấn đề mới, mô hình mới và yêu cầu thực tiễn phát sinh từ sự phát triển của thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế; hoàn thiện quy định nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội trong tình hình mới.

Bố cục của dự thảo Luật gồm 3 điều. So với Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15), dự thảo Luật sửa đổi 23 điều, bổ sung 1 điều, giữ nguyên 112 điều.

Nội dung dự án Luật đã phù hợp, thể chế hóa đúng và đầy đủ đường lối, chủ trương của Đảng liên quan đến định hướng xây dựng dự án Luật, bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh và phù hợp với điều ước quốc tế mà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Nội dung sửa đổi, hoàn thiện một số quy định để đáp ứng yêu cầu ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, thúc đẩy chuyển đổi số; thực hiện tinh gọn bộ máy và nâng cao hiệu quả vận hành thị trường giao dịch chứng khoán; bảo đảm thống nhất, đồng bộ với quy định pháp luật hiện hành; tiệm cận với các tiêu chuẩn quốc tế trong hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán; nâng cao năng lực thị trường, thực hiện mục tiêu tăng trưởng.

Các nội dung sửa đổi, hoàn thiện liên quan đến giao dịch điện tử trong lĩnh vực chứng khoán, tiêu chuẩn người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh doanh chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và chi nhánh, văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam; hành nghề chứng khoán; quỹ đầu tư chứng khoán; chính sách phát triển thị trường

Dự thảo luật bổ sung, hoàn thiện khung khổ pháp lý về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực chứng khoán, thực hiện phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia...

Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Trình bày tóm tắt báo cáo thẩm tra, Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội Phan Văn Mãi tán thành sự cần thiết sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán nhằm tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, cắt giảm thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh; tạo cơ sở cho cơ chế thử nghiệm có kiểm soát, giao dịch điện tử, ứng dụng công nghệ mới và phát triển sản phẩm, dịch vụ mới; đồng thời, nâng cao tính minh bạch, an toàn, hiệu quả của thị trường chứng khoán trong bối cảnh thị trường được nâng hạng.

Về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh, Thường trực Ủy ban cơ bản tán thành chủ trương giảm giấy tờ, điều kiện không còn cần thiết, nhưng đề nghị thuyết minh rõ hơn về cơ sở cắt giảm, đơn giản thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh, công cụ hậu kiểm sau khi cắt giảm điều kiện, bảo đảm việc cắt giảm các điều kiện không làm giảm chuẩn an toàn và không chuyển rủi ro từ khâu tiền kiểm sang nhà đầu tư và thị trường.

Về hoạt động lưu ký chứng khoán, Thường trực Ủy ban đề nghị làm rõ cơ chế quản lý thay thế các điều kiện bị bãi bỏ, tiêu chí lựa chọn tổ chức lưu ký, cơ chế phối hợp giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương án xử lý, chuyển giao tài sản khi tổ chức lưu ký không còn đáp ứng yêu cầu. Nhiều ý kiến đề nghị tiếp tục duy trì yêu cầu về năng lực tài chính, tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu và hạ tầng; trường hợp cắt giảm phải có cơ chế giám sát thường xuyên, không làm giảm chuẩn an toàn.

Đối với giao dịch điện tử, các ý kiến tán thành hướng sửa đổi nhưng đề nghị xác định cụ thể nội dung chuyên ngành giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định, bảo đảm đúng thẩm quyền và thống nhất với pháp luật về giao dịch điện tử, dữ liệu, an ninh mạng; làm rõ trách nhiệm lưu vết, truy xuất, bảo đảm tính liên tục của hệ thống và xử lý sự cố.

Các quy định về công nghệ mới cần bảo đảm tính mở, trung lập về công nghệ; đối với trí tuệ nhân tạo, giao dịch thuật toán, tư vấn tự động cần có cơ chế kiểm soát mô hình, can thiệp của con người và xác định trách nhiệm...

Nguồn: vietnamplus.vn

LIÊN THÔNG DỮ LIỆU: 498 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CẮT GIẢM, 244 THỦ TỤC ĐƯỢC BÃI BỎ

Trả lời câu hỏi của phóng viên về kết quả của Chiến dịch 100 ngày đêm hoàn thành việc tạo lập, chuẩn hoá cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm Cơ sở dữ liệu Quốc gia tại họp báo Chính phủ thường kỳ diễn ra chiều ngày 03/9/2026, Thiếu tướng Nguyễn Quốc Toàn, Chánh Văn phòng, Người Phát ngôn Bộ Công an cho biết, từ ngày 01/7/2026, triển khai 100 ngày cao điểm để chúng ta giải quyết điểm nghẽn trong chuyển đổi số hệ thống chính trị. Kế hoạch nằm trong 92 ngày trọng tâm và thời điểm này đã đi được nửa chặng đường.

Với vai trò Trung ương, Chính phủ giao là cơ quan thường trực, Ban chỉ đạo đánh giá kết quả triển khai đến nay đã tạo chuyển động rõ hơn, đã chuyển từ rà soát, chuẩn bị sang hình thành sản phẩm, kết quả triển khai trên thực tế. Riêng đối với nhiệm vụ tạo lập, chuẩn hoá, kết nối cơ sở dữ liệu, đến nay đã đạt được một số kết quả rất đáng ghi nhận.

Thứ nhất, có 8/12 cơ sở dữ liệu quốc gia hoàn thành kết nối, đồng bộ dữ liệu với Trung tâm Cơ sở dữ liệu Quốc gia. Đối với cơ sở dữ liệu chuyên ngành có 67 cơ sở dữ liệu đã được kết nối đồng bộ và trong đó 23 cơ sở dữ liệu đáp ứng đầy đủ tiêu chí về chất lượng dữ liệu, có thể đồng bộ trong thời gian tới. Đây là nỗ lực rất lớn của các bộ ngành, địa phương trong thời gian vừa qua.

Thứ hai, khối lượng dữ liệu được kết nối, đồng bộ rất lớn. Riêng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư có hơn 108 triệu lượt ghi, cơ sở dữ liệu về hộ tịch điện tử có hơn 113 triệu lượt ghi, cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm có hơn 48 triệu lượt ghi. Kết quả này cho thấy sự vào cuộc rất tích cực, tập trung của các bộ ngành, địa phương.

Thứ ba, kết nối dữ liệu đang tạo ra giá trị thực tế cho người dân và doanh nghiệp. Qua rà soát phản hồi của các bộ ngành, địa phương, đã ghi nhận được 498/786 thủ tục hành chính đã được thực hiện cắt giảm, thay thế, 244/786 thủ tục hành chính đã bãi bỏ. Chúng tôi đánh giá đây là kết thực tế đang tạo ra giá trị để phục vụ trực tiếp cho người dân và doanh nghiệp, đóng góp cho phát triển kinh tế, xã hội.

Tuy nhiên qua triển khai, cũng có đánh giá một số điểm nghẽn có tính liên ngành chưa được xử lý dứt điểm, nhất là vấn đề dữ liệu có tính hệ thống, về an ninh an toàn mạng và nguồn lực, sẽ tiếp tục phải tập trung rất cao trong thời gian tới đây. Chúng tôi cũng báo cáo Thủ tướng Chính phủ thường xuyên về tiến độ triển khai kế hoạch này. Đây là nội dung các bộ ngành, địa phương đang tập trung rất cao trong thời gian còn lại để tiếp tục chuẩn hoá, làm sạch, đối soát,

cập nhật dữ liệu thường xuyên, bảo đảm có thể chia sẻ, khai thác hiệu quả, đảm bảo kết nối, tái sử dụng dữ liệu giải quyết thủ tục hành chính theo đúng tinh thần Ban Chỉ đạo Trung ương đã nêu. Đó là triển khai chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu kết nối phải đem lại giá trị thực tiễn, đo đếm được cho người dân, doanh nghiệp, đóng góp cho phát triển kinh tế, xã hội.

Nguồn: vov.vn

VẬN HÀNH CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ MỘT CỬA VỀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

Ngày 28/8/2026, Bộ Khoa học và Công nghệ chính thức công bố và đưa vào vận hành Công thông tin điện tử một cửa về trí tuệ nhân tạo tại địa chỉ ai.dda.gov.vn, tạo đầu mối trực tuyến thống nhất phục vụ quản lý nhà nước, minh bạch thông tin và thúc đẩy hệ sinh thái AI Việt Nam phát triển an toàn, có trách nhiệm.

Đây là nền tảng số được xây dựng để triển khai Luật Trí tuệ nhân tạo và các văn bản hướng dẫn thi hành, đồng thời hình thành một đầu mối thống nhất phục vụ quản lý Nhà nước, minh bạch thông tin và thúc đẩy hệ sinh thái AI Việt Nam phát triển an toàn, có trách nhiệm.

Công thông tin điện tử một cửa về trí tuệ nhân tạo được thiết kế là địa chỉ tiếp nhận tập trung để doanh nghiệp, nhà phát triển, cơ quan nhà nước, chuyên gia và người dân thực hiện các thủ tục khai báo, tra cứu thông tin và tương tác với cơ quan quản lý nhà nước.

Các chức năng trọng tâm của nền tảng gồm: Tiếp nhận đăng ký thử nghiệm có kiểm soát; thông báo phân loại rủi ro và đăng ký hệ thống AI; báo cáo sự cố nghiêm trọng và báo cáo định kỳ; công khai thông tin, kết quả đánh giá và xử lý vi phạm; kết nối doanh nghiệp với các chương trình hỗ trợ, hạ tầng, dữ liệu dùng chung và các nguồn lực phục vụ phát triển AI.

Việc tập trung các hoạt động trên một nền tảng được kỳ vọng giúp doanh nghiệp thực hiện thủ tục trực tuyến, qua đó giảm thời gian và chi phí tuân thủ. Đối với người dân, cổng cung cấp công cụ để tra cứu, giám sát, phản ánh và tiếp nhận các thông báo từ hệ thống.

Việc đưa Công thông tin điện tử một cửa về trí tuệ nhân tạo vào vận hành vì vậy không chỉ là bước số hóa các thủ tục quản lý AI, mà còn đặt nền móng cho một phương thức quản trị mới, trong đó quản lý đi cùng hỗ trợ phát triển, kiểm soát rủi ro đi cùng thúc đẩy đổi mới sáng tạo và minh bạch đi cùng trách nhiệm giải trình.

Thông qua một đầu mối trực tuyến thống nhất, Việt Nam từng bước hình thành hạ tầng quản trị cần thiết để AI được phát triển và ứng dụng theo hướng an toàn, có trách nhiệm, đồng thời tạo không gian thuận lợi hơn cho doanh nghiệp và các chủ thể trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo khai thác tiềm năng của công nghệ này.

Nguồn: nhandan.vn

25 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI VÀ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BÃI BỎ VỀ LĨNH VỰC BẢO HIỂM XÃ HỘI

Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 2270/QĐ-BTC công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, áp dụng thực hiện trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của cơ quan này.

Theo đó, 25 thủ tục hành chính được công bố, gồm 5 thủ tục ban hành mới, 15 thủ tục được sửa đổi, bổ sung và 5 thủ tục được bãi bỏ, góp phần tiếp tục đơn giản hóa, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, tạo thuận lợi trong thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

Ban hành mới 5 thủ tục hành chính

Theo Quyết định số 2270/QĐ-BTC, trong 5 thủ tục hành chính được ban hành mới có 3 thủ tục thực hiện theo Luật Việc làm, 1 thủ tục theo quy định mới của Luật Bảo hiểm xã hội và 1 thủ tục theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế.

Cụ thể, các thủ tục hành chính mới gồm: Giải quyết chế độ đối với người lao động không đủ điều kiện hưởng lương hưu và chưa đủ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội; Chi trả hỗ trợ người lao động tham gia đào tạo, nâng cao trình độ kỹ năng nghề; Chi trả kinh phí hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động; Chi trả trợ cấp thất nghiệp; Giám định chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế.

Việc công bố các thủ tục hành chính mới được thực hiện trên cơ sở các quy định pháp luật hiện hành về kiểm soát thủ tục hành chính, cải cách thủ tục hành chính và pháp luật chuyên ngành về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, an toàn, vệ sinh lao động. Qua đó, góp phần bảo đảm việc tổ chức thực hiện các quy định mới được thống nhất trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

Trong đó, thủ tục “Giải quyết chế độ đối với người lao động không đủ điều kiện hưởng lương hưu và chưa đủ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội” là nội dung được ban hành theo quy định mới của Luật Bảo hiểm xã hội; thủ tục “Giám định chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế” được ban hành theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế. Các thủ tục còn lại liên quan đến chi trả trợ cấp thất nghiệp và hỗ trợ đào tạo, nâng cao trình độ kỹ năng nghề được thực hiện theo quy định của Luật Việc làm.

Sửa đổi, bổ sung 15 thủ tục hành chính

Cùng với việc ban hành mới, Quyết định số 2270/QĐ-BTC công bố 15 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, tập trung vào nhiều nhóm chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế.

Trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, các thủ tục được sửa đổi, bổ sung gồm thủ tục giải quyết hưởng chế độ ốm đau, thai sản, trợ cấp dưỡng sức phục hồi sức khỏe sau ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; giải quyết hưởng chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

đối với trường hợp bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp lần đầu; trường hợp đã bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp nay tiếp tục bị tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp; và trường hợp hưởng chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp do thương tật, bệnh tật tái phát.

Bên cạnh đó, Quyết định sửa đổi, bổ sung thủ tục giải quyết hưởng lương hưu, trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ xã; giải quyết hưởng bảo hiểm xã hội một lần; giải quyết hưởng trợ cấp một lần đối với người đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng ra nước ngoài để định cư.

Các thủ tục liên quan đến chế độ tử tuất và trợ cấp cũng được cập nhật, gồm giải quyết hưởng chế độ tử tuất và truy lĩnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của người hưởng đã chết nhưng còn chế độ chưa nhận; giải quyết hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 613/QĐ-TTg; giải quyết hưởng trợ cấp đối với nhà giáo đã nghỉ hưu chưa được hưởng chế độ phụ cấp thâm niên trong lương hưu theo Nghị định số 14/2020/NĐ-CP.

Quyết định cũng sửa đổi, bổ sung thủ tục giải quyết điều chỉnh, tạm dừng, hủy quyết định, chấm dứt hưởng, hưởng tiếp bảo hiểm xã hội; thôi hưởng trợ cấp tuất hằng tháng đối với người đang hưởng trợ cấp tuất hằng tháng chết mà thuộc đối tượng được hưởng hỗ trợ chi phí mai táng; thay đổi hình thức nhận, nơi nhận lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng.

Trong lĩnh vực bảo hiểm y tế, 3 thủ tục được sửa đổi, bổ sung gồm ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế; thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh giữa cơ quan bảo hiểm xã hội và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; thanh toán trực tiếp chi phí khám bệnh, chữa bệnh giữa cơ quan bảo hiểm xã hội và người tham gia bảo hiểm y tế.

Như vậy, nhóm thủ tục được sửa đổi, bổ sung lần này bao quát nhiều nội dung gắn trực tiếp với quá trình giải quyết, thụ hưởng chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, từ các chế độ ngắn hạn như ốm đau, thai sản, dưỡng sức, phục hồi sức khỏe đến các chế độ dài hạn như lương hưu, bảo hiểm xã hội một lần, tử tuất và các thủ tục trong lĩnh vực bảo hiểm y tế.

Đáng chú ý, tại Biểu mẫu 14-HSB (Văn bản đề nghị giải quyết chế độ) kèm theo Quyết định công bố thủ tục hành chính, nội dung về chế độ thai sản đã được bổ sung hướng dẫn về chế độ thai sản khi sinh con thứ hai theo khoản 1 Điều 2 Nghị định số 168/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ.

Nội dung này áp dụng đối với người lao động bảo lưu, đã thôi việc, phục viên, xuất ngũ trước thời điểm sinh con; trong đó áp dụng cả trường hợp sinh con từ ngày 01/7/2026 trở đi trong thời gian đang đóng bảo hiểm xã hội nhưng đã thôi việc tại đơn vị và có nguyện vọng nộp hồ sơ hưởng chế độ tại cơ quan bảo hiểm xã hội; đồng thời áp dụng đối với người lao động không còn người sử dụng lao động.

Bãi bỏ 5 thủ tục, đẩy mạnh tái cấu trúc và thay thế hồ sơ bằng dữ liệu

Quyết định số 2270/QĐ-BTC đồng thời công bố 5 thủ tục hành chính được bãi bỏ trong quá trình đơn giản hóa, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ thủ tục hành chính.

Các thủ tục được bãi bỏ gồm thủ tục về người hưởng lĩnh chế độ bảo hiểm xã hội bằng tiền mặt chuyển sang lĩnh bằng tài khoản cá nhân và ngược lại hoặc thay đổi thông tin cá nhân; ủy quyền lĩnh thay các chế độ bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp; truy lĩnh lương hưu, trợ cấp

bảo hiểm xã hội của người hưởng đã chết nhưng còn chế độ chưa nhận; giải quyết hưởng tiếp lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng đối với người chấp hành xong hình phạt tù, người xuất cảnh trái phép trở về nước định cư hợp pháp, người được Tòa án hủy quyết định tuyên bố mất tích; và giải quyết hưởng trợ cấp dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Việc bãi bỏ thủ tục hành chính không đồng nghĩa với việc người dân, tổ chức mất quyền thực hiện các nội dung có liên quan. Đối với việc ủy quyền lĩnh thay các chế độ bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp, Quyết định nêu rõ việc ủy quyền thực hiện các thủ tục hành chính nói chung vẫn được thực hiện bình thường khi cá nhân, tổ chức có yêu cầu và có văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật.

Cũng theo Quyết định trên, quá trình rà soát, xây dựng và công bố thủ tục hành chính lĩnh vực bảo hiểm xã hội được thực hiện đồng thời với việc triển khai các quy định về tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thay thế thành phần hồ sơ bằng dữ liệu, tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

Theo đó, các thành phần hồ sơ trong thủ tục hành chính tại Quyết định được thay thế bằng dữ liệu do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý, cung cấp được tích hợp tại Trung tâm dữ liệu quốc gia hoặc dữ liệu do các bộ, ngành, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố chia sẻ. Dữ liệu được khai thác từ kho dữ liệu bảo hiểm xã hội gồm các trường thông tin thuộc sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế.

Bên cạnh đó, nhiều loại giấy tờ đã được liên thông, chia sẻ dữ liệu, gồm giấy ra viện; tóm tắt hồ sơ bệnh án; bản sao giấy báo tử đối với trường hợp người bệnh điều trị nội trú tử vong tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội; giấy ra viện hoặc bản tóm tắt hồ sơ bệnh án có ghi chỉ định thời gian cần điều trị ngoại trú sau thời gian điều trị nội trú; giấy chứng tử hoặc trích lục khai tử của lao động nữ sinh con, lao động nữ nhờ mang thai hộ trong trường hợp chết sau khi sinh con; giấy xác nhận nghỉ dưỡng thai; hồ sơ thể hiện thông tin con chết, thai chết; biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của Hội đồng Giám định y khoa và một số giấy tờ liên quan đến quá trình điều trị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Việc thay thế thành phần hồ sơ bằng dữ liệu góp phần giảm yêu cầu cung cấp lại những thông tin, giấy tờ đã có trong các cơ sở dữ liệu được kết nối, chia sẻ; đồng thời tiếp tục thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

Hiện nay, Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã hoàn thành việc cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Cơ quan này cũng đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ theo hướng điện tử hóa, thay thế hồ sơ giấy bằng dữ liệu số.

Trong năm 2025, hệ thống Bảo hiểm xã hội Việt Nam tiếp nhận 149,9 triệu hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính, trong đó có 136,4 triệu hồ sơ giao dịch điện tử (chiếm 91% tổng số hồ sơ tiếp nhận, tăng 2% so với năm 2024).

Nhiều thủ tục hành chính đã được đơn giản hóa, người dân không phải nộp lại các giấy tờ như sổ bảo hiểm xã hội, giấy khai sinh, giấy chứng tử khi cơ quan bảo hiểm xã hội đã khai thác được dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia.

Nguồn: [nhandan.vn](#)

KIẾN TẠO NỀN TÀI CHÍNH SỐ TỪ TINH GỌN THỦ TỤC ĐẾN LIÊN THÔNG DỮ LIỆU

Từ việc tinh gọn bộ máy, thủ tục, tối ưu hóa thời gian giải quyết cho đến việc xây dựng hệ sinh thái dữ liệu dùng chung liên thông, ngành Tài chính đang từng bước khẳng định vị thế tiên phong trong tiến trình chuyển đổi số quốc gia.

Mạch ngầm công nghệ bền bỉ và bài toán kiến tạo thể chế

Để mỗi giao dịch trên không gian số của người dân diễn ra nhanh chóng, an toàn chỉ sau một cú chạm, đằng sau đó là một hạ tầng công nghệ thông tin được đầu tư đồng bộ và vận hành vô cùng khắt khe. Ngành Tài chính đã triển khai mô hình kết nối tập trung, áp dụng giải pháp bảo mật đa lớp và thiết lập Hệ thống giám sát an toàn thông tin (SOC) hoạt động liên tục 24/7. Nhờ đó, các hệ thống thông tin trọng yếu luôn vận hành ổn định, không xảy ra sự cố nghiêm trọng, bảo vệ an toàn tuyệt đối dữ liệu cá nhân của hàng triệu người dùng.

Song song với hạ tầng kỹ thuật, việc cải cách thể chế và cắt giảm thủ tục hành chính được coi là “chìa khóa vàng” tháo gỡ điểm nghẽn cho nền kinh tế. Đánh giá về tầm quan trọng của nhiệm vụ này, đại diện lãnh đạo Bộ Tài chính từng nhấn mạnh: “Cải cách hành chính và chuyển đổi số không đơn thuần là việc thay đổi phương thức làm việc từ thủ công sang máy tính, mà là một cuộc cách mạng về tư duy quản trị. Mục tiêu tối thượng là chuyển từ tư duy “quản lý” sang “phục vụ”, lấy sự hài lòng và tiết kiệm chi phí cho người dân, doanh nghiệp làm thước đo cao nhất”.

Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, Bộ Tài chính đã ghi nhận những kết quả hết sức ấn tượng. Đến nay, Bộ đã rà soát và đơn giản hóa tổng cộng 556 thủ tục, bãi bỏ hoặc đơn giản hóa 139 điều kiện kinh doanh. Đáng chú ý, tổng thời gian giải quyết thủ tục được cắt giảm lên tới 6.577 ngày (đạt tỷ lệ 53,52%), giúp cắt giảm khoảng 39,1 nghìn tỷ đồng chi phí tuân thủ cho toàn xã hội.

Tính đến tháng 7/2026, Bộ Tài chính đã tinh gọn danh mục quản lý xuống còn 687 thủ tục hành chính (giảm 314 thủ tục hành chính so với thời điểm tháng 1/2025 và giảm 277 thủ tục hành chính so với thời điểm ngày 01/3/2025) thuộc 25 lĩnh vực quản lý của Bộ. Việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cũng thu được “quả ngọt” khi tỷ lệ thủ tục xử lý tại cấp Bộ giảm xuống còn 24,55% (thấp hơn ngưỡng mục tiêu 30% mà Chính phủ đề ra), giúp rút ngắn tối đa khoảng cách hành chính giữa cơ quan quản lý và người thụ hưởng.

Những con số biết nói trong đời sống

Sự hội tụ giữa Đề án 06 về phát triển dữ liệu dân cư và hệ thống dữ liệu tài chính số đã tạo ra những thay đổi mang tính bước ngoặt trên nhiều lĩnh vực then chốt.

Việc tích hợp tài khoản định danh điện tử VNeID đã biến các thao tác kê khai thuế trở nên nhẹ nhàng hơn bao giờ hết, ghi nhận hàng chục triệu lượt truy cập an toàn. Trong lĩnh vực bán lẻ và dịch vụ, giải pháp hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền đã nhanh chóng phủ sóng khắp các tỉnh thành. Đến giữa năm 2026, cả nước đã có hơn 527 nghìn cơ sở kinh doanh tham gia, phát hành thành công trên 8,4 tỷ hóa đơn điện tử. Điều này không chỉ giúp hộ kinh doanh chuyên nghiệp hóa quản lý mà còn hạn chế tối đa tình trạng thất thu ngân sách, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Tại Kho bạc Nhà nước, mục tiêu “Kho bạc không tiền mặt” và “Kho bạc không giấy tờ” gần như đã hoàn thành trọn vẹn. Tỷ lệ thu ngân sách qua phương thức điện tử đạt 99,84% và chi ngân sách đạt 99,64%. Đặc biệt, việc tự động hóa thanh toán tiền điện, nước, viễn thông cho hơn 35.000 đơn vị sử dụng ngân sách đã giải phóng một lượng lớn thời gian, công sức cho cán bộ kế toán công, góp phần minh bạch hóa các khoản chi công.

Có lẽ người dân cảm nhận rõ nhất giá trị của chuyển đổi số khi bước chân vào các bệnh viện hay nhận trợ cấp xã hội. Đến nay, 100% cơ sở khám chữa bệnh bảo hiểm y tế trên toàn quốc đã tiếp nhận người bệnh bằng Căn cước công dân gắn chip hoặc tài khoản VNeID, với hơn 425,1 triệu lượt tra cứu thông tin thẻ thành công. Việc liên thông dữ liệu y tế cũng cho phép hơn 710,6 triệu lượt hồ sơ được gửi lên hệ thống, phục vụ tích hợp giấy khám sức khỏe, giấy chứng sinh, giấy báo tử điện tử.

Bên cạnh đó, Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm đã xác thực thành công thông tin cho hơn 100,2 triệu công dân (đạt tỷ lệ chuẩn xác 99,74%). Nhờ dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống”, kỳ chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội và trợ cấp thất nghiệp qua tài khoản cá nhân đã đạt hơn 86%, giúp nguồn vốn an sinh đến tay người thụ hưởng một cách nhanh chóng, công khai và an toàn.

Đưa dữ liệu thành tài sản chiến lược

Bước sang kỷ nguyên số, dữ liệu đã trở thành nguồn tư liệu sản xuất mới, là “mỏ dầu” tiềm năng cần được khai phá. Đứng trước khối lượng thông tin khổng lồ trải dài từ thu chi ngân sách, giao thương hải quan, thị trường chứng khoán cho đến tài sản công và đầu tư toàn quốc, Bộ Tài chính xác định: Chuyển đổi số không đơn thuần là mua sắm phần mềm hay thiết bị riêng lẻ, mà cốt lõi nằm ở sự thấu hiểu, kết nối và chuẩn hóa dữ liệu.

Khẩu hiệu “Số hóa cốt lõi, phục vụ tận tâm” được chọn lựa như một lời hứa trải dài từ tư duy chỉ đạo đến từng quy trình nghiệp vụ nhỏ nhất. Dữ liệu chỉ thực sự có sức sống khi nó thoát khỏi những “ngăn kéo” hành chính riêng lẻ để hòa vào dòng chảy chung, mang lại sự thuận tiện cho người dân và sức bứt phá cho doanh nghiệp.

Không dừng lại ở những kết quả ban đầu, ngành Tài chính đang dồn lực xây dựng một “trái tim dữ liệu” thống nhất. Ông Nguyễn Việt Hà, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số (Bộ Tài chính) cho biết, tính đến nay Bộ Tài chính đã hoàn thành 131/149 nhiệm vụ triển khai Nghị quyết 57-NQ/TW. Bộ Tài chính cũng đã hoàn thiện Khung kiến trúc dữ liệu và Hệ

thông từ điển dữ liệu phiên bản 1.0. Đến nay, Bộ Tài chính đã hoàn thành đồng bộ 13 trong tổng số 16 cơ sở dữ liệu cốt lõi lên Trung tâm Dữ liệu quốc gia với hàng trăm triệu bản ghi, bảo đảm yêu cầu “đúng, đủ, sạch, sống”. Ba cơ sở dữ liệu còn lại gồm đầu tư nước ngoài, khu công nghiệp - khu kinh tế, quy hoạch đang triển khai đúng lộ trình, dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2026 - 2027; hoàn tất kiểm thử 9/9 hệ thống trọng điểm kết nối Cổng Dịch vụ công quốc gia và thúc đẩy nền tảng AI dùng chung.

Để tiếp tục khuyến khích thói quen “làm việc trên môi trường số” của người dân, Bộ Tài chính đã áp dụng chính sách miễn hoàn toàn 6 khoản phí, lệ phí và giảm 50% đối với 6 khoản phí khác khi người dân thực hiện dịch vụ công qua ứng dụng VNeID. Chính sách này ước tính chia sẻ và hỗ trợ khoảng 56 tỷ đồng cho người dân và doanh nghiệp.

Nguồn: thoibaotaichinhvietnam.vn

TIN ĐỊA PHƯƠNG**HANOI SMART POLICE KẾT NỐI ĐỂ
PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN NHANH VÀ HIỆU QUẢ NHẤT**

Trong buổi ra mắt 3 sản phẩm, giải pháp chuyển đổi số phục vụ công tác bảo đảm an ninh, trật tự vào đúng dịp Quốc khánh, Hanoi Smart Police được coi là bước đột phá trong chuyển đổi số, đưa Công an Thủ đô đến gần Nhân dân hơn.

Mở “cửa ngõ số” phục vụ nhân dân nhanh hơn

Trên màn hình trung tâm của Trung tâm Thông tin chỉ huy (Công an thành phố Hà Nội), những hình ảnh truyền về từ số 63 phố Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam ghi lại cảnh hai người ngồi uống nước rồi nảy sinh cãi vã, có khả năng diễn ra một cuộc xô xát với hậu quả khôn lường. Chứng kiến sự việc, một công dân có mặt tại hiện trường mở ứng dụng Cảnh sát Hà Nội thông minh (Hanoi Smart Police) trên nền tảng iHanoi rồi bấm nút khẩn cấp SOS...

Toàn bộ quá trình diễn biến vụ việc được Thượng tá Trần Xuân Hải, Trưởng Công an phường Cửa Nam nắm rõ để kịp thời ra những mệnh lệnh giải quyết sự vụ. Thượng tá Trần Xuân Hải cho biết, ngay khoảnh khắc gửi thông tin, màn hình điện thoại của người dân tự động chuyển sang màu đen để giữ bí mật. Toàn bộ âm thanh và hình ảnh vụ việc được truyền trực tiếp về hệ thống của Công an phường Cửa Nam cùng Trung tâm Thông tin chỉ huy. Chuông báo động reo, màn hình trực ban nháy đỏ cảnh báo. Cán bộ trực ban công an phường báo cáo chỉ huy, phát lệnh qua bộ đàm. Chỉ vài phút sau, tổ tuần tra phản ứng nhanh đã tiếp cận hiện trường, khống chế các đối tượng đưa về trụ sở giải quyết.

“Nhờ ứng dụng Hanoi Smart Police đã tiết kiệm cả không gian và thời gian để giải quyết triệt để các vấn đề an ninh trật tự phát sinh. Thay vì trước đây, cán bộ trực ban tiếp nhận tin báo dưới các hình thức gọi điện, trực tiếp trình báo rồi cử tổ công tác đi xác minh, xử lý... bây giờ toàn bộ quá trình đó đã được phản ánh chân thực bằng hình ảnh, âm thanh rõ nét”, Thượng tá Trần Xuân Hải cho biết.

Tính năng thứ hai được thực nghiệm trên ứng dụng Hanoi Smart Police là phản ánh hiện trường. Khi phát hiện một hàng nước lấn chiếm hè phố tại số 63 Lý Thường Kiệt gây cản trở người đi bộ, người dân chụp ảnh gửi qua ứng dụng. Nhờ công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), hệ thống tự động nhận diện vị trí và định tuyến tin báo thẳng về Công an phường Cửa Nam. Tổ Cảnh sát trật tự có mặt xuống hiện trường lập biên bản vi phạm, trả lại lối đi thông thoáng. Kết quả xử lý bằng hình ảnh được gửi ngược lên hệ thống để công dân theo dõi công khai.

Với người dân, ứng dụng Hanoi Smart Police còn đóng vai trò người trợ lý số đắc lực. Người dân có thể tra cứu bản đồ số để nắm rõ thông tin, số điện thoại của cảnh sát khu vực phụ trách từng tổ dân phố hoặc theo dõi trực tiếp 130 camera giao thông tại các nút giao lớn. Khi người dân cần làm thủ tục xác nhận cư trú hoặc cấp thẻ căn cước, tổng đài AI 1900.0113 tự động hướng dẫn chuẩn bị hồ sơ, cung cấp địa chỉ trụ sở tại số 73 phố Lê Duẩn và sắp xếp lịch

hẹn. Đến giờ hẹn, hệ thống phát số tự động đón công dân vào bàn làm việc. Người dân sau đó chấm điểm sự phục vụ của cán bộ theo 5 mức độ trên màn hình.

Hỗ trợ các biện pháp nghiệp vụ

Hanoi Smart Police đã thiết lập kênh tương tác trực tiếp hai chiều, minh bạch giữa lực lượng công an với người dân, đưa cán bộ cơ sở đến gần dân nhất. Đối với lực lượng công an, phân hệ nội bộ tích hợp bản đồ số 3D/4D do Việt Nam làm chủ mã nguồn, cho phép khai thác các lớp dữ liệu quản trị an ninh theo thời gian thực. Những tính năng đó được giới thiệu bằng video trực tiếp, mô phỏng tình huống thực tế sống động, chân thật.

Thiếu tướng Nguyễn Hồng Ky, Phó Giám đốc Công an thành phố Hà Nội cho biết, Hanoi Smart Police là bước đột phá trong cải cách hành chính, hiện đại hóa công tác chỉ huy, điều hành, tạo kênh tương tác trực tiếp giữa người dân với lực lượng Công an. Thông qua ứng dụng, người dân có thể: gửi phản ánh hiện trường, tin báo liên quan đến an ninh, trật tự; gửi tín hiệu khẩn cấp SOS; đặt lịch hẹn, làm việc với cơ quan Công an; theo dõi camera trực tuyến, đánh giá mức độ hài lòng và thực hiện một số thủ tục hành chính công trực tuyến. AI tự động phân luồng, xử lý thông tin ngay từ cơ sở.

Điểm nổi bật của Hanoi Smart Police là hệ thống AI có khả năng tự động phân tích nội dung, xác định vị trí, lĩnh vực và chuyển thông tin vụ việc đến đúng Công an cấp xã, phường để kịp thời tiếp nhận, giải quyết. Trung tâm Thông tin chỉ huy Công an thành phố giám sát toàn bộ quá trình tiếp nhận, xử lý, cập nhật kết quả, góp phần bảo đảm thông tin được xử lý đồng bộ, tức thời, chính xác, nâng cao hiệu quả giải quyết công việc ngay từ cơ sở. Đặc biệt, tín hiệu SOS được tiếp nhận và xử lý theo quy trình tình huống khẩn cấp về an ninh, trật tự, cháy, nổ, tương tự việc tiếp nhận tin qua Tổng đài 113, 114.

Nguồn: hanoimoi.vn

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: GIẢI PHÁP HẠN CHẾ, BẮT CẬP TRONG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Chiều 3/9, Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức Phiên giải trình về công tác cải cách hành chính trên địa bàn Thành phố.

Tại Phiên giải trình, đại diện Sở Nội vụ, Trung tâm Phục vụ hành chính công; Sở Xây dựng; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh đã giải trình về các vấn đề hạn chế, bất cập mà Hội đồng nhân dân Thành phố đã nêu ra trên cơ sở kết quả của 4 cuộc giám sát trực tiếp về công tác cải cách hành chính đối với 16 phường, xã, đặc khu, 1 cuộc giám sát trực tiếp đối với Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố; giám sát qua báo cáo đối với Ủy ban nhân dân Thành phố và một số đơn vị cấp sở của Thành phố.

Liên quan đến một số vấn đề trong thẩm quyền của Sở Tài chính, bà Trần Mai Phương, Phó Giám đốc Sở Tài chính Thành phố cho biết, việc chậm chi hỗ trợ cho người làm việc tại bộ phận một cửa cấp xã là do các địa phương chưa nắm rõ quy định mới trong Luật Ngân sách dẫn

đến các đề xuất kinh phí chưa đúng, chưa chuẩn. Sở Tài chính đã tổ chức hướng dẫn, tập huấn về công tác tài chính, ngân sách theo Luật Ngân sách; đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã khẩn trương lập dự toán kinh phí hỗ trợ người làm việc tại bộ phận một cửa đảm bảo đúng đối tượng và đúng quy định hiện hành.

Bà Trần Mai Phương cho biết thêm, do việc tăng tiền lương cơ sở (từ 2.340.000 đồng/tháng lên 2.530.000 đồng/tháng) và tăng mức chi phụ cấp ưu đãi ngành thì từ năm 2027 dự toán kinh phí chi hoạt động của ngành Giáo dục Thành phố sẽ tăng thêm 322,441 tỷ đồng so với dự toán năm 2026.

Đối với tiến độ giải ngân đầu tư công, ngày 07/8/2026, Sở Tài chính đã tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Công văn số 7261/UBND-DA về thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công các tháng cuối năm 2026. Theo đó, dự kiến kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công đến hết niên độ Kế hoạch năm 2026 của Thành phố đạt 100% kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao.

Giải trình về phản ánh của một số địa phương cho rằng việc phân cấp quản lý hạ tầng giao thông còn bất cập, ông Võ Khánh Hưng, Phó Giám đốc Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh cho biết, việc giao cấp xã trực tiếp quản lý các công trình đường bộ gắn với địa bàn quản lý theo địa giới hành chính đã tạo điều kiện để chính quyền địa phương chủ động hơn trong việc nắm bắt hiện trạng, tiếp nhận phản ánh của người dân và tổ chức xử lý các vấn đề phát sinh.

Tuy nhiên, bộ máy và nhân sự thực hiện nhiệm vụ quản lý hạ tầng đường bộ tại một số Ủy ban nhân dân cấp xã chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu về số lượng và chuyên môn; một số địa phương còn chậm trong việc lập dự toán chi thường xuyên và bố trí kinh phí phục vụ công tác quản lý, bảo trì công trình đường bộ... dẫn đến chậm trễ trong khắc phục một số hư hỏng trên đường giao thông.

Trong thời gian tới, thực hiện Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định về quản lý đường đô thị, đường xã, đường thôn trên địa bàn, dự kiến Sở Xây dựng sẽ quản lý 1.014 tuyến đường (chiếm 1,64% số lượng các tuyến đường trên toàn địa bàn Thành phố) với khối lượng 3.407.720m (chiếm 16,93%), giảm so với hiện trạng hiện nay đang quản lý 1.341 tuyến đường bộ với tổng chiều dài 4.047.113 m. Cấp xã sẽ quản lý 60.918 tuyến đường bộ (chiếm 98,36%) với chiều dài 16.715.624m (chiếm 83,07%), tăng so với hiện nay đang quản lý 60.591 tuyến đường bộ với khối lượng là 16.076.231m.

Trên cơ sở điều chỉnh việc phân cấp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn, Sở Xây dựng sẽ đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố phân chia lại dự toán ngân sách năm 2026 theo nguyên tắc phân bổ theo tỷ trọng khối lượng được phân cấp quản lý để kịp thời có kinh phí đảm bảo cho các đơn vị thực hiện công tác quản lý, duy tu bảo dưỡng.

Trong khi đó, trả lời về ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị ủy quyền thẩm quyền tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục, bà Trần Thị Ngọc Châu, Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh cho biết, Sở đang lấy ý kiến ủy quyền cho Hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông chất lượng cao, thực hiện liên kết giáo dục và các mô hình tiên

tiến, hiện đại thực hiện tuyển dụng nhà giáo, nhân viên. Sau khi công tác sắp xếp các cơ sở giáo dục ổn định, Sở Giáo dục và Đào tạo sẽ thực hiện xem xét đánh giá năng lực, khả năng thực hiện đối với nội dung ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tuyển dụng để chủ động nhân sự trong thực hiện chiến lược phát triển của địa phương.

Chủ trì Phiên giải trình, bà Nguyễn Trường Nhật Phụng, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ghi nhận, đánh giá cao tinh thần trách nhiệm, tích cực của Ủy ban nhân dân Thành phố cùng các sở, ngành trong công tác cải cách hành chính đồng thời đề nghị các sở, ngành liên quan tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp giải quyết các vấn đề vướng mắc, bất cập còn tồn tại trong công tác cải cách hành chính trên địa bàn Thành phố.

Trong đó, bà Nguyễn Trần Nhật Phụng đề nghị Sở Xây dựng sớm tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành sửa đổi Quyết định số 36 để đảm bảo phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Trung tâm Phục vụ hành chính công phối hợp chặt chẽ với Sở Nội vụ nghiên cứu đề xuất phương án giải quyết vấn đề bố trí viên chức làm việc tại Trung tâm; nghiên cứu bố trí hài hòa Tổ công tác địa bàn với việc sử dụng viên chức làm việc tại các Trung tâm; nhanh chóng rà soát các loại yêu cầu không phải thủ tục hành chính nhưng cấp xã đang phải thực hiện để chuẩn hóa, đúng quy trình, đúng quy định...

Nguồn: baotintuc.vn

SƠN LA: LẤY SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN LÀM THƯỚC ĐO CHẤT LƯỢNG PHỤC VỤ

Ở xã biên giới Lóng Phiêng (Sơn La), cải cách hành chính đang được triển khai từ những việc thiết thực, lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo chất lượng phục vụ. Từ công khai thủ tục, hướng dẫn rõ quy trình, đến đẩy mạnh chuyển đổi số, nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công, xã từng bước xây dựng nền hành chính hiện đại, minh bạch, gần dân và phục vụ hiệu quả hơn.

Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, các lĩnh vực, thủ tục hành chính được niêm yết công khai, bố trí khoa học, thuận tiện tra cứu. Hệ thống mã QR tại từng lĩnh vực giúp người dân nhanh chóng tiếp cận thông tin cần thiết. Cán bộ, công chức trực tiếp hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ, hỗ trợ thực hiện các bước giải quyết thủ tục trên môi trường điện tử, từng bước tạo sự thuận tiện, minh bạch trong giải quyết công việc.

Bà Lữ Thị Huyền, Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, cho biết: Trung tâm công khai đầy đủ quy trình, thành phần hồ sơ, thời gian giải quyết; đồng thời nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức trong từng khâu tiếp nhận, xử lý và trả kết quả. Cùng với đó, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, góp phần rút ngắn thời gian, tạo thuận lợi trong giải quyết thủ tục hành chính.

Hiện nay, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã thực hiện 416 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân xã. Trong 6 tháng đầu năm 2026, Trung tâm đã

tiếp nhận, giải quyết 993 hồ sơ; trong đó, 905 hồ sơ được tiếp nhận trực tuyến, chiếm 91%; 977 hồ sơ được giải quyết trước hạn, đạt 98,4%. Những kết quả này cho thấy chuyển biến tích cực trong phương thức giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương. Việc đẩy mạnh tiếp nhận hồ sơ trực tuyến giúp giảm thời gian đi lại, chờ đợi, tăng tính công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho việc theo dõi, kiểm soát tiến độ xử lý hồ sơ trên hệ thống.

Đối với xã biên giới, việc hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ công trực tuyến rất cần thiết, bởi nhiều người dân chưa thành thạo sử dụng điện thoại thông minh, thao tác trên các nền tảng số. Cán bộ Trung tâm không chỉ tiếp nhận hồ sơ mà còn trực tiếp hướng dẫn, “cầm tay chỉ việc”, giúp người dân từng bước làm quen với phương thức giao dịch mới.

Đối với cán bộ làm việc tại Trung tâm, yêu cầu không chỉ là nắm chắc quy trình mà còn phải hỗ trợ người dân tiếp cận phương thức giải quyết thủ tục trên môi trường số. Anh Lò Văn Phong, chuyên viên Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, cho biết: Chúng tôi hướng dẫn người dân ngay từ đầu để hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. Với những người chưa quen thao tác trực tuyến, cán bộ sẽ trực tiếp hỗ trợ từng bước, giúp giải quyết công việc thuận lợi hơn và dần hình thành thói quen sử dụng các dịch vụ công trên môi trường số.

Hiệu quả phục vụ được phản ánh qua kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp. Trong 6 tháng đầu năm 2026, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Lóng Phiêng đứng thứ 8/75 xã, phường. Ông Lữ Văn Chung, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Lóng Phiêng, thông tin: Thời gian tới, xã tiếp tục nâng cao chất lượng tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, tăng cường kiểm tra, giám sát, nhất là trách nhiệm và thái độ phục vụ của cán bộ, công chức; đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công và thanh toán trực tuyến; rút ngắn thời gian giải quyết và nâng cao hiệu quả phối hợp đối với các hồ sơ liên thông. Mục tiêu phấn đấu 100% hồ sơ được tiếp nhận, theo dõi, quản lý trên hệ thống điện tử.

Từ những chuyển biến trong giải quyết thủ tục hành chính cho thấy, cải cách hành chính ở Lóng Phiêng đang từng bước đi vào thực chất, lấy sự thuận tiện và hài lòng của người dân làm thước đo. Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ gắn với nâng cao trách nhiệm, tinh thần phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức không chỉ nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền cơ sở, mà còn góp phần xây dựng nền hành chính công khai, minh bạch, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở địa bàn biên giới.

Nguồn: baosonla.vn

TUYÊN QUANG: KHI CHÍNH QUYỀN ĐẾN GẦN TỪNG BẢN LÀNG

Sau hơn một năm vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp, những thay đổi trong tổ chức bộ máy ở Tuyên Quang đang dần được người dân cảm nhận qua những việc cụ thể: nhiều thủ tục được tiếp nhận ngay tại xã, hồ sơ có thể nộp trực tuyến, dữ liệu đã số hóa được tái sử dụng, người dân được lựa chọn điểm nộp hồ sơ thuận tiện hơn.

Trên địa bàn miền núi rộng lớn, dân cư phân bố không đồng đều, nhiều xã vùng cao, biên giới, đưa chính quyền đến gần dân không đơn thuần là rút ngắn khoảng cách về tổ chức, mà còn phải thu hẹp khoảng cách địa lý, công nghệ và khả năng tiếp cận dịch vụ công của mỗi người dân.

Không để địa hình trở thành khoảng cách phục vụ

Xã Lũng Cú nằm ở vùng cực Bắc của Tổ quốc, được thành lập trên cơ sở hợp nhất các xã Lũng Cú, Lũng Táo và Ma Lé trước đây. Xã có diện tích 95,2 km², 37 thôn, hơn 15.000 người thuộc 12 dân tộc cùng sinh sống và trên 31 km đường biên giới.

Địa bàn rộng, địa hình núi đá chia cắt, nhiều thôn cách xa trung tâm đặt ra yêu cầu cao đối với hoạt động của chính quyền cơ sở. Với người dân ở những thôn xa, mỗi lần đến trụ sở xã làm thủ tục có thể là một hành trình dài qua nhiều cung đường đèo dốc. Nếu hồ sơ phải bổ sung hoặc đi lại nhiều lần, thời gian và chi phí bỏ ra càng lớn.

Sau khi mô hình chính quyền địa phương hai cấp đi vào hoạt động, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Lũng Cú được kiện toàn, tiếp nhận các thủ tục liên quan trực tiếp đến đời sống người dân như hộ tịch, chứng thực, đất đai, chính sách xã hội.

Cán bộ tại trung tâm tăng cường kiểm tra thành phần hồ sơ ngay từ đầu, hướng dẫn người dân kê khai, sử dụng tài khoản định danh điện tử và thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Nhiều công việc trước đây phải chuyển qua các đầu mối khác nhau nay được tiếp nhận gần dân hơn, góp phần giảm thời gian chờ đợi và số lần đi lại.

Theo Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã Lũng Cú Trần Đức Chung, sau khi vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp, khối lượng công việc và trách nhiệm của cấp xã tăng lên rõ rệt. Với địa bàn rộng, nhiều thôn cách xa trung tâm, xã xác định phải chủ động nắm bắt nhu cầu từ cơ sở, hướng dẫn người dân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, hạn chế việc bà con phải đi lại nhiều lần. Cùng với từng bước hoàn thiện điều kiện làm việc, địa phương chú trọng nâng cao năng lực, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, bảo đảm những nhiệm vụ được phân cấp được giải quyết kịp thời, đúng quy định và thuận lợi cho người dân.

Sau hơn một năm vận hành mô hình mới, Tuyên Quang đã phân cấp, phân quyền 722 nhiệm vụ xuống cấp xã trên nhiều lĩnh vực. Việc trao thêm quyền chủ động cho cơ sở tạo điều kiện để những vấn đề sát sườn như đất đai, hộ tịch, an sinh xã hội được tiếp nhận và xử lý gần dân hơn. Từ đây cũng đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện năng lực đội ngũ, cơ sở vật chất và quy trình phối hợp, bảo đảm nhiệm vụ được chuyển về xã phải đi cùng với điều kiện thực hiện và trách nhiệm rõ ràng.

Từ đầu năm 2026 đến nay, các cơ quan cấp xã trên địa bàn tỉnh đã tiếp nhận hơn 448.800 hồ sơ, trong đó hơn 444.200 hồ sơ được nộp trực tuyến, đạt 99,41%; tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng và trước hạn đạt 99,33%. Toàn tỉnh có 2.190 thủ tục hành chính phục vụ người dân và doanh nghiệp, trong đó 1.413 dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

Hơn 92% hồ sơ và kết quả giải quyết đã được số hóa, gần 97% dữ liệu số hóa được khai thác, sử dụng lại. Những kết quả bước đầu cho thấy quy trình giải quyết công việc đang được

chuẩn hóa và vận hành thông suốt hơn, tạo nền tảng để chính quyền cơ sở nâng cao chất lượng phục vụ.

Thu hẹp khoảng cách số từ cơ sở

Nếu khoảng cách địa lý là trở ngại dễ nhận thấy thì khoảng cách số lại khó nhận diện hơn. Việc có điện thoại thông minh chưa đồng nghĩa với người dân có thể tự tạo tài khoản, kê khai biểu mẫu, tải giấy tờ và hoàn thành một quy trình trực tuyến.

Đối với người cao tuổi, người yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số hoặc những người ít có điều kiện tiếp xúc với công nghệ, một thủ tục được đưa lên môi trường số có thể trở thành khó khăn mới nếu thiếu sự hướng dẫn, hỗ trợ.

Xã Yên Phú là một trong những địa phương đang tiếp tục cụ thể hóa chuyển đổi số bằng những công việc gắn trực tiếp với quyền lợi của người dân. Cùng với áp dụng công cụ theo dõi tiến độ thực hiện nhiệm vụ, sử dụng mã QR để công khai thông tin, hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, tháng 8/2026, xã triển khai Chiến dịch 90 ngày làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa dữ liệu về sức khỏe, trẻ em và bảo trợ xã hội.

Những thông tin còn thiếu, sai, trùng lặp hoặc chưa phản ánh đúng thực tế được rà soát, xác minh và cập nhật, qua đó phục vụ tốt hơn công tác chăm sóc sức khỏe, bảo vệ trẻ em và thực hiện chính sách an sinh xã hội.

Trong chiến dịch, xã Yên Phú phấn đấu trên 90% trẻ em dưới 16 tuổi được tạo lập, cập nhật hồ sơ trước ngày 30/9/2026; các nhiệm vụ rà soát, liên thông và đồng bộ dữ liệu được triển khai để hoàn thành mục tiêu chung trước ngày 15/10/2026.

Việc chuẩn hóa dữ liệu không đơn thuần là một phần việc kỹ thuật, mà nhằm hạn chế bỏ sót đối tượng, bảo đảm chính sách đến đúng người, đồng thời tạo thuận lợi hơn trong cung cấp dịch vụ công. Đây cũng là bước tiếp nối kết quả cải cách hành chính năm 2025, khi 100% hồ sơ thủ tục hành chính của xã Yên Phú được giải quyết đúng và trước hạn; tỷ lệ số hóa hồ sơ và mức độ hài lòng của người dân đều đạt 100%; chỉ số cải cách hành chính xếp thứ hai trong 124 xã, phường của tỉnh.

Tuyên Quang hiện duy trì 3.926 tổ công nghệ số cộng đồng, phủ khắp các xã, phường, thôn và tổ dân phố. Các tổ hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công, tài khoản định danh điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt; hỗ trợ hộ kinh doanh, hợp tác xã giới thiệu sản phẩm trên môi trường số. Tại địa bàn vùng cao, đây là lực lượng trực tiếp đưa kỹ năng số đến với người dân bằng những công việc gần gũi, gắn với nhu cầu hằng ngày.

Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tuyên Quang Phan Đăng Đông cho rằng, chuyển đổi số chỉ thực sự hiệu quả khi người dân có khả năng tiếp cận và được thụ hưởng những tiện ích do công nghệ mang lại. Vì vậy, cùng với tiếp tục hoàn thiện hạ tầng, kết nối và khai thác dữ liệu, tỉnh chú trọng phổ cập kỹ năng số, phát huy vai trò của các tổ công nghệ số cộng đồng.

Đối với tỉnh miền núi có địa bàn rộng, điều kiện giữa các khu vực còn chênh lệch, quá trình chuyển đổi số phải được triển khai phù hợp với từng nhóm dân cư, không để người dân vùng cao, người cao tuổi và người yếu thế bị bỏ lại phía sau.

Tỉnh đang tiếp tục rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, phấn đấu cắt giảm 50% thời gian giải quyết và chi phí tuân thủ; cung cấp trực tuyến toàn trình đối với 100% thủ tục đủ điều kiện. Danh mục thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc địa giới đã được ban hành, tạo điều kiện để người dân lựa chọn điểm nộp hồ sơ thuận tiện thay vì phải trở về nơi cư trú.

Kết quả cải cách hành chính năm 2025 cho thấy Tuyên Quang đạt 90,01 điểm Chỉ số cải cách hành chính, xếp thứ 18/34 tỉnh, thành phố; Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt 83,44%, xếp thứ 16/34.

Kết quả giải quyết hồ sơ là một thước đo quan trọng, nhưng chất lượng phục vụ còn được thể hiện ở việc người dân có phải đi lại nhiều lần hay không, hồ sơ có được hướng dẫn đầy đủ ngay từ đầu, vướng mắc có được xử lý đến cùng và những người còn hạn chế về kỹ năng số có được hỗ trợ kịp thời hay không.

Nguồn: vietnamplus.vn

HUNG YÊN: PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN THEO MÔ HÌNH “4 XIN, 4 LUÔN VÀ 5 KHÔNG”

Sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, tại một số nơi, đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã còn lúng túng trong công tác dân vận; nhận thức, kỹ năng và tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân chưa đồng đều. Việc tiếp công dân, đối thoại, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh có nơi còn hình thức, một số vấn đề chính đáng của người dân chậm được giải quyết.

Trước thực tế đó, tỉnh Hưng Yên triển khai mô hình “Chính quyền phục vụ người dân và doanh nghiệp”, với phương châm “4 xin, 4 luôn, 5 không”, nhằm đổi mới lề lối, tác phong, nâng cao tinh thần trách nhiệm và chất lượng phục vụ nhân dân, doanh nghiệp.

“4 xin” là: Xin chào, xin lỗi, xin cảm ơn, xin phép. “4 luôn”: Luôn mỉm cười, luôn nhẹ nhàng, luôn lắng nghe, luôn giúp đỡ. “5 không”: Không cửa quyền hách dịch, gây khó khăn, phiền hà, không quan liêu, vô cảm, không để xảy ra tham nhũng, lãng phí, lợi ích nhóm, không xu nịnh, gian dối, không lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong thực thi công vụ.

Chuyển từ mệnh lệnh sang phục vụ

Xã Yên Mỹ (Hưng Yên) sau sáp nhập là địa phương có dân số lớn thứ nhì toàn tỉnh Hưng Yên với 95.141 nhân khẩu (bao gồm cả tạm trú). Vì thế, lượng thủ tục hồ sơ, giấy tờ của công dân liên quan đến Trung tâm phục vụ hành chính công là rất lớn.

Từ ngày 01/7/2025 đến 15/8/2026, Trung tâm xã đã tiếp nhận 15.937 hồ sơ thủ tục hành chính. Trong đó, hồ sơ trực tuyến 15.341 hồ sơ; hồ sơ trực tiếp 596 hồ sơ; đã giải quyết 15.911 hồ sơ, đạt tỷ lệ 99,84%; giải quyết đúng và trước hạn 15.858 hồ sơ, đạt tỷ lệ 99,67%; quá hạn 53 hồ sơ, chiếm 0,33%.

Với số lượng cán bộ, công chức chỉ có 8 người nhưng Trung tâm đã gánh vác một công việc khổng lồ. Đây cả là một sự cố gắng rất lớn của cả một tập thể, theo đúng tinh thần: chính quyền phục vụ người dân, như chỉ đạo của tỉnh Hưng Yên.

Việc người dân chưa chủ động cập nhật quy trình, tự chuẩn bị và nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia khiến cán bộ Trung tâm phải dành thêm thời gian hướng dẫn từ đầu. Từ chuẩn bị hồ sơ đến các bước nộp điện tử, bảo đảm thủ tục được số hóa toàn trình. Tình trạng này khá phổ biến ở khu vực nông thôn, khiến áp lực công việc của cán bộ gia tăng. Bình quân, mỗi trường hợp cần 5-10 phút để hướng dẫn, trong khi lượng hồ sơ tiếp nhận vốn đã rất lớn.

Ông Phạm Quang Huy, Phó Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công xã Yên Mỹ cho biết khó khăn lớn nhất không phải số lượng hồ sơ mà là việc một bộ phận người dân chưa thành thạo quy trình nộp hồ sơ điện tử. Dù đã được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, nhiều người vẫn chưa chủ động chuẩn bị cho những lần sau, khiến cán bộ phải tiếp tục hướng dẫn, thậm chí hỗ trợ nộp hồ sơ, ảnh hưởng đến tiến độ công việc.

Tương tự, tại xã Hưng Hà (Hưng Yên), được hình thành trên cơ sở 7 xã cũ, với tổng số khoảng 55.000 người dân. Xã lại nằm ở vị trí trung tâm của huyện cũ nên lượng hồ sơ “phi địa giới” cũng rất lớn. Vì thế có nhiều thời điểm, cán bộ, nhân viên Trung tâm phục vụ hành chính công của xã phải làm ngoài giờ. Nhờ thế, từ đầu năm 2026 đến nay, trong xấp xỉ 15.000 hồ sơ nhưng chỉ có 22 hồ sơ bị chậm, muộn.

Ông Nguyễn Công Nhật, Phó Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công xã Hưng Hà khẳng định sẽ tham mưu với lãnh đạo xã phát huy vai trò của tổ công nghệ số cộng đồng ở các thôn, để hướng dẫn người dân nộp các thủ tục đơn giản từ nhà, giúp giảm tải việc đi lại của người dân và cán bộ Trung tâm. Ngoài ý thức của người dân thì có yếu tố khách quan là có thời điểm đường truyền, hệ thống mạng của tỉnh, của Trung ương còn bị lỗi, dẫn đến việc nộp hồ sơ của xã bị “nghẽn” mất thời gian.

Lấy sự hài lòng là thước đo phục vụ

Ghi nhận tại nhiều Trung tâm phục vụ hành chính công trên địa bàn tỉnh Hưng Yên cho thấy cán bộ, nhân viên làm việc với cường độ cao và áp lực về thời gian nhưng thái độ của cán bộ công chức Trung tâm các xã vẫn luôn thực hiện “4 xin”, “4 luôn” và “5 không.”

Tỉnh ủy Hưng Yên ban hành Kết luận số 07 ngày 13/1/2026 về việc thực hiện mô hình “Chính quyền phục vụ nhân dân và doanh nghiệp” với nội dung cơ bản đáng chú ý: “4 xin, 4 luôn và 5 không”. Mô hình được Tỉnh ủy Hưng Yên giao cho Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Hưng Yên là đơn vị chủ trì, triển khai toàn tỉnh. Đến nay, 100% số xã, phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đã thành lập mô hình trên.

Theo ông Trương Văn Lành, Phó trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Hưng Yên, mô hình yêu cầu các xã công khai, minh bạch quy trình, mức thu lệ phí thủ tục hành chính; số điện thoại đường dây nóng, số điện thoại của lãnh đạo xã, phường và cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết các công việc liên quan đến người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chỉ đạo, điều hành, phát huy hiệu quả của các trang mạng xã hội và các hạ tầng công nghệ đối với hoạt động của chính quyền. Lắp đặt

camera theo dõi, giám sát cán bộ, công chức làm việc ở bộ phận một cửa, tiếp dân; xây dựng hòm thư, địa chỉ điện tử để tiếp nhận ý kiến góp ý, đánh giá của tổ chức, cá nhân.

Mô hình cũng đặt nhiệm vụ, cấp xã sẽ tổ chức các hoạt động thăm hỏi, chúc mừng, động viên nhân dân, như: tổ chức trao giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai sinh; có thư chúc mừng nhân dịp lễ, tết; thư khen, thư cảm ơn các tập thể, cá nhân có thành tích, đóng góp tiêu biểu; thư chia buồn gia đình có người thân qua đời.

Có thể thấy, mô hình “Chính quyền phục vụ người dân và doanh nghiệp” với phương châm “4 xin, 4 luôn, 5 không” không chỉ là những chuẩn mực trong giao tiếp, ứng xử mà hướng tới thay đổi căn bản lề lối làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức.

Từ mô hình trên, Hưng Yên đang từng bước xây dựng nền hành chính lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo hiệu quả phục vụ.

Nguồn: vietnamplus.vn

THÁI NGUYÊN: ĐÃ XỬ LÝ HƠN 99,5% CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT DÔI DƯ SAU SÁP NHẬP

Sau khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp và sáp nhập Thái Nguyên - Bắc Kạn, tỉnh Thái Nguyên đã xử lý 429/431 cơ sở nhà, đất dôi dư, đạt hơn 99,5%. Nhiều cơ sở được điều chuyển làm trụ sở, thiết chế văn hóa, thể thao hoặc đưa vào khai thác cho thuê.

429 cơ sở nhà, đất dôi dư đã được xử lý

Theo báo cáo của Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên, sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và sáp nhập tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn, địa phương đã tập trung xử lý tài sản công dôi dư theo hướng đưa vào quản lý, sử dụng hiệu quả, hạn chế bỏ không, lãng phí.

Đến nay, tỉnh Thái Nguyên đã xử lý 429/431 cơ sở nhà, đất dôi dư được chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh. Trong số này, một số cơ sở được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển cho các cơ quan, đơn vị để bố trí làm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, thiết chế văn hóa, thể thao và địa điểm sinh hoạt cộng đồng tại khu dân cư.

Bà Vũ Thị Anh Dung, Phó Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên, cho biết trong 429 cơ sở nhà, đất dôi dư đã được xử lý, có 40 cơ sở được điều chuyển cho các cơ quan, đơn vị Trung ương để sử dụng làm trụ sở. Các cơ sở được bố trí cho Công an tỉnh và các đơn vị trực thuộc, Ban Chỉ huy Quân sự xã, phường, Viện Kiểm sát, Ngân hàng Nhà nước, Đại học Thái Nguyên và một số cơ quan, đơn vị khác.

Đặc biệt, Ủy ban nhân dân các xã, phường đã thực hiện bàn giao các cơ sở cho cơ quan, đơn vị Trung ương quản lý, sử dụng đúng mục đích, qua đó phát huy công năng của trụ sở, phục vụ hoạt động của các đơn vị và hạn chế lãng phí tài sản công.

Đưa tài sản công dôi dư vào khai thác

Cùng với việc điều chuyển, 28 cơ sở nhà, đất dôi dư được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên giao cho Ủy ban nhân dân các xã, phường và Trung tâm Dịch vụ tổng hợp của địa phương quản lý, khai thác.

Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên khẳng định, thực hiện chỉ đạo từ trung ương, tỉnh Thái Nguyên rất quyết liệt đưa các cơ sở nhà, đất dôi dư vào quản lý, sử dụng và khai thác cho thuê góp phần hạn chế tình trạng bỏ không, xuống cấp tài sản công; đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực đất đai sau quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính.

Việc điều chuyển, bố trí và khai thác tài sản cũng giúp các cơ quan, đơn vị có thêm cơ sở vật chất phục vụ hoạt động, giảm áp lực về trụ sở làm việc trong quá trình vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

Theo Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên, hiện chỉ còn 2 cơ sở chưa hoàn thành xử lý. Trong đó có Trụ sở Ban Quản lý dự án khu vực VII thuộc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Giao thông và Nông nghiệp phía Bắc. Nguyên nhân là việc bàn giao, tiếp nhận cơ sở này chưa hoàn tất. Như vậy, với 429/431 cơ sở nhà, đất được xử lý, tỷ lệ hoàn thành đạt hơn 99,5%.

Việc nhanh chóng xử lý, điều chuyển và khai thác các cơ sở nhà, đất dôi dư được kỳ vọng góp phần phát huy hiệu quả tài sản công, hạn chế lãng phí, đồng thời tạo thêm nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội sau quá trình sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính.

Nguồn: vov.vn

KHÁNH HÒA: SỐ HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỂ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN TỐT HƠN

Không còn phải mang theo nhiều loại giấy tờ, không mất thời gian kê khai lại những thông tin cơ quan Nhà nước đã có trên hệ thống cơ sở dữ liệu, người dân ngày càng thuận lợi hơn khi thực hiện các thủ tục hành chính. Từ những thay đổi trong cách làm, mục tiêu “giảm giấy tờ, giảm thời gian, giảm chi phí” của tỉnh Khánh Hòa đang đạt kết quả cụ thể, thiết thực.

Tiết kiệm thời gian

Theo bà Phạm Thị Hồng Huệ - Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Diên Điện, cùng với số hóa hồ sơ, xã chú trọng hướng dẫn người dân thực hiện thủ tục trên môi trường điện tử, nhất là những trường hợp còn hạn chế về kỹ năng số. Tại bộ phận Một cửa, bố trí công chức trực tiếp hỗ trợ người dân điền đơn, tờ khai, nộp hồ sơ và thanh toán trực tuyến. Đối với người cao tuổi, người yếu thể hoặc chưa thành thạo công nghệ, công chức hướng dẫn cụ thể từng bước. Việc hỗ trợ ngay từ đầu như thế giúp hạn chế sai sót, giảm tình trạng phải bổ sung hồ sơ nhiều lần. Từ đầu năm đến nay, tỷ lệ số hóa, cấp kết quả điện tử trên phần mềm Một cửa tỉnh Khánh Hòa đạt 100%; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến của xã trên tổng số hồ sơ tiếp nhận thuộc các phần mềm của tỉnh, bộ, ngành đạt 93,62%, tương ứng 6.727/7.185 hồ sơ.

Tại xã Cam Hiệp, lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã thường xuyên kiểm tra, rà soát các thủ tục thuộc thẩm quyền, đồng thời công khai đầy đủ thủ tục tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã bằng mã QR và trên Trang thông tin điện tử của xã. Nhờ đó, người dân chủ động tra cứu trước khi thực hiện các thủ tục cần thiết. Đến nay, tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ đầu vào tại xã đạt 100%. Từ ngày 15/12/2025 đến 05/8/2026, xã Cam Hiệp có 93,43% hồ sơ được cấp kết quả điện tử; 97,77% hồ sơ nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh trên địa bàn xã; tỷ lệ giao dịch thanh toán phí, lệ phí trực tuyến đạt 87,90%. Xã cũng lưu trữ hồ sơ song song bản giấy với bản điện tử trong kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân. Việc này giúp người dân thuận tiện hơn trong lưu trữ, tra cứu và sử dụng kết quả khi cần.

Tích cực khai thác dữ liệu số hóa

Trong 8 tháng qua, Sở Dân tộc và Tôn giáo có 100% hồ sơ thủ tục hành chính tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa được số hóa theo quy định. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được ký số, lưu trữ điện tử và cập nhật trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và của Bộ Dân tộc và Tôn giáo. Tất cả 35 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Dân tộc và Tôn giáo đã được cung cấp trực tuyến.

Những kết quả khả quan như trên của Sở Dân tộc và Tôn giáo cũng như tại nhiều sở, ngành, địa phương khác đến từ việc thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh trong triển khai Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP của Chính phủ về quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026. Trong đó, trọng tâm là tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính, đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và khai thác, tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa. Các cơ quan tăng cường khai thác dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu đăng ký doanh nghiệp, hộ tịch điện tử và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành để phục vụ giải quyết thủ tục hành chính. Tỉnh đã hoàn thành tiếp nhận, trả kết quả đối với 100% thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính; đồng thời tiếp tục rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết, đơn giản hóa thành phần hồ sơ, chuẩn hóa quy trình điện tử.

Theo ông Trương Thanh Long - Phó Giám đốc Sở Nội vụ, cải cách hành chính không chỉ là câu chuyện của công nghệ mà trước hết là sự thay đổi trong tư duy và cách làm của đội ngũ cán bộ, công chức. Thời gian tới, các địa phương, sở, ngành cần tiếp tục hoàn thiện hạ tầng, nâng cao chất lượng dữ liệu, tăng cường khai thác, tái sử dụng dữ liệu số; đồng thời nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, tăng trách nhiệm tại Bộ phận Một cửa và lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm một trong những thước đo quan trọng. Khi dữ liệu được khai thác hiệu quả, mỗi thủ tục được đơn giản hóa, mỗi yêu cầu về giấy tờ được cắt giảm, người dân sẽ bớt một lần đi lại, doanh nghiệp tiết kiệm thêm thời gian và chi phí. Đây cũng là mục tiêu xuyên suốt trong quá trình xây dựng nền hành chính phục vụ, hiện đại, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm.

Nguồn: baokhanhhoa.vn

LÂM ĐỒNG: ĐỔI MỚI HÀNH CHÍNH, HƯỚNG TỚI SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN

Với phương châm lấy người dân làm trung tâm phục vụ, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Lạc Dương (Lâm Đồng) đang từng bước đổi mới phương thức hoạt động, đẩy mạnh giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường số, nâng cao tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức.

Từ những con số tích cực

Thực hiện chủ trương cải cách hành chính, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Lạc Dương xác định việc đổi mới phương thức tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính là nhiệm vụ thường xuyên, gắn với yêu cầu phục vụ người dân ngày càng tốt hơn.

Tại trung tâm, các thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết theo hướng công khai, minh bạch, thuận tiện. Cùng với bảo đảm đúng quy trình, cán bộ, công chức chú trọng hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và chủ động theo dõi tiến độ giải quyết hồ sơ.

Các lĩnh vực phát sinh nhiều hồ sơ chủ yếu gắn trực tiếp với đời sống người dân. Trong đó, chứng thực có 1.674 hồ sơ, hộ tịch 920 hồ sơ và đất đai 222 hồ sơ.

Ngoài ra, trung tâm còn tiếp nhận hồ sơ thuộc các lĩnh vực bảo trợ xã hội, người có công, hoạt động xây dựng, tài nguyên nước, giáo dục, hộ kinh doanh và nuôi con nuôi.

Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt gần như tuyệt đối cho thấy phương thức giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường số đang dần trở nên quen thuộc với người dân. Việc giảm hồ sơ trực tiếp không chỉ giúp tiết kiệm thời gian đi lại, chờ đợi mà còn tạo điều kiện để người dân chủ động hơn trong quá trình thực hiện và theo dõi hồ sơ.

Tuy nhiên, chuyển đổi số trong cải cách hành chính không có nghĩa là giảm sự tương tác giữa cán bộ và người dân. Ngược lại, tại trung tâm, việc hướng dẫn trực tiếp vẫn được chú trọng, nhất là đối với những người chưa quen với các thao tác trên môi trường điện tử.

Một thủ tục được hoàn thành trong thời gian ngắn có thể là kết quả của quy trình được chuẩn hóa, nhưng với người dân, điều đáng ghi nhận còn là sự tận tình của cán bộ trực tiếp hướng dẫn. Đặc biệt, với những thủ tục liên quan đến chính sách an sinh xã hội, việc được giải thích rõ ràng, hỗ trợ đầy đủ giúp người dân thêm yên tâm trong quá trình thực hiện.

Hướng tới nền hành chính gần dân

Theo ông Phạm Hồng Thái, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Lạc Dương, cải cách hành chính không chỉ dừng ở việc rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ mà quan trọng hơn là tạo sự thuận tiện, minh bạch và yên tâm cho người dân trong từng khâu thực hiện.

Từ quan điểm đó, Trung tâm chú trọng hỗ trợ người dân tiếp cận các dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và hướng dẫn từng bước đối với những trường hợp chưa

quen sử dụng nền tảng số. Cách làm này vừa hỗ trợ giải quyết công việc trước mắt, vừa giúp người dân hình thành kỹ năng, thói quen sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Cùng với đó, các quy trình, thủ tục hành chính được công khai tại trung tâm và trên các kênh thông tin của địa phương, giúp người dân chủ động tìm hiểu về thành phần hồ sơ, trình tự thực hiện và thời gian giải quyết.

Điều kiện phục vụ cũng từng bước được hoàn thiện. Hệ thống đường truyền, máy móc cơ bản đáp ứng yêu cầu tiếp nhận và xử lý hồ sơ; công tác vệ sinh, an ninh, trật tự được bảo đảm. Chất lượng phục vụ, thái độ của cán bộ, công chức thường xuyên được kiểm tra, rà soát.

Mặt khác, các cuộc họp giao ban định kỳ được đơn vị duy trì nhằm đánh giá tình hình, kịp thời tháo gỡ khó khăn phát sinh trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính. Qua đó, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức được nâng cao, góp phần bảo đảm hồ sơ được xử lý đúng quy định, đúng thời hạn.

Cải cách hành chính là quá trình thường xuyên, liên tục tại xã Lạc Dương. Thời gian tới, trung tâm tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, tăng cường hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, kiểm soát chặt chẽ tiến độ giải quyết hồ sơ và nâng cao chất lượng phục vụ.

Mục tiêu không chỉ là giải quyết thủ tục đúng quy định mà còn giúp người dân cảm nhận rõ sự thay đổi trong cách chính quyền phục vụ. Đây chính là nền tảng để xã Lạc Dương hướng tới một nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, minh bạch và gần dân, trong đó sự hài lòng của người dân là thước đo quan trọng nhất đối với chất lượng phục vụ.

Nguồn: baolamdong.vn

ĐỒNG NAI: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG VỚI CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

Ủy ban nhân dân Thành phố Đồng Nai ban hành Quyết định 73/2026/QĐ-UBND về Quy định tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng với cơ quan hành chính nhà nước. Quyết định gồm 3 Điều kèm với Quy định cụ thể về tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng với cơ quan hành chính nhà nước.

Tiêu chí đánh giá chung đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị

Tiêu chí chung (30 điểm):

a) Chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện sự chỉ đạo, điều hành của cấp trên; khả năng xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển của đơn vị gắn với mục tiêu quốc gia, ngành, địa phương; năng lực nhận diện, dự báo xu hướng phát triển, chủ động thích ứng với thay đổi môi trường (10 điểm).

b) Hiệu quả trong việc quản lý, sử dụng công chức theo vị trí việc làm; xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiện đại, minh bạch, tạo điều kiện cho công chức phát huy năng lực;

hiệu quả phối hợp công tác và xây dựng đoàn kết nội bộ; mức độ chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và tinh thần phục vụ của công chức (10 điểm).

c) Kết quả thực hiện các giải pháp cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động nội bộ và cung cấp dịch vụ công; mức độ thường xuyên rà soát, cải tiến các quy chế làm việc, quy trình nội bộ, đảm bảo hoạt động hiệu năng, hiệu lực; việc xây dựng và tổ chức thực hiện các biện pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế về tổ chức, quản lý, quy trình nội bộ đã được chỉ ra qua đánh giá, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán (nếu có) (10 điểm).

Quy trình đánh giá, xếp loại kết quả hoàn thành nhiệm vụ cuối năm

1. Việc đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức được thực hiện theo năm công tác. Thời điểm đánh giá, xếp loại chất lượng được tiến hành trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, trường hợp đặc biệt theo quy định của cấp có thẩm quyền thì hoàn thành trước ngày 15 tháng 01 năm sau. Việc đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tổ chức cấp dưới được tiến hành trước khi đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tổ chức cấp trên.

2. Trình tự, thủ tục đánh giá, xếp loại kết quả hoàn thành nhiệm vụ cuối năm:

a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị tiến hành tự đánh giá, đề xuất mức xếp loại chất lượng. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức việc tự đánh giá và đề xuất mức xếp loại chất lượng của tổ chức mình, gửi người có thẩm quyền công nhận xếp loại chất lượng.

Trường hợp có đơn, thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh tiêu cực hoặc dấu hiệu mất đoàn kết nội bộ thì người có thẩm quyền công nhận xếp loại chất lượng chỉ đạo kiểm tra, xác minh trước khi quyết định xếp loại.

b) Kết quả xếp loại chất lượng được thông báo đến tổ chức được đánh giá và cơ quan liên quan.

3. Hồ sơ đề nghị đánh giá, xếp loại cả năm, bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị đánh giá xếp loại.

b) Phiếu tự nhận xét.

c) Biên bản họp của tập thể Ban Lãnh đạo cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã (có nêu rõ những nội dung thực hiện tốt, chưa tốt).

d) Các tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).

4. Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan, đơn vị thẩm định, tổng hợp kết quả đánh giá của các cơ quan, đơn vị, tổ chức quy định tại điểm a, điểm d khoản 2 Điều 1 Quy định này. Hoàn thành trước ngày 10 tháng 01 hằng năm kế tiếp năm đánh giá.

5. Sở Nội vụ tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Hoàn thành trong tháng 01 của năm kế tiếp năm đánh giá.

Nguồn: baochinhhphu.vn

ĐỒNG THÁP: TINH GIẢN BỘ MÁY, NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và sắp xếp đơn vị hành chính tại Đồng Tháp được triển khai quyết liệt. Đây không chỉ là việc cắt giảm số lượng đầu mối hay biên chế, mà là chủ trương lớn, nhiệm vụ chiến lược trong cải cách hành chính nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời kỳ mới.

Cải cách tổ chức gắn liền với định vị chức năng

Trọng tâm của quá trình cải cách bộ máy hành chính tại Đồng Tháp được xác định là việc tinh gọn gắn liền với việc rà soát, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị.

Nhận thức rõ tình trạng chồng chéo, trùng lặp nhiệm vụ là “điểm nghẽn” lớn gây lãng phí nguồn lực và giảm hiệu suất công vụ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã chỉ đạo thực hiện việc rà soát tổng thể theo nguyên tắc nghiêm ngặt, không bỏ sót bất kỳ nhiệm vụ quản lý nào, nhưng không để xảy ra tình trạng trùng lặp, chồng chéo hoặc đùn đẩy trách nhiệm giữa các cơ quan.

Cùng với cả nước, Đồng Tháp vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp từ ngày 01/7/2025. Sự chuyển đổi này không chỉ đơn thuần là việc cắt bỏ đi cấp hành chính trung gian, mà cốt lõi là cuộc tái cấu trúc toàn diện phương thức quản trị địa phương theo hướng tinh gọn, phân cấp mạnh mẽ, nâng cao tính chủ động và tối ưu hóa hiệu quả phục vụ người dân và cộng đồng doanh nghiệp.

Một trong những thay đổi rõ nét tại Đồng Tháp là việc thu gọn mạnh mẽ số lượng các đầu mối hành chính ở các cấp. Ngay từ giai đoạn triển khai Kết luận 09-KL/BCĐ của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết 18-NQ/TW, tỉnh đã chủ động thực hiện đợt sắp xếp quy mô lớn.

Kết quả, tỉnh đã giảm 11 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, giảm 29 phòng thuộc sở, giảm 24 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và giải thể, sáp nhập 38 đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động kém hiệu quả.

Khi tiếp tục thực hiện các chủ trương về sáp nhập đơn vị hành chính và vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, bộ máy tiếp tục được cô đọng tối đa.

Ở cấp tỉnh, hệ thống các cơ quan chuyên môn hiện chỉ còn 12 đơn vị và Ban Quản lý Khu kinh tế, ở cấp phòng trực thuộc sở, đã thu gọn, giảm 126 phòng chuyên môn; ở cấp xã, với các cơ quan chuyên môn, Trung tâm Phục vụ hành chính công và Trung tâm Cung ứng dịch vụ công.

Toàn tỉnh đã thành lập các phòng chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã. Cấu trúc mới này vừa bảo đảm thực hiện đầy đủ chức năng quản lý nhà nước, vừa tạo điều kiện thuận lợi để chính quyền địa phương cấp xã chủ động giải quyết phần lớn công việc phát sinh ngay tại địa bàn dân cư.

Phân cấp, phân quyền mạnh mẽ

Bài toán tinh gọn bộ máy và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước luôn là trăn trở lớn của lãnh đạo tỉnh Đồng Tháp.

Thực hiện chủ trương phân cấp, phân quyền mạnh mẽ từ Trung ương, tỉnh đã vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp với tinh thần chủ động và quyết tâm cao nhất. Địa phương đã tiếp nhận và phân định rõ ràng 949 nhiệm vụ quản lý nhà nước gồm: Cấp tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện khoảng 870 nhiệm vụ then chốt, mang tính vĩ mô và định hướng chiến lược; cấp xã trực tiếp đảm nhận gần 80 nhiệm vụ sát sườn với đời sống dân sinh hằng ngày.

Đáng chú ý, để mô hình chính quyền địa phương 2 cấp vận hành hiệu quả, tỉnh đã tiến hành “chiến dịch” rà soát pháp lý quy mô lớn về sắp xếp, phân định lại thẩm quyền đối với hơn 1.160 nhiệm vụ, quyền hạn của khối Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

Kết quả này là việc chuyển giao mạnh mẽ xuống cho cấp xã gần 860 nhiệm vụ; đồng thời, điều chuyển ngược lên cấp tỉnh gần 160 nhiệm vụ mang tính liên vùng hoặc đòi hỏi trình độ chuyên môn sâu. Song song đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều quyết định phân cấp quản lý nhà nước với các nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã, cùng các quyết định ủy quyền hành chính khác.

Sự chủ động này bảo đảm dòng chảy điều hành từ tỉnh xuống cơ sở luôn thông suốt, loại bỏ các tầng nấc trung gian không cần thiết, rút ngắn quy trình tham mưu và gia tăng tốc độ giải quyết hồ sơ cho người dân.

Xác định công tác cán bộ là “nhiệm vụ then chốt của then chốt”, quyết định trực tiếp đến chất lượng vận hành của bộ máy hành chính, Đồng Tháp đã tập trung đổi mới toàn diện từ tư duy đến hành động.

Giai đoạn 2025 - 2026, ghi nhận những bước chuyển dịch mạnh mẽ của tỉnh trong việc tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nâng cao năng lực thực thi công vụ theo vị trí việc làm.

Một trong những thành công của Đồng Tháp là giữ vững sự ổn định tư tưởng, tạo sự đồng thuận cao trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức qua các đợt sáp nhập. Nguyên tắc cốt lõi được áp dụng nhất quán là “đúng người, đúng việc”, dựa trên năng lực chuyên môn và sở trường cá nhân.

Thực tiễn khẳng định, tinh giản bộ máy không dừng lại ở những con số sáp nhập hay cắt giảm cơ học, mà cốt lõi nằm ở sự đổi mới tư duy quản trị, chuyển từ cấp phép, quản lý sang kiến tạo và phục vụ. Nơi nào đẩy mạnh phân cấp đi đôi với kiểm soát quyền lực, công khai, minh bạch và bố trí cán bộ, công chức, viên chức đúng sở trường, thì nơi đó bộ máy sẽ hoạt động hiệu quả.

Những kết quả mang lại đang tạo nên “bệ phóng” vững chắc, giúp hệ thống hành chính nhà nước tại Đồng Tháp hoạt động chuyên nghiệp, hiện đại, củng cố niềm tin vững chắc của người dân và doanh nghiệp trong kỷ nguyên phát triển mới.

Nguồn: baodongthap.vn

NHỮNG YÊU CẦU MỚI VỀ NĂNG LỰC SỐ CỦA CÔNG CHỨC CẤP XÃ TRONG BỐI CẢNH THỰC HIỆN CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP

1. Đặt vấn đề

Việt Nam đang đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia gắn với cải cách nền hành chính nhà nước và xây dựng chính quyền số; việc triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo hướng tinh gọn tổ chức bộ máy, tăng cường phân quyền và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị địa phương cũng đang đặt ra nhiều yêu cầu mới đối với đội ngũ công chức các cấp, trong đó có công chức cấp xã.

Trong bối cảnh đó, cấp xã không chỉ là cấp chính quyền gần dân nhất mà còn là nơi trực tiếp triển khai các hoạt động quản trị số, cung ứng dịch vụ công trực tuyến và tổ chức thực thi chính sách trên môi trường điện tử. Điều này làm thay đổi đáng kể phương thức thực thi công vụ truyền thống, đòi hỏi công chức cấp xã phải có khả năng thích ứng với công nghệ số và các mô hình quản trị hiện đại.

Quá trình chuyển đổi số và vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đã làm gia tăng yêu cầu về kỹ năng sử dụng công nghệ, xử lý dữ liệu, tương tác số với người dân và giải quyết công việc trên môi trường điện tử đối với công chức cấp xã. Tuy nhiên, trên thực tế, năng lực số của đội ngũ này hiện vẫn chưa đồng đều giữa các địa phương; một bộ phận công chức còn hạn chế về kỹ năng công nghệ, khả năng khai thác dữ liệu và thích ứng với phương thức làm việc số.

Bên cạnh đó, hạ tầng công nghệ ở một số địa phương còn thiếu đồng bộ; công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Những hạn chế này ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của chính quyền cơ sở và chất lượng phục vụ người dân trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

2. Khái quát về năng lực số và vai trò của công chức cấp xã trong mô hình chính quyền địa phương 02 cấp

Năng lực số được hiểu là khả năng sử dụng công nghệ số một cách hiệu quả, an toàn và phù hợp để thực hiện công việc, khai thác dữ liệu, giao tiếp và giải quyết các vấn đề trong môi trường số. Đối với khu vực công, năng lực số không chỉ bao gồm kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin mà còn bao gồm khả năng xử lý công vụ trên nền tảng số, khai thác dữ liệu hành chính, tương tác với người dân trên môi trường điện tử và thích ứng với quá trình chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nhà nước.

Đối với công chức cấp xã, năng lực số thể hiện ở khả năng sử dụng các hệ thống quản lý văn bản điện tử, dịch vụ công trực tuyến, cơ sở dữ liệu dùng chung, chữ ký số và các nền tảng phục vụ điều hành, giải quyết thủ tục hành chính. Trong bối cảnh xây dựng chính quyền số và triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, năng lực số đang trở thành một trong những yêu cầu quan trọng đối với đội ngũ công chức cấp xã hiện nay.

Trong mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, công chức cấp xã giữ vai trò trực tiếp tổ chức thực thi chính sách, giải quyết thủ tục hành chính và cung ứng dịch vụ công cho người dân ở cơ sở. Đây là lực lượng gần dân nhất, thường xuyên tiếp xúc với người dân và doanh nghiệp, đồng thời là cầu nối giữa chính quyền với xã hội trong quá trình quản lý nhà nước ở địa phương.

Việc tổ chức mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo hướng tinh gọn bộ máy, giảm tầng nấc trung gian đã làm gia tăng vai trò và trách nhiệm của công chức cấp xã. Không chỉ thực hiện các nhiệm vụ hành chính truyền thống, công chức cấp xã còn phải tham gia vận hành chính quyền số, xử lý hồ sơ điện tử, khai thác dữ liệu số và hỗ trợ người dân tiếp cận các dịch vụ công trực tuyến.

Trong bối cảnh đó, công chức cấp xã trở thành nhân tố quan trọng quyết định hiệu quả hoạt động của chính quyền cơ sở và chất lượng phục vụ người dân trong nền hành chính số hiện nay.

3. Yêu cầu đặt ra về năng lực số đối với công chức cấp xã trong giai đoạn hiện nay

Thứ nhất, năng lực xử lý các tác nghiệp công vụ trên môi trường số

Trong bối cảnh chuyển đổi số và vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, phương thức thực thi công vụ ở cấp xã đang có sự chuyển dịch mạnh mẽ từ môi trường hành chính truyền thống sang môi trường số. Điều này đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với kỹ năng xử lý công vụ trên nền tảng số của công chức cấp xã. Hiện nay, công chức cấp xã không chỉ thực hiện công việc bằng hồ sơ giấy như trước đây mà phải thường xuyên sử dụng các hệ thống quản lý văn bản và điều hành điện tử, dịch vụ công trực tuyến, phần mềm chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dân cư và các nền tảng số phục vụ quản lý nhà nước. Vì vậy, công chức cấp xã cần có năng lực sử dụng thành thạo công nghệ thông tin, xử lý hồ sơ điện tử, ký số văn bản, cập nhật dữ liệu và giải quyết công việc trên môi trường mạng.

Bên cạnh năng lực chuyên môn, kỹ thuật, công chức cấp xã cần phải có năng lực thích ứng với quy trình làm việc số, xử lý công việc nhanh chóng, chính xác và bảo đảm tính liên thông giữa các cơ quan hành chính. Trong mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, khi khối lượng công việc ở cấp xã ngày càng gia tăng và yêu cầu phục vụ người dân ngày càng cao, năng lực xử lý các tác nghiệp công vụ trên môi trường số trở thành điều kiện quan trọng bảo đảm hiệu quả hoạt động của chính quyền cơ sở hiện nay.

Thứ hai, năng lực quản trị và khai thác dữ liệu hành chính

Trong quá trình xây dựng chính quyền số hiện nay, dữ liệu hành chính ngày càng trở thành nguồn lực quan trọng phục vụ hoạt động quản lý nhà nước và cung ứng dịch vụ công. Điều này đặt ra yêu cầu mới đối với công chức cấp xã trong việc quản trị, cập nhật và khai thác hiệu quả dữ liệu trên môi trường số.

Công chức cấp xã hiện nay phải thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến cập nhật dữ liệu dân cư, quản lý hộ tịch điện tử, đồng bộ thông tin hành chính và khai thác các cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ giải quyết thủ tục hành chính. Vì vậy, đội ngũ này cần có năng

lực sử dụng dữ liệu số, khả năng kiểm tra, xử lý và bảo đảm tính chính xác của thông tin trong quá trình thực thi công vụ.

Bên cạnh đó, trong mô hình chính quyền địa phương 02 cấp thì yêu cầu liên thông dữ liệu giữa các cơ quan hành chính ngày càng cao. Công chức cấp xã không chỉ sử dụng dữ liệu phục vụ công việc chuyên môn mà còn phải biết khai thác dữ liệu để hỗ trợ quản lý, thống kê, dự báo và phục vụ người dân một cách nhanh chóng, thuận tiện. Điều này đòi hỏi công chức cấp xã phải từng bước hình thành tư duy làm việc dựa trên dữ liệu trong hoạt động công vụ hiện nay.

Thứ ba, năng lực giao tiếp và phục vụ người dân trên môi trường số

Trong bối cảnh chuyển đổi số và phát triển chính quyền số, hoạt động tương tác giữa chính quyền với người dân ngày càng được thực hiện thông qua các nền tảng điện tử. Điều này đặt ra yêu cầu mới đối với công chức cấp xã về năng lực giao tiếp, hỗ trợ và phục vụ người dân trên môi trường số.

Hiện nay, công chức cấp xã không chỉ trực tiếp tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận một cửa mà còn phải hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, tiếp nhận phản ánh qua các nền tảng số và hỗ trợ công dân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính điện tử. Vì vậy, công chức cấp xã cần có khả năng giao tiếp số, kỹ năng hỗ trợ trực tuyến và thái độ phục vụ chuyên nghiệp trong môi trường điện tử.

Bên cạnh đó, trong điều kiện trình độ tiếp cận công nghệ của người dân còn chưa đồng đều, đặc biệt ở khu vực nông thôn và vùng khó khăn, công chức cấp xã còn giữ vai trò là “cầu nối số” giữa chính quyền với người dân. Điều này đòi hỏi đội ngũ công chức cấp xã không chỉ có kỹ năng công nghệ mà còn phải có tinh thần trách nhiệm, khả năng hướng dẫn, hỗ trợ và tạo điều kiện để người dân tiếp cận thuận lợi với các dịch vụ hành chính công trên nền tảng số.

Thứ tư, năng lực về an toàn thông tin và trách nhiệm số

Trong môi trường chính quyền số hiện nay, công chức cấp xã thường xuyên tiếp cận, xử lý và lưu trữ nhiều loại dữ liệu hành chính, thông tin cá nhân của người dân và hồ sơ điện tử. Vì vậy, yêu cầu về bảo đảm an toàn thông tin và thực hiện trách nhiệm số trong hoạt động công vụ ngày càng trở nên quan trọng.

Công chức cấp xã cần có kiến thức và kỹ năng cơ bản về bảo mật thông tin, sử dụng an toàn các hệ thống số, phòng ngừa rủi ro mất dữ liệu và tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến quản lý, khai thác dữ liệu số. Trong quá trình thực thi công vụ, việc xử lý thông tin không chính xác, để lộ dữ liệu cá nhân hoặc sử dụng nền tảng số thiếu an toàn có thể ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của người dân và hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

Bên cạnh đó, chuyển đổi số cũng đặt ra yêu cầu mới về “trách nhiệm số” của công chức cấp xã. Điều này không chỉ thể hiện ở việc sử dụng công nghệ đúng quy định mà còn bao gồm ý thức trách nhiệm trong xử lý dữ liệu, tính minh bạch trong môi trường điện tử và thái độ chuẩn

mức khi tương tác với người dân trên nền tảng số. Do đó, an toàn thông tin và trách nhiệm số đang trở thành một bộ phận quan trọng trong năng lực số của công chức cấp xã hiện nay.

Thứ năm, năng lực thích ứng với khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Quá trình chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nhà nước đã làm cho môi trường công vụ ở cấp xã liên tục thay đổi. Các nền tảng số, phần mềm quản lý, cơ sở dữ liệu và phương thức xử lý công việc thường xuyên được cập nhật, nâng cấp. Điều này đặt ra yêu cầu đối với công chức cấp xã phải có năng lực thích ứng với khoa học, công nghệ và tư duy đổi mới, sáng tạo trong thực thi công vụ.

Hiện nay, công chức cấp xã không chỉ cần biết sử dụng các công cụ số hiện có mà còn phải chủ động học tập, cập nhật kỹ năng công nghệ và sẵn sàng tiếp cận các phương thức làm việc mới. Trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và tự động hóa ngày càng được ứng dụng trong quản lý hành chính nhà nước, khả năng thích ứng với công nghệ trở thành yêu cầu quan trọng đối với đội ngũ công chức cấp xã.

Bên cạnh đó, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp cũng đòi hỏi công chức cấp xã phải có tư duy đổi mới, linh hoạt trong xử lý công việc và chủ động cải tiến quy trình giải quyết thủ tục hành chính nhằm nâng cao hiệu quả phục vụ người dân. Vì vậy, năng lực đổi mới sáng tạo và khả năng thích ứng công nghệ đang dần trở thành một bộ phận quan trọng trong năng lực số của công chức cấp xã hiện nay.

4. Một số giải pháp nâng cao năng lực số của công chức cấp xã

Thứ nhất, hoàn thiện khung năng lực số cho công chức cấp xã

Việc xây dựng và hoàn thiện khung năng lực số cho công chức cấp xã là giải pháp có ý nghĩa nền tảng, nhằm xác định rõ các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết trong thực thi công vụ trên môi trường số. Khung năng lực số cần được thiết kế phù hợp với đặc thù nhiệm vụ của công chức cấp xã trong mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, bảo đảm tính khả thi và khả năng áp dụng thống nhất trong toàn hệ thống hành chính nhà nước.

Khung năng lực số cần bao gồm các nhóm năng lực cơ bản như: kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và nền tảng số trong xử lý công việc; năng lực khai thác, quản lý và phân tích dữ liệu hành chính; năng lực giao tiếp và phục vụ người dân trên môi trường số; năng lực bảo đảm an toàn thông tin và trách nhiệm số; năng lực thích ứng và đổi mới sáng tạo trong bối cảnh chuyển đổi số.

Trên cơ sở khung năng lực số, cần gắn việc đánh giá, phân loại công chức cấp xã với mức độ đáp ứng các tiêu chí năng lực số theo vị trí việc làm. Điều này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ công chức mà còn tạo động lực thúc đẩy tự học tập, tự bồi dưỡng và nâng cao kỹ năng số trong thực thi công vụ, đáp ứng yêu cầu xây dựng chính quyền số hiện nay.

Thứ hai, đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức cấp xã theo hướng thực hành số

Để nâng cao năng lực số của công chức cấp xã trong bối cảnh chuyển đổi số và vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, cần đổi mới mạnh mẽ công tác đào tạo, bồi dưỡng theo hướng gắn với thực hành và tình huống công vụ thực tiễn.

Trước hết, nội dung đào tạo, bồi dưỡng cần chuyển từ tiếp cận lý thuyết chung sang đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng thực hành số cụ thể, như: sử dụng hệ thống quản lý văn bản điện tử, vận hành dịch vụ công trực tuyến, xử lý hồ sơ điện tử, khai thác cơ sở dữ liệu dân cư và sử dụng chữ ký số. Việc đào tạo, bồi dưỡng cần gắn với công việc hàng ngày của công chức cấp xã để bảo đảm tính ứng dụng cao.

Bên cạnh đó, cần đa dạng hóa hình thức đào tạo, bồi dưỡng kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, tăng cường mô hình “đào tạo tại chỗ”, “cầm tay chỉ việc” và học tập qua tình huống thực tế. Đồng thời, cần xây dựng cơ chế bồi dưỡng thường xuyên, liên tục nhằm giúp công chức cập nhật kịp thời các thay đổi về công nghệ và nền tảng số trong hoạt động công vụ.

Việc đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng theo hướng thực hành số sẽ góp phần quan trọng nâng cao năng lực số thực chất của công chức cấp xã, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nền hành chính số hiện nay.

Thứ ba, tăng cường hạ tầng và nền tảng công nghệ ở cấp xã

Một trong những điều kiện quan trọng để nâng cao năng lực số của công chức cấp xã là bảo đảm hạ tầng công nghệ thông tin và các nền tảng số phục vụ hoạt động công vụ được đầu tư đồng bộ, hiện đại và ổn định.

Trước hết, cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật ở cấp xã, bao gồm đường truyền internet, trang thiết bị làm việc, hệ thống máy chủ và các thiết bị phục vụ giải quyết thủ tục hành chính. Việc bảo đảm hạ tầng ổn định sẽ tạo điều kiện để công chức cấp xã thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ trên môi trường số.

Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện các nền tảng số dùng chung trong toàn hệ thống hành chính nhà nước, bảo đảm tính liên thông, đồng bộ và chia sẻ dữ liệu giữa các cấp chính quyền. Các hệ thống quản lý văn bản, dịch vụ công trực tuyến, cơ sở dữ liệu chuyên ngành cần được tích hợp, giảm thiểu tình trạng phân tán và chồng chéo trong quá trình sử dụng.

Việc tăng cường đầu tư hạ tầng và nền tảng công nghệ không chỉ hỗ trợ công chức cấp xã nâng cao hiệu quả xử lý công việc mà còn góp phần tạo môi trường thuận lợi cho việc phát triển chính quyền số, đáp ứng yêu cầu của mô hình chính quyền địa phương 02 cấp hiện nay.

Thứ tư, xây dựng văn hóa công vụ số

Trong bối cảnh chuyển đổi số và xây dựng chính quyền số, việc nâng cao năng lực số của công chức cấp xã không chỉ dừng lại ở kỹ năng công nghệ mà còn cần được đặt trong tổng thể xây dựng văn hóa công vụ số. Đây là yếu tố có ý nghĩa nền tảng nhằm bảo đảm tính bền vững của quá trình chuyển đổi số trong khu vực công.

Văn hóa công vụ số được hiểu là hệ giá trị, chuẩn mực và hành vi của công chức trong quá trình thực thi công vụ trên môi trường số, thể hiện ở tinh thần trách nhiệm, tính chuyên nghiệp, sự minh bạch và thái độ phục vụ người dân. Do đó, cần hình thành thói quen làm việc khoa học, tuân thủ quy trình điện tử, sử dụng hiệu quả các nền tảng số và bảo đảm tính chính xác trong xử lý dữ liệu hành chính.

Bên cạnh đó, việc xây dựng văn hóa công vụ số còn gắn với việc nâng cao ý thức kỷ luật, trách nhiệm cá nhân và đạo đức công vụ trong môi trường số. Công chức cấp xã cần có thái độ tích cực trong tiếp cận công nghệ mới, chủ động học tập, chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Việc hình thành văn hóa công vụ số sẽ góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đội ngũ công chức cấp xã, đồng thời thúc đẩy hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp hiện nay.

Thứ năm, hoàn thiện cơ chế đánh giá năng lực số của công chức cấp xã

Để bảo đảm việc nâng cao năng lực số của công chức cấp xã mang tính thực chất, cần thiết phải hoàn thiện cơ chế đánh giá theo hướng gắn với năng lực số và hiệu quả thực thi công vụ trên môi trường điện tử.

Việc đánh giá công chức cần chuyển từ cách tiếp cận định tính, cảm tính sang đánh giá dựa trên tiêu chí cụ thể và có thể đo lường được. Trong đó, năng lực số cần được xác định là một tiêu chí độc lập trong hệ thống đánh giá công chức, bao gồm mức độ sử dụng thành thạo các nền tảng số, khả năng xử lý hồ sơ điện tử, chất lượng khai thác dữ liệu và hiệu quả hỗ trợ người dân trên môi trường số.

Bên cạnh đó, cần tăng cường ứng dụng công nghệ số trong công tác đánh giá, thông qua việc khai thác dữ liệu từ các hệ thống quản lý công vụ, hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nền tảng quản lý văn bản điện tử. Việc đánh giá dựa trên dữ liệu thực tiễn sẽ góp phần bảo đảm tính khách quan, minh bạch và phản ánh đúng hiệu quả làm việc của công chức cấp xã.

Ngoài ra, kết quả đánh giá năng lực số cần được sử dụng làm căn cứ trong công tác quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm và đãi ngộ công chức. Điều này sẽ tạo động lực thúc đẩy công chức cấp xã chủ động học tập, rèn luyện và nâng cao năng lực số, đáp ứng yêu cầu của nền hành chính số, góp phần xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại và phục vụ Nhân dân.

Tiến sĩ Đỗ Thị Thanh Nga - Trường Đại học Intracom

Nguồn: tcnnld.vn

Tài liệu tham khảo:

- 1. Quốc hội, Luật Cán bộ, công chức năm 2025.*
- 2. Quốc hội, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025.*
- 3. Chính phủ, Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.*
- 4. Bộ Nội vụ (hàng năm), Tài liệu hướng dẫn cải cách hành chính và xây dựng đội ngũ công chức.*
- 5. OECD (2021), Báo cáo kết quả Chỉ số Chính phủ số năm 2020.*
- 6. European Commission (2019), “Khung năng lực số dành cho công dân”.*

TỪ QUYỀN TỰ QUYẾT ĐẾN VẬN MỆNH MỚI CỦA ĐẤT NƯỚC

Mỗi thế hệ đều nhận từ lịch sử một gia tài và đồng thời mang trước tương lai một trách nhiệm. Thế hệ 1945 trao lại cho chúng ta một nước Việt Nam độc lập. Các thế hệ làm nên công cuộc Đổi mới trao lại một Việt Nam thoát khỏi nghèo nàn, mở cửa, hội nhập và có vị thế ngày càng cao. Trách nhiệm của thế hệ hôm nay là trao cho những người Việt Nam của năm 2045 một đất nước phát triển, thịnh vượng, tự chủ và có vị thế xứng đáng trên thế giới.

Ngày 02/9/1945, trên Quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Từ thời khắc ấy, một dân tộc từng mất nước đã giành lại quyền căn bản nhất của mình: Quyền tự quyết định vận mệnh.

Tám mươi một năm đã đi qua. Việt Nam hôm nay đã là một đất nước độc lập, thống nhất, hội nhập sâu rộng và có một cơ đồ, tiềm lực, vị thế hoàn toàn khác. Lịch sử lại đặt trước chúng ta một cơ hội lớn: Từ một nước đang phát triển, Việt Nam có thể vươn lên trở thành một nước phát triển, thu nhập cao, hùng cường và thịnh vượng hay không?

Nếu ngày 02/9/1945 mở ra vận mệnh của một dân tộc độc lập, thì những năm tháng hôm nay có thể đang mở ra một vận mệnh phát triển mới của đất nước. Bởi độc lập trao cho một dân tộc quyền lựa chọn tương lai; còn năng lực quốc gia quyết định dân tộc ấy có biến được lựa chọn đó thành hiện thực hay không.

Từ giành lại vận mệnh đến kiến tạo vận mệnh

Nhìn lại lịch sử hiện đại Việt Nam, có thể nhận ra những thời điểm mà một lựa chọn đúng đã làm thay đổi cả quỹ đạo phát triển của đất nước. Năm 1945 là lựa chọn độc lập, thống nhất. Người Việt Nam từ thân phận của người dân mất nước trở thành công dân của một quốc gia tự do, có quyền quyết định con đường của mình. Năm 1986 là lựa chọn Đổi mới. Việc nhìn thẳng vào thực tiễn, thay đổi tư duy kinh tế, giải phóng sức sản xuất, mở cửa và hội nhập đã giúp Việt Nam từng bước vượt qua khủng hoảng, thoát khỏi nghèo nàn, trở thành một nền kinh tế năng động và ngày càng gắn kết sâu rộng với thế giới.

Và hôm nay, đất nước đang đứng trước một lựa chọn lịch sử khác. Đại hội XIV của Đảng đã xác định những đích đến lớn: Đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

Khoảng cách từ hôm nay đến 2045 chưa đầy hai thập niên. Trong lịch sử phát triển của một quốc gia, đó là khoảng thời gian không dài. Muốn đi từ trình độ phát triển hiện nay đến một nước phát triển, Việt Nam không thể chỉ làm nhiều hơn những gì đã làm. Chúng ta phải làm khác đi, làm tốt hơn và làm nhanh hơn. Nếu Đổi mới đã giúp Việt Nam thoát khỏi quỹ đạo nghèo đói và kém phát triển, thì cuộc đổi mới hôm nay phải đưa đất nước bước vào quỹ đạo phát triển cao.

Đó chính là nội hàm sâu xa của vận mệnh mới.

Một kiến trúc phát triển mới đang hình thành

Điều đáng chú ý trong những năm gần đây, không chỉ là việc nhiều chủ trương, chính sách mới được ban hành. Quan trọng hơn, phía sau những quyết sách ấy đang dần hiện rõ một tư duy phát triển mới.

Những định hướng lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; về hội nhập quốc tế; về xây dựng và thi hành pháp luật; về phát triển kinh tế tư nhân; về phát huy vai trò của kinh tế nhà nước; về văn hóa và con người... nếu nhìn riêng lẻ là những chính sách thuộc các lĩnh vực khác nhau. Nhưng nếu đặt chúng cạnh nhau, có thể nhận ra những đường nét của một kiến trúc phát triển mới.

Trong kiến trúc ấy, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phải dần thay thế lợi thế lao động giá rẻ và khai thác tài nguyên để trở thành động lực tăng trưởng. Kinh tế tư nhân được khuyến khích trở thành một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế. Kinh tế nhà nước phải nâng cao hiệu quả và phát huy vai trò dẫn dắt ở những lĩnh vực then chốt. Hội nhập quốc tế không chỉ để mở rộng thị trường mà còn để tiếp cận tri thức, công nghệ, vốn và những mạng lưới phát triển toàn cầu.

Sâu xa hơn, đó là sự chuyển đổi từ huy động nguồn lực sang giải phóng nguồn lực; từ tăng trưởng chủ yếu dựa vào mở rộng đầu vào sang tăng trưởng dựa nhiều hơn vào năng suất, tri thức và sáng tạo; từ Nhà nước chủ yếu quản lý sang Nhà nước kiến tạo phát triển; từ tham gia vào toàn cầu hóa sang chủ động nâng cao vị thế và năng lực tự chủ của đất nước.

Một vận mệnh phát triển mới không thể được tạo nên bằng mô hình phát triển cũ. Và chính ở đây, tầm nhìn 2045 không chỉ là một mục tiêu. Nó đang trở thành điểm quy tụ để chúng ta nhìn lại và thiết kế lại cách thức phát triển của Việt Nam.

Từ tầm nhìn chiến lược đến cuộc cải cách trong thực tiễn

Nhưng lịch sử phát triển chưa bao giờ được làm nên chỉ bằng những tầm nhìn. Điều có ý nghĩa đặc biệt trong giai đoạn hiện nay là cùng với việc xác lập những định hướng chiến lược mới, một cuộc cải cách khá sâu rộng đang được triển khai trong hoạt động của cả hệ thống chính trị, trong bộ máy Nhà nước và Chính phủ.

Bộ máy được sắp xếp lại theo hướng tinh gọn hơn. Mô hình chính quyền địa phương hai cấp được vận hành. Phân cấp, phân quyền được thúc đẩy với tinh thần trao nhiều quyền chủ động hơn cho địa phương và gắn quyền hạn với trách nhiệm. Thủ tục hành chính và điều kiện kinh doanh tiếp tục được rà soát, cắt giảm thực chất và mạnh mẽ. Chuyển đổi số đang thay đổi về chất – đó là thay đổi về phương thức cung cấp dịch vụ công và hoạt động quản trị. Những điểm nghẽn pháp lý được tập trung tháo gỡ triệt để. Các dự án hạ tầng chiến lược được đẩy nhanh chưa từng có. Không gian phát triển dành cho doanh nghiệp, đặc biệt là khu vực kinh tế tư nhân, đang từng bước được mở rộng.

Điều đáng quan tâm hơn từng cải cách riêng lẻ là sự thay đổi của phương thức quản trị. Một Nhà nước kiến tạo phát triển không thể ôm giữ mọi quyền quyết định. Trung ương tập trung nhiều hơn vào chiến lược, thể chế, tiêu chuẩn và kiểm soát; địa phương có đủ thẩm quyền và năng lực để chủ động giải quyết những vấn đề của mình. Quản trị không thể chỉ đo

bằng việc tuân thủ bao nhiêu quy trình, mà ngày càng được đánh giá bằng những kết quả thực tế tạo ra cho người dân, doanh nghiệp và đất nước.

Nếu những định hướng chiến lược của Đảng đang thiết kế lại mô hình phát triển, thì những cải cách của Chính phủ thiết kế lại năng lực thực thi mô hình phát triển ấy. Hai quá trình này phải gặp nhau. Bởi tầm nhìn không có năng lực thực thi sẽ dừng lại ở khát vọng. Cải cách không được dẫn dắt bởi tầm nhìn sẽ chỉ tạo ra những cải tiến cục bộ. Khi tầm nhìn chiến lược được chuyển hóa thành năng lực hành động, những thay đổi lớn của đất nước mới thực sự xảy ra.

Cuộc chạy đua quyết định là từ chủ trương đến kết quả

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đã nhiều lần nhấn mạnh và một lần nữa nhấn mạnh tại Hội nghị toàn quốc nghiên cứu, học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 vào cuối tháng 7 vừa qua: Chất lượng thực thi là thước đo năng lực lãnh đạo, cầm quyền và hiệu quả vận hành của hệ thống; phải chuyển nhận thức thành hành động, quyết tâm thành kết quả. Giá trị của nghị quyết phải thể hiện ở chất lượng sống, cơ hội phát triển, sự an toàn, niềm tin và hạnh phúc của Nhân dân. Kết quả công việc phải được kiểm chứng bằng chuyển biến thực tế, hiệu quả phục vụ, sự hài lòng của Nhân dân.

Theo tinh thần đó, một chủ trương phát triển kinh tế tư nhân cuối cùng phải được cảm nhận bằng việc doanh nghiệp có dễ dàng đầu tư hơn, ít phải xin phép hơn, có cơ hội lớn lên và cạnh tranh bình đẳng hơn hay không. Cải cách thể chế phải được đo bằng việc một dự án tốt có được triển khai nhanh hơn, nguồn lực đất đai và vốn có được đưa vào sử dụng hiệu quả hơn hay không. Phân quyền phải được kiểm chứng bằng việc địa phương có chủ động hơn, quyết định nhanh hơn và chịu trách nhiệm rõ ràng hơn hay không. Chuyển đổi số phải được đo bằng số giờ chờ đợi, số giấy tờ và chi phí mà người dân, doanh nghiệp không còn phải bỏ ra. Khoa học và công nghệ cuối cùng phải trở thành năng suất, sản phẩm, doanh nghiệp và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Bởi vậy, năng lực thực thi đang trở thành một lợi thế cạnh tranh quốc gia. Trong thế giới ngày nay, vốn, công nghệ và tri thức có thể dịch chuyển rất nhanh. Các quốc gia không chỉ cạnh tranh bằng tài nguyên, nhân công hay quy mô thị trường. Họ ngày càng cạnh tranh bằng chất lượng thể chế, tốc độ ra quyết định, năng lực tổ chức thực hiện và mức độ đáng tin cậy của bộ máy công quyền. Vì thế, khoảng cách đáng lo ngại nhất trên con đường đến năm 2045 có lẽ không chỉ là khoảng cách giữa Việt Nam và các nước phát triển. Đó còn là khoảng cách giữa điều chúng ta quyết định và điều chúng ta thực hiện được.

Thu hẹp được khoảng cách ấy chính là một trong những chìa khóa để thay đổi vận mệnh phát triển của đất nước.

Vận mệnh của đất nước phải trở thành vận mệnh của mỗi người Việt Nam

Một quốc gia phát triển không phải cuối cùng để có những con số GDP lớn hơn, đẹp hơn. Phát triển chỉ thật sự có ý nghĩa khi được chuyển hóa thành một cuộc sống tốt đẹp hơn cho người dân.

Một Việt Nam phát triển phải là nơi người trẻ có thể tìm được việc làm tốt và nhìn thấy cơ hội lập nghiệp; người có tài năng có môi trường để sáng tạo và cống hiến; doanh nhân có thể nuôi dưỡng những giấc mơ lớn; người lao động có thu nhập ngày càng cao; trẻ em được tiếp cận giáo dục tốt; người dân được chăm sóc sức khỏe tốt hơn và mỗi gia đình có thêm niềm tin vào tương lai. Nói cách khác, một quốc gia chỉ thật sự thay đổi vận mệnh khi sự thay đổi ấy trở thành cơ hội thay đổi cuộc đời của hàng triệu con người.

Nhà nước không thể và cũng không cần làm thay tất cả. Điều quan trọng nhất của Nhà nước kiến tạo là xây dựng thể chế tốt, hạ tầng tốt, dịch vụ công tốt và một môi trường trong đó tài năng, sáng tạo và tinh thần kinh doanh được giải phóng. Bởi cuối cùng, Việt Nam 2045 sẽ không chỉ được xây dựng trong các cơ quan nhà nước. Nó được xây dựng trong từng doanh nghiệp, từng phòng thí nghiệm, từng trường học, từng công trường, từng cánh đồng và trong khát vọng vươn lên của hàng triệu người Việt Nam.

Lời hứa 2045

Tầm nhìn đã được xác lập. Con đường đang được mở ra. Những cải cách lớn đã bắt đầu. Điều quyết định từ đây là biến tầm nhìn của Đảng thành hành động của Nhà nước; biến hành động của Nhà nước thành cơ hội của người dân và doanh nghiệp; và biến hàng triệu cơ hội phát triển ấy thành sức mạnh đi lên của cả dân tộc.

Đó cũng chính là cách đẹp nhất để tiếp nối lời hứa của ngày 2/9/1945: xây dựng một nước Việt Nam không chỉ độc lập và tự do, mà còn phát triển, hùng cường và thịnh vượng, người dân ngày càng ấm no, hạnh phúc.

Tiến sĩ Nguyễn Sĩ Dũng, nguyên Phó chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội

Nguồn: chinhphu.vn

ĐẨY NHANH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BẰNG DỮ LIỆU SỐ

Việt Nam đang nỗ lực phát triển Chính phủ số, kinh tế số, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Việc “tăng tốc” chuyển đổi số, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, dựa trên dữ liệu... nhằm chuyển mạnh sang mô hình quản trị hiện đại, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm.

Kiểm soát thủ tục trên giấy

Sau 15 năm triển khai Nghị định số 63/2010/NĐ-CP (ngày 8/6/2010) về kiểm soát thủ tục hành chính, Bộ Tư pháp cho biết, công tác cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính và điều kiện kinh doanh đã đạt được những chuyển biến rõ nét cả về quy mô lẫn chiều sâu tác động. Tuy nhiên, cách tiếp cận vẫn thiên về “hình thức - tuân thủ” hơn là “quản trị rủi ro và hiệu quả”, chưa thiết lập được cơ chế kiểm soát đủ mạnh đối với việc ban hành các thủ tục hành chính mang tính “tiền kiểm”, cấp phép và cơ chế “xin - cho”, làm gia tăng chi phí tuân thủ và hạn chế tính linh hoạt của môi trường đầu tư kinh doanh.

Theo Bộ Tư pháp, cơ chế rà soát, đánh giá thủ tục hành chính hiện nay còn mang tính đơn lẻ, chưa được thiết kế theo vòng đời sự kiện và trải nghiệm thực tế của người dân, doanh nghiệp. Việc đánh giá chủ yếu tập trung vào tính cần thiết, hợp pháp, hợp lý của quy định mà chưa gắn chặt với dữ liệu thực tiễn về thời gian xử lý, chi phí phát sinh, mức độ thuận tiện và khả năng liên thông khi thực hiện thủ tục hành chính. Điều này dẫn đến tình trạng nhiều thủ tục được thiết kế theo hướng thuận tiện cho cơ quan quản lý hơn là lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm. Trong bối cảnh mới, yêu cầu chuyển từ phương thức “kiểm soát thủ tục trên giấy” sang “kiểm soát thủ tục trên môi trường điện tử”, dựa trên dữ liệu và kết nối liên thông giữa các hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính là đòi hỏi bức thiết.

Tổng hợp ý kiến các địa phương cũng cho thấy, một hạn chế đáng kể của Nghị định số 63 đó là chưa tiếp cận đầy đủ theo hướng quản trị dữ liệu hiện đại trong kiểm soát và thực hiện thủ tục hành chính. Do thiếu nền tảng pháp lý đầy đủ về tái sử dụng dữ liệu, hệ thống thủ tục hành chính vẫn vận hành theo logic hồ sơ giấy hoặc hồ sơ điện tử tách rời, chưa chuyển sang mô hình xử lý dựa trên dữ liệu. Hệ quả là người dân, doanh nghiệp phải cung cấp lặp lại thông tin trong nhiều thủ tục khác nhau, làm gia tăng chi phí tuân thủ và thời gian thực hiện.

Bà Đỗ Thị Huệ, chuyên viên một công ty logistics tại Hải Phòng cho biết, doanh nghiệp gặp nhiều vất vả khi thực hiện các thủ tục hành chính liên quan thuế, hải quan do nhiều hướng dẫn “vênh” nhau, thiếu đồng bộ, thời gian nhận kết quả chậm gây khó khăn, thậm chí là tổn thất cho doanh nghiệp.

Mới đây, Hiệp hội Da – Giày - Túi xách Việt Nam (LEFASO) đã gửi kiến nghị đến Bộ Công thương tháo gỡ khó khăn trong thủ tục cấp Chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) cho doanh nghiệp ngành da giày, may mặc. Theo LEFASO, nguyên nhân chính đến từ giai đoạn chuyển giao cơ quan cấp C/O từ Cục Xuất nhập khẩu về Sở Công thương địa phương. Thực tế này khiến doanh nghiệp phải đăng ký lại hồ sơ thương nhân, thời gian xử lý có thể kéo dài tới 10 ngày. Trong thời gian chờ phê duyệt, doanh nghiệp không thể nộp hồ sơ xin C/O, khiến việc chuẩn bị chứng từ xuất khẩu bị gián đoạn.

Đặc biệt, Sở Công thương Thành phố Hồ Chí Minh phải tiếp nhận lượng lớn hồ sơ từ nhiều ngành hàng. Trong giai đoạn đầu chuyển đổi, quy trình và nhân sự chưa ổn định, làm thời gian rà soát và xét duyệt C/O bị kéo dài. Với doanh nghiệp, khi nhiều lô hàng xuất khẩu, C/O ảnh hưởng trực tiếp đến thuế, thông quan, dòng tiền và tiến độ giao hàng ở đầu nhập. Để tháo gỡ điểm nghẽn, LEFASO đề xuất Bộ Công thương xem xét các giải pháp khẩn cấp, trong đó kế thừa dữ liệu hồ sơ thương nhân đã đăng ký trên hệ thống eCoSys, tránh yêu cầu doanh nghiệp làm lại từ đầu.

Người dân không có trách nhiệm cung cấp lại thông tin, giấy tờ

Theo dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 63/2010/NĐ-CP về kiểm soát thủ tục hành chính; đối với các thủ tục hành chính nhằm phục vụ mục đích quản lý nhà nước mang tính thông tin, kỹ thuật; cơ quan có thẩm quyền chủ động thu thập, khai thác thông tin từ cơ sở dữ liệu, hồ sơ quản lý và từ cá nhân, tổ chức. Không chuyển giao trách nhiệm cung cấp lại thông

tin, giấy tờ sang cá nhân, tổ chức thông qua thủ tục hành chính. Không biến tướng thủ tục xác nhận, cung cấp thông tin thành thủ tục cấp phép hành chính theo cơ chế “xin - cho”.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải được cung cấp dưới hình thức điện tử; trường hợp cá nhân, tổ chức có yêu cầu thì trả thêm hình thức bằng bản giấy. Trường hợp quy định, thủ tục hành chính chưa được công bố, đăng ký vào Cơ sở dữ liệu quốc gia thủ tục hành chính thì cơ quan, người có thẩm quyền không tự ý yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính. Việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính phải gắn với cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện trên môi trường điện tử, bảo đảm sự kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu.

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm sử dụng, bố trí cán bộ, công chức có phẩm chất đạo đức tốt, văn hóa giao tiếp chuẩn mực, đủ trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực phù hợp. Cần hướng dẫn, giải thích, cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức có liên quan; phụ nữ mang thai, trẻ mồ côi và người thuộc diện bảo trợ xã hội khác trong thực hiện thủ tục hành chính...

Bộ Tư pháp đề xuất, khi rà soát, đánh giá thủ tục hành chính phải nhận diện cho được các khó khăn, vướng mắc, bất cập, không còn phù hợp với thực tiễn; đánh giá mức độ tác động của thủ tục hành chính đối với người dân, doanh nghiệp, hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh, môi trường cạnh tranh và hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước...

Những đề xuất này đang được người dân, doanh nghiệp đánh giá là rất thiết thực khi triển khai trên thực tế. Theo ông Lê Trí, phường Định Công, Thành phố Hà Nội, khi dữ liệu có thể khai thác thì cơ quan giải quyết thủ tục phải chủ động sử dụng, không nên để việc các hệ thống chưa kết nối tốt hoặc cán bộ chưa khai thác dữ liệu trở thành lý do khiến người làm thủ tục phải tiếp tục nộp lại giấy tờ, không đúng tinh thần của Đảng, Nhà nước ta hiện nay.

Nguồn: nhandan.vn

THÁO GỠ CÁC ĐIỂM NGHIÊN THỂ CHẾ, KHƠI THÔNG CHÍNH SÁCH TẠO CỰC TĂNG TRƯỞNG

Kỳ họp không thường lệ thứ Nhất, Quốc hội khóa XVI được ghi dấu không chỉ bằng những đạo luật, nghị quyết được thông qua, mà quan trọng hơn, kỳ họp còn thể hiện một chuyển động sâu sắc trong tư duy lập pháp và quản trị quốc gia, đó là “pháp luật phải đi trước một bước để mở đường cho phát triển.”

Các đại biểu Quốc hội cho rằng thông qua việc hoàn thiện thể chế sẽ giúp huy động các nguồn lực cũng như phát huy các tiềm năng, lợi thế quốc gia, từ đó góp phần hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng cao trong kỷ nguyên mới của đất nước.

Kiến tạo thể chế hiện đại, dẫn dắt phát triển

Đại biểu Trịnh Xuân An (đoàn Đồng Nai) đánh giá kỳ họp này đánh dấu một bước chuyển quan trọng: từ Quốc hội tháo gỡ những rào cản của phát triển sang Quốc hội chủ động kiến tạo môi trường, động lực và không gian phát triển mới.

Theo đó, các dự án luật trình Quốc hội lần này đều hướng tới những mục tiêu cải cách rất cụ thể, có thể lượng hóa và kiểm chứng như: dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường dự kiến cắt giảm khoảng 40 thủ tục hành chính, 40 điều kiện kinh doanh, tiết giảm khoảng 790 ngày làm việc cho người dân và doanh nghiệp; Luật Đầu tư cắt giảm 58 ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

“Công tác xây dựng pháp luật không còn dừng ở việc hoàn thiện hệ thống pháp luật hay tháo gỡ những khó khăn trước mắt, mà phải kiến tạo được một môi trường thể chế hiện đại, ổn định, minh bạch và đủ năng lực dẫn dắt sự phát triển,” đại biểu Trịnh Xuân An nhấn mạnh.

Đại biểu Trịnh Xuân An cũng thẳng thắn khi cho rằng thước đo thành công của các đạo luật sẽ không chỉ là số lượng luật được thông qua, mà là mức độ thuận lợi hơn trong thực hiện thủ tục hành chính, chi phí tuân thủ được cắt giảm, môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện và các nguồn lực phát triển được khơi thông mạnh mẽ hơn đúng với mục tiêu cao nhất của hoạt động lập pháp trong giai đoạn hiện nay đó là mọi cải cách cuối cùng phải hướng tới phục vụ người dân, doanh nghiệp và sự phát triển của đất nước.

Với việc Quốc hội sẽ thông qua hàng loạt luật, nghị quyết có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển của đất nước, đại biểu Trần Hoàng Ngân cho rằng, thông qua việc hoàn thiện thể chế sẽ giúp huy động các nguồn lực cũng như phát huy các tiềm năng, lợi thế quốc gia, từ đó góp phần hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng cao trong kỷ nguyên mới của đất nước.

Trong khi đó, đại biểu Cil Bri (đoàn Lâm Đồng) cho rằng vấn đề tại các dự án luật không chỉ là cắt giảm bao nhiêu thủ tục, điều kiện kinh doanh hay chuyển giao thêm bao nhiêu thẩm quyền, mà còn phải làm rõ phương thức quản lý sau khi cắt giảm, năng lực của cấp được giao quyền, trách nhiệm của từng chủ thể và việc bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp.

“Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền sẽ tăng tính chủ động của các cấp, các ngành và địa phương; đồng thời, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ sẽ tạo thuận lợi hơn cho người dân và doanh nghiệp... Tuy nhiên, đi cùng với phân cấp, phân quyền phải là cơ chế kiểm tra, giám sát, hậu kiểm và quy định rõ trách nhiệm của từng

chủ thể, bảo đảm cải cách không làm suy giảm hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước,” đại biểu Cù Bội nói.

Mở không gian phát triển, hình thành cực tăng trưởng mới

Tại kỳ họp này, từng dự án luật, chủ trương được ban hành không chỉ giải quyết những vướng mắc trong thực tiễn mà còn “mở đường” cho phát triển theo đúng như yêu cầu được Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn nhấn mạnh tại phiên khai mạc Kỳ họp không thường lệ thứ Nhất, Quốc hội khóa XVI.

Đơn cử như việc xây dựng Luật Phát triển đô thị, đại biểu Trần Hoàng Ngân (đoàn Thành phố Hồ Chí Minh) đánh giá luật này đã có nhiều quy định về cơ chế, chính sách vượt trội nhằm thúc đẩy phát triển các thành phố lớn, các thành phố trực thuộc Trung ương và đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho địa phương, phát huy tính chủ động, sáng tạo của các địa phương trong kiến tạo thể chế, huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển.

“Luật Phát triển đô thị được thông qua với thể chế vượt trội sẽ tạo đà cho sự bứt phá cho các cực tăng trưởng, các động lực tăng trưởng mới, trung tâm tài chính quốc tế, khu thương mại tự do, trung tâm logistics, góp phần đưa đất nước ta đạt mục tiêu vào năm 2045 trở thành nước phát triển thu nhập cao,” đại biểu Trần Hoàng Ngân tin tưởng.

Có góc nhìn về Luật Ngân sách Nhà nước (hợp nhất) trên cơ sở hợp nhất Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách Nhà nước, đại biểu Trần Hoàng Ngân cho rằng việc này sẽ giúp tránh tình trạng có vốn nhưng dự án không triển khai được, hay dự án đang cần vốn nhưng lại không có vốn, bảo đảm hiệu quả sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước trong bối cảnh chúng ta đang cần nguồn lực cho đầu tư phát triển.

Nhìn nhận việc sửa đổi Luật Dầu khí được kỳ vọng tạo thêm dư địa huy động nguồn lực, nâng cao hiệu quả khai thác tài nguyên và mở rộng không gian cho các chuỗi giá trị năng lượng mới. Đại biểu Lê Ngọc Sơn (đoàn Thành phố Hồ Chí Minh) cho rằng, thay đổi bao trùm nhất của lần sửa đổi này là chuyển mạnh sang tư duy thể chế kiến tạo phát triển.

“Ý nghĩa của lần sửa Luật này không nằm ở số điều khoản mới, mà ở khả năng chuyển hóa thể chế thành dự án được triển khai, trữ lượng được gia tăng, sản lượng được duy trì thành nguồn năng lượng phục vụ phát triển đất nước,” đại biểu Lê Ngọc Sơn nhấn mạnh.

Một nội dung khác mà kỳ họp Quốc hội lần này đưa vào chương trình họp là các quyết định về tổ chức không gian phát triển và hình thành các cực tăng trưởng mới.

Với việc Quốc hội thông qua thành lập thành phố Quảng Ninh và thành phố Bắc Ninh không chỉ là những quyết định về tổ chức đơn vị hành chính, mà còn đặt ra yêu

cầu hình thành không gian đô thị có bản sắc, có vai trò trung tâm và tạo động lực phát triển mới.

Theo đại biểu Tạ Thị Yên (đoàn Điện Biên), sau khi thành lập, Chính phủ và hai địa phương cần quan tâm hơn đến phối hợp liên vùng, kết nối hạ tầng, logistics và không gian kinh tế vượt khỏi giới hạn địa giới hành chính. Giá trị của một thành phố trực thuộc Trung ương không chỉ nằm ở quy mô của chính thành phố đó mà còn ở khả năng tạo động lực phát triển cho khu vực xung quanh.

Đại biểu Hoàng Văn Nghĩa (đoàn Quảng Ngãi) cũng nhấn mạnh, việc thành lập hai thành phố là bước chuyển mình mang tính chiến lược, hướng tới kiến tạo hai cực tăng trưởng có tính dẫn dắt và lan tỏa, góp phần thúc đẩy phát triển vùng Đồng bằng sông Hồng và dải đất Đông Bắc.

Nguồn: vietnamplus.vn

KIẾN TẠO NỀN TẢNG CHO MÔ HÌNH QUẢN TRỊ QUỐC GIA HIỆN ĐẠI

Một nền quản trị quốc gia hiện đại không thể được tạo nên chỉ bằng một bộ máy tinh gọn hơn hay những nền tảng công nghệ mới. Nó đòi hỏi một nền tảng thể chế đủ khả năng mở đường cho phát triển, một bộ máy đủ năng lực biến chính sách thành kết quả và một hạ tầng dữ liệu đủ sức thay đổi phương thức ra quyết định.

Ba yếu tố ấy phải cùng chuyển động, bởi thể chế dù tiên bộ nhưng thực thi yếu sẽ khó đi vào cuộc sống; bộ máy dù được trao quyền nhưng thiếu dữ liệu và công cụ sẽ khó hành động hiệu quả; công nghệ dù hiện đại nhưng vận hành trên những quy trình cũ cũng không thể tạo ra một phương thức quản trị mới. Vì vậy, kiến tạo nền tảng cho quản trị quốc gia hiện đại thực chất là thiết kế lại cách Nhà nước tạo lập thể chế, tổ chức thực thi và tương tác với xã hội để tạo ra năng lực phát triển mới.

Thể chế không chỉ để quản lý, mà phải mở đường

Trong một nền quản trị hiện đại, thể chế không chỉ làm nhiệm vụ giữ gìn trật tự của những gì đang có, mà phải tạo không gian để những khả năng mới được hình thành và phát triển.

Đây cũng là yêu cầu nổi bật đặt ra trong hoạt động lập pháp thời gian qua. Tại Kỳ họp không thường lệ thứ Nhất, Quốc hội khóa XVI, nhiều dự án luật được xem xét, trong đó có những nội dung trực tiếp liên quan đến đầu tư, kinh doanh, khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, tổ chức bộ máy và đời sống người dân.

Điều đáng chú ý không chỉ nằm ở số lượng văn bản được sửa đổi, mà ở yêu cầu ngày càng rõ hơn về chất lượng của thể chế: quy định phải xuất phát từ thực tiễn, tháo gỡ điểm nghẽn, giảm chi phí tuân thủ và mở thêm không gian cho các nguồn lực phát triển.

Đại biểu Quốc hội Tạ Văn Hạ, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội, cho rằng: *“Khi đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, điều quan trọng là phải xác định rõ thẩm quyền và trách nhiệm của từng cấp, từng cơ quan. Việc gì địa phương có thể quyết định thì cần trao quyền để địa phương chủ động xử lý, nhưng cùng với đó phải có cơ chế kiểm soát, giám sát và trách nhiệm giải trình phù hợp”*.

Từ góc nhìn đó, cải cách thể chế không thể chỉ là “bỏ bớt” những quy định không còn phù hợp. Quan trọng hơn là phải kiến tạo được những quy định mới cho những lĩnh vực mới, những mô hình kinh doanh mới và những phương thức phát triển mà hệ thống pháp luật trước đây chưa dự liệu.

Sự phát triển nhanh của khoa học, công nghệ đang đặt ra yêu cầu đặc biệt đối với năng lực thích ứng của thể chế. Một công nghệ mới có thể xuất hiện chỉ trong thời gian ngắn; một mô hình kinh tế mới có thể hình thành trước khi pháp luật kịp điều chỉnh. Nếu mỗi thay đổi đều phải chờ một quy trình sửa đổi kéo dài, chính thể chế có thể trở thành điểm nghẽn của chính sự phát triển.

Vì vậy, yêu cầu cao hơn đối với thể chế không chỉ là đúng, chặt chẽ và đồng bộ, mà còn phải linh hoạt, thích ứng và có khả năng khuyến khích đổi mới. Nhà nước cần tạo ra những nguyên tắc đủ rõ để bảo đảm kỷ cương, nhưng đồng thời phải để lại khoảng không cần thiết cho sáng tạo.

Theo Đại biểu Quốc hội Trịnh Thị Tú Anh (Đoàn ĐBQH tỉnh Lâm Đồng): *“Chất lượng thể chế cần được nhìn từ khả năng giải quyết những vấn đề thực tế. Một chính sách tốt không chỉ nằm ở việc quy định chặt chẽ đến đâu mà phải bảo đảm tính đồng bộ, khả thi và khi thực hiện không tạo thêm những điểm nghẽn mới”*.

Đây cũng là lý do việc sửa một đạo luật không thể tách rời việc rà soát những luật có liên quan. Một đạo luật có thể rất đầy đủ nhưng nếu người dân, doanh nghiệp vẫn phải đi qua quá nhiều tầng nấc, mất quá nhiều thời gian và chi phí để thực hiện quyền của mình thì mục tiêu cải cách chưa đạt được.

Trong quá trình đó, phân cấp, phân quyền là một nội dung then chốt. Nhưng phân quyền không thể được hiểu đơn giản là chuyển thêm việc xuống cấp dưới. Một địa phương chỉ có thể chủ động khi được trao đồng thời thẩm quyền, nguồn lực, dữ liệu và trách nhiệm.

Nếu giao nhiệm vụ nhưng không giao nguồn lực; giao quyền nhưng không làm rõ trách nhiệm; hoặc phân cấp nhưng quyết định vẫn phải đi qua quá nhiều tầng nấc, cải cách sẽ chỉ thay đổi hình thức mà chưa thay đổi bản chất.

Một nền quản trị hiện đại vì thế phải trả lời rõ những câu hỏi: Ai được quyết định? Quyết định đến đâu? Có đủ nguồn lực để thực hiện không? Và ai chịu trách nhiệm về kết quả? Đó chính là bước chuyển từ quản lý bằng thủ tục sang quản trị bằng mục tiêu, kết quả và trách nhiệm.

Trao quyền phải đi cùng năng lực thực thi

Thế chế chỉ mở đường khi có một bộ máy đủ năng lực bước qua cánh cửa ấy. Đây là vấn đề càng trở nên rõ hơn khi mô hình chính quyền địa phương hai cấp được triển khai. Việc giảm tầng nấc trung gian tạo điều kiện để quyết định đến gần cơ sở hơn, nhưng đồng thời đặt nhiều nhiệm vụ hơn lên cấp trực tiếp giải quyết công việc của người dân.

Khi đó, câu hỏi không chỉ là cấp xã được giao thêm bao nhiêu nhiệm vụ, mà là cấp xã có đủ người, đủ năng lực, đủ nguồn lực, đủ dữ liệu và công cụ để hoàn thành những nhiệm vụ ấy hay chưa. Trao quyền mà không nâng năng lực thực thi rất dễ chỉ chuyển điểm nghẽn từ cấp này sang cấp khác.

Đại biểu Tạ Văn Hạ cho rằng cùng với phân cấp, phân quyền cần xác định rõ trách nhiệm và tăng cường kiểm soát quyền lực. Khi quyền hạn được trao xuống cơ sở, cơ chế giám sát và trách nhiệm giải trình càng phải rõ để vừa tạo sự chủ động, vừa bảo đảm việc thực thi đúng quy định.

“Ở đây, yêu cầu “rõ người, rõ việc, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ kết quả” không phải là khẩu hiệu mang tính hình thức. Nó phải trở thành nguyên tắc trong tổ chức công việc”, Đại biểu Quốc hội Tạ Văn Hạ chia sẻ quan điểm.

Điều đó cũng đặt ra yêu cầu thay đổi cách nhìn về cán bộ, công chức. Một cán bộ được giao quyền phải biết rõ phạm vi quyết định của mình; nếu vượt thẩm quyền, phải có cơ chế phối hợp rõ; nếu quyết định không đạt kết quả, phải xác định được trách nhiệm; nhưng nếu dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm và mang lại hiệu quả thì cũng cần được bảo vệ.

Đây là điều kiện quan trọng để khắc phục tâm lý sợ sai, sợ trách nhiệm - một lực cản không nhỏ đối với năng lực hành động của bộ máy.

Theo Tiến sĩ Trịnh Thị Tú Anh, cải cách bộ máy cần hướng đến nâng cao năng lực hành động, chứ không chỉ giảm số lượng đầu mối. Khi trách nhiệm được gắn với kết quả đầu ra, mỗi cơ quan, mỗi cấp chính quyền sẽ phải chuyển mạnh hơn từ tư duy thực hiện đúng quy trình sang tư duy giải quyết công việc hiệu quả.

Điều này cũng đòi hỏi phải thay đổi cách đánh giá cán bộ và cơ quan hành chính. Không thể chỉ nhìn vào việc quy trình có được thực hiện đầy đủ hay không, mà phải nhìn vào kết quả: công việc có được giải quyết đúng hạn không, nguồn lực có được sử dụng hiệu quả không, người dân và doanh nghiệp có thực sự thuận lợi hơn không.

Giáo sư, Tiến sĩ Hoàng Văn Cường (Đại biểu Quốc hội các khóa XIV, XV) cho rằng, đổi mới mô hình phát triển phải gắn với tái cấu trúc quản trị quốc gia. Khi không gian phát triển được mở rộng, các nguồn lực được huy động mạnh hơn và công nghệ thay đổi nhanh hơn, bộ máy cũng phải chuyển từ cách quản lý phân mảnh sang phối hợp, điều hành theo mục tiêu và kết quả.

Bởi vậy, nguyên tắc “*nhiệm vụ đến đâu, nguồn lực đến đó*” cần được hiểu theo nghĩa rộng. Nguồn lực không chỉ là tiền, mà còn là con người, dữ liệu, hạ tầng, công cụ và quyền hạn. Một bộ máy tinh gọn nhưng thiếu năng lực không phải là một bộ máy mạnh. Một bộ máy được trao quyền nhưng thiếu điều kiện thực thi cũng chưa phải là một bộ máy kiến tạo.

Công nghệ không chỉ số hóa công việc, mà phải làm lại cách quản trị

Nếu thể chế là “*khung*”, bộ máy là “*người thực hiện*” thì dữ liệu và công nghệ chính là hạ tầng mới giúp Nhà nước nâng cao năng lực quản trị.

Trong nền quản trị hiện đại, công nghệ số không nên chỉ được xem là công cụ giúp làm nhanh hơn những việc đang làm. Giá trị lớn hơn nằm ở khả năng thiết kế lại cách thức tổ chức công việc, ra quyết định và cung cấp dịch vụ công.

Một thủ tục hành chính được đưa lên môi trường số nhưng người dân vẫn phải kê khai lại những thông tin mà cơ quan Nhà nước đã có thì về bản chất mới chỉ là “*số hóa thủ tục*”, chưa phải chuyển đổi phương thức quản trị.

Giá trị thực sự của chuyển đổi số nằm ở khả năng kết nối hệ thống, chia sẻ dữ liệu theo đúng quy định và loại bỏ những công đoạn không cần thiết. Khi đó, dữ liệu trở thành một hạ tầng mới của quản trị.

Cơ quan quản lý có thể dựa trên dữ liệu để nhận diện vấn đề, đánh giá chính sách và đưa ra quyết định. Chính quyền cơ sở có thêm thông tin để xử lý công việc. Người dân và doanh nghiệp giảm phụ thuộc vào những khâu trung gian.

“Ở góc độ này, chuyển đổi số không chỉ giúp “*nhanh hơn*” mà còn có thể làm cho quản trị minh bạch hơn, có căn cứ hơn và dễ giám sát hơn”, GS.TS Hoàng Văn Cường nhấn mạnh.

Theo ông, dữ liệu và công nghệ cần trở thành một phần của hệ sinh thái quản trị mới. Khi dữ liệu được kết nối và sử dụng hiệu quả, Nhà nước có thể điều hành dựa nhiều hơn vào thông tin thực tế thay vì chỉ dựa vào báo cáo thủ công; đồng thời nâng cao chất lượng dự báo và ra quyết định.

Nhưng công nghệ không phải lời giải tự động cho mọi vấn đề. Một hệ thống số hiện đại nhưng dữ liệu không chính xác có thể khiến quyết định sai được đưa ra nhanh hơn. Một nền tảng được đầu tư lớn nhưng các cơ quan không chia sẻ dữ liệu vẫn không giải quyết được tình trạng phân mảnh. Và nếu đội ngũ không đủ năng lực sử dụng công nghệ, hệ thống dù hiện đại cũng khó phát huy hiệu quả.

Vì thế, xây dựng nền quản trị số phải đồng thời giải quyết ba vấn đề: hạ tầng công nghệ, chất lượng dữ liệu và năng lực con người.

Đặc biệt, phải tránh tình trạng “*số hóa cái cũ*”. Nếu vẫn giữ nguyên cách phân công, cách phê duyệt, cách phối hợp và cách yêu cầu người dân cung cấp thông tin như trước, việc đưa quy trình lên môi trường số có thể chỉ tạo ra một “*bộ máy giấy tờ*” dưới hình thức điện tử.

Cùng với đó là yêu cầu bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin và quyền, lợi ích hợp pháp của người dân. Dữ liệu càng trở thành nền tảng của quản trị thì trách nhiệm đối với dữ liệu càng phải rõ.

“Một nền quản trị hiện đại cũng cần tạo ra sự tương tác hai chiều. Người dân không chỉ là đối tượng được quản lý hay người sử dụng dịch vụ công, mà còn có thể cung cấp thông tin, phản hồi chính sách và tham gia giám sát hoạt động của bộ máy. Khi công nghệ tạo được những kênh tương tác như vậy, khoảng cách giữa chính quyền và người dân có thể được thu hẹp theo một cách rất thực chất”, Giáo sư, Tiến sĩ Hoàng Văn Cường nói.

Khi ba nền tảng cùng chuyển động

Thể chế, năng lực thực thi và công nghệ số không phải ba chương trình cải cách riêng biệt. Chúng là ba lớp nền của cùng một quá trình tái thiết quản trị quốc gia.

Thể chế tạo ra khuôn khổ và không gian hành động. Bộ máy biến khuôn khổ ấy thành chính sách và kết quả. Dữ liệu, công nghệ giúp bộ máy hành động nhanh hơn, chính xác hơn, minh bạch hơn và có khả năng dự báo tốt hơn.

Một thể chế tiến bộ nhưng bộ máy không đủ năng lực sẽ không tạo ra kết quả. Một bộ máy được trao quyền nhưng thiếu dữ liệu và công cụ sẽ khó ra quyết định chính xác. Một hệ thống công nghệ hiện đại nhưng vận hành trên những quy trình cũ, thiếu hành lang pháp lý và thiếu đội ngũ đủ năng lực thì cũng khó tạo ra thay đổi thực chất.

Vì vậy, điều quan trọng nhất của đổi mới quản trị quốc gia là không để các cuộc cải cách diễn ra theo những đường ray riêng biệt. Cải cách thể chế phải tính đến năng lực thực thi. Phân quyền phải tính đến nguồn lực và dữ liệu. Chuyển đổi số phải bắt đầu từ việc thiết kế lại quy trình. Và tất cả phải quy tụ về một mục tiêu: tạo ra năng lực phát triển mới cho đất nước.

Đại biểu Tạ Văn Hạ cho rằng, điều người dân và doanh nghiệp quan tâm không hẳn là bộ máy được sắp xếp bao nhiêu đầu mối hay có bao nhiêu quy định mới, mà là những thay đổi ấy có giúp cuộc sống thuận lợi hơn, hoạt động sản xuất, kinh doanh hiệu quả hơn hay không.

Đó cũng là điểm mà Tiến sĩ Trịnh Thị Tú Anh nhấn mạnh khi nói về yêu cầu đưa chính sách vào cuộc sống: Chất lượng của một chính sách phải được kiểm chứng qua thực tiễn, qua khả năng giải quyết những vấn đề cụ thể và qua kết quả mà người dân, doanh nghiệp nhận được.

Bởi vậy, kiến tạo nền tảng cho mô hình quản trị quốc gia hiện đại không phải là xây dựng một bộ máy lớn hơn với nhiều công cụ quản lý hơn. Đó là quá trình làm cho thể chế thông thoáng hơn nhưng kỷ cương hơn; bộ máy gọn hơn nhưng có năng lực hơn; trao quyền mạnh hơn nhưng trách nhiệm rõ hơn; ứng dụng công nghệ sâu hơn nhưng quản trị phải gần con người hơn.

Và cuối cùng, mọi cải cách đều phải trở về với những câu hỏi rất cụ thể: Người dân có bớt đi một lần đi lại không? Doanh nghiệp có giảm được thời gian, chi phí không? Một quyết định có được đưa ra nhanh hơn không? Một nguồn lực có được giải phóng để đi vào sản xuất, kinh doanh không?

Nếu câu trả lời ngày càng rõ ràng và tích cực, khi ấy những nền tảng của quản trị hiện đại mới thực sự được hình thành.

Từ thể chế mở đường, bộ máy hành động đến dữ liệu dẫn dắt quyết định, đó không chỉ là ba nhiệm vụ cải cách. Đó là ba điều kiện để Nhà nước nâng cao năng lực kiến tạo phát triển và thực hiện tốt hơn trách nhiệm phục vụ Nhân dân trong một thời đại mà tốc độ thay đổi của xã hội đang nhanh hơn bao giờ hết.

Nguồn: congluan.vn

CHÍNH SÁCH MỚI CÓ HIỆU LỰC TỪ THÁNG 9/2026

Từ tháng 9/2026, nhiều chính sách mới có hiệu lực, nổi bật là các chính sách liên quan chi trả lương hưu qua VNeID; trẻ dưới 6 tuổi được cấp thẻ Căn cước; quy định về định danh địa điểm; xử phạt vi phạm hành chính về tài sản mã hóa...

Cung cấp dịch vụ liên quan tài sản mã hóa khi chưa được cấp phép bị phạt tới 200 triệu đồng

Chính phủ ban hành Nghị định số 284/2026/NĐ-CP ngày 16/7/2026 quy định xử phạt vi phạm hành chính về tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa. Nghị định quy định mức phạt tiền tối đa đối với hành vi vi phạm là 200 triệu đồng đối với tổ chức, 100 triệu đồng đối với cá nhân.

Trong đó, đối với các vi phạm về tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa, Nghị định quy định phạt tiền từ 180-200 triệu đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

- Thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan tài sản mã hóa khi chưa được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa.
- Quảng cáo, tiếp thị liên quan tài sản mã hóa khi chưa được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa.

Mức phạt tiền quy định dưới đây được áp dụng đối với tổ chức. Trường hợp cá nhân có hành vi vi phạm như của tổ chức thì mức phạt tiền bằng 1/2 mức phạt tiền đối với tổ chức.

Mỗi địa điểm sẽ có mã định danh 12 chữ số, hiển thị trên VNeID

Chính phủ vừa ban hành Nghị định số 326/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 quy định về định danh địa điểm.

Nghị định nêu rõ các nguyên tắc định danh địa điểm. Theo đó, mỗi địa điểm chỉ có một mã định danh duy nhất, tuân thủ cấu trúc thống nhất trên toàn quốc, bảo đảm tính liên tục và ổn định, không trùng lặp trong toàn hệ thống.

Mã định danh địa điểm sau khi được tạo lập, gắn mã duy nhất cho một đối tượng cụ thể phải có tính ổn định lâu dài. Mã định danh địa điểm là dãy số tự nhiên gồm 12 chữ số do Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm xác lập. Mỗi địa điểm được gắn một mã định danh riêng biệt, không trùng lặp, bảo đảm tính ổn định, mở rộng và khả năng liên kết, tích hợp, kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Cơ quan Nhà nước được giao quản lý chuyên ngành đối với đối tượng thuộc danh mục định danh địa điểm hoặc cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành chứa dữ liệu gốc về sự hình thành, tồn tại, biến động của đối tượng có trách nhiệm chủ trì rà soát, chuẩn hóa, thu thập dữ liệu, đồng bộ dữ liệu về Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm để thực hiện cấp mã định danh địa điểm.

Trẻ dưới 6 tuổi được cấp thẻ Căn cước

Nghị định số 301/2026/NĐ-CP ngày 30/7/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10/6/2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện liên thông điện tử 2 nhóm thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất.

Theo đó, cha mẹ có thể đăng ký cấp thẻ căn cước cho trẻ dưới 6 tuổi nếu có nhu cầu ngay trong quá trình đăng ký khai sinh liên thông điện tử, không phải thực hiện thêm một thủ tục riêng như trước đây.

Việt Nam cấm nhập khẩu hàng hóa được sản xuất bởi hành vi cưỡng bức lao động

Chính phủ ban hành Nghị định 292/2026/NĐ-CP ngày 22/7/2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý ngoại thương.

Đáng chú ý, Nghị định cũng cấm nhập khẩu các sản phẩm, hàng hóa được khai thác, sản xuất hoặc chế tạo toàn bộ hoặc một phần bởi hành vi cưỡng bức lao động từ các doanh nghiệp, quốc gia, vùng lãnh thổ phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Phạt đến 75 triệu đồng đối với hành vi lôi kéo, dụ dỗ, quảng cáo gian dối để lừa gạt người lao động

Chính phủ ban hành Nghị định số 283/2026/NĐ-CP ngày 15/7/2026 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Trong đó, Nghị định quy định phạt tiền từ 50-75 triệu đồng đối với một trong các hành vi: lôi kéo; dụ dỗ; hứa hẹn; quảng cáo gian dối hoặc thủ đoạn khác để lừa gạt người lao động hoặc để tuyển dụng người lao động với mục đích bóc lột, cưỡng bức lao động nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

Nghị định cũng quy định cụ thể phạt tiền từ 18% đến 20% tổng số tiền trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng tối đa không quá 75 triệu đồng đối với người sử dụng lao động có một trong các hành vi trốn đóng bảo hiểm xã hội sau đây: Đăng ký tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thấp hơn quy định; không đóng hoặc đóng không đầy đủ số tiền đã đăng ký bảo hiểm xã hội bắt buộc sau 60 ngày kể từ ngày đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc chậm và đã được cơ quan có thẩm quyền đơn đốc theo quy định tại Điều 35 của Luật Bảo hiểm xã hội nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự...

Bổ sung một số chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

Chính phủ ban hành Nghị định số 311/2026/NĐ-CP ngày 6/8/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

Nghị định sửa đổi, bổ sung một số khoản tại Điều 6 của Nghị định số 189/2025/NĐ-CP về thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo chuyên ngành, lĩnh vực và một số chức danh khác. Cụ thể như sau:

Tại khoản 1, Điều 6: Sửa đổi, bổ sung theo hướng đổi tên một số chức danh như: Chi cục trưởng Chi cục An toàn thực phẩm, Chi cục trưởng Chi cục về lĩnh vực dân số, trẻ em thuộc Sở Y tế thành Chi cục trưởng Chi cục về lĩnh vực an toàn, vệ sinh thực phẩm, Chi cục trưởng Chi cục về lĩnh vực dân số, trẻ em, phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc Sở Y tế; Chi cục trưởng Chi cục Thống kê cấp tỉnh thuộc Cục Thống kê thành Trưởng Thống kê cấp tỉnh; Giám đốc Bảo hiểm xã hội khu vực thành Giám đốc Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh.

Đồng thời, bổ sung thẩm quyền xử phạt của Chi cục trưởng Chi cục về lĩnh vực môi trường thuộc Cục Môi trường để phù hợp với thực tiễn, bảo đảm sự tương đồng về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường (lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật, chăn nuôi, thú y, quản lý chất lượng nông lâm, thủy sản, thủy lợi, đê điều, phòng, chống thiên tai).

Chi trả lương hưu qua VNeID

Nghị định số 320/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử, có hiệu lực thi hành từ ngày 28/9/2026.

Theo đó, “tài khoản hưởng an sinh xã hội” được quy định là thông tin định danh trên Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID), cho phép tích hợp thông tin tài khoản thanh toán, ví điện tử hoặc tài khoản tiền di động để tiếp nhận các khoản hỗ trợ, hưu trí, chi trả an sinh xã hội và các khoản kinh phí hợp pháp.

Trước đó, việc liên kết tài khoản ngân hàng với VNeID đã được triển khai để phục vụ chi trả các khoản hỗ trợ, an sinh xã hội. Từ 28/9/2026, cơ chế này được quy định cụ thể hơn tại Nghị định 320/2026/NĐ-CP.

Nguồn: nhandan.vn

CẮT GIẢM TỐI ĐA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, TẠO ĐỘT PHÁ CHO TĂNG TRƯỞNG HAI CON SỐ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Chính phủ vừa ban hành Nghị quyết số 258/NQ-CP ngày 31/8/2026 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, góp phần thúc đẩy tăng trưởng hai con số giai đoạn 2026 - 2030.

Mục tiêu ban hành Nghị quyết này nhằm đổi mới thực chất, toàn diện công tác cải cách thủ tục hành chính, trọng tâm là cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, chuyển đổi thành công phương thức quản lý từ tiền kiểm sang hậu kiểm trên cơ

sở quản trị rủi ro; tăng cường kiểm soát thực thi dựa trên dữ liệu theo thời gian thực và lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ nhằm nâng cao chất lượng thể chế, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và tạo động lực đột phá thúc đẩy tăng trưởng kinh tế hai con số giai đoạn 2026 - 2030.

Phấn đấu đến năm 2030, Chỉ số hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 95%

Nghị quyết yêu cầu tiếp tục tập trung thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2026 - 2030 đạt mục tiêu cụ thể như sau:

Bảo đảm không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện không cần thiết so với kết quả phân quyền, phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện tại 11 Nghị quyết của Chính phủ thực hiện Kết luận số 18-KL/TW.

Đến năm 2027, 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa và tái sử dụng dữ liệu, đồng thời đảm bảo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước; không yêu cầu cung cấp thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính mà các thông tin trong thành phần hồ sơ đã có dữ liệu trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có yêu cầu khác.

Đến năm 2030, 100% dịch vụ công thiết yếu được thực hiện tiếp nhận không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi toàn quốc tại các Trung tâm Phục vụ hành chính công; 100% dịch vụ công được cung cấp chủ động khi đã đảm bảo điều kiện về dữ liệu và hạ tầng số.

Đến năm 2027, 100% thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước đủ điều kiện được thực hiện trên môi trường điện tử.

Đến năm 2027, 100% chế độ báo cáo của doanh nghiệp đủ điều kiện được thực hiện điện tử; 100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.

Công tác chỉ đạo, điều hành, đánh giá cải cách thủ tục hành chính được thực hiện dựa trên dữ liệu theo thời gian thực, gắn với đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của người đứng đầu, cán bộ, công chức, viên chức; 100% phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính được tiếp nhận, xử lý và công khai kết quả đúng thời hạn quy định.

Đổi mới toàn diện cơ chế rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính theo hướng dựa trên dữ liệu và quản lý theo vòng đời sự kiện của người dân, doanh nghiệp. Số hóa, triển khai thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính hoàn toàn trên môi trường số; bảo đảm nguyên tắc "người dân, doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin một lần", tăng cường tái sử dụng dữ liệu và quản trị dựa trên dữ liệu, theo thời gian thực.

Vận hành thông suốt, hiệu quả Cổng Dịch vụ công quốc gia trở thành "một cửa số" của quốc gia.

Gắn cải cách thủ tục hành chính với kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

Để thực hiện được các mục tiêu nêu trên, Nghị quyết yêu cầu các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xác định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, gắn với trách nhiệm người đứng đầu. Thực hiện cải cách thủ tục hành chính thống nhất, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, bao gồm cả thủ tục hành chính với người dân, doanh nghiệp và thủ tục hành chính nội bộ trong các cơ quan hành chính nhà nước.

Gắn cải cách thủ tục hành chính với kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động công vụ và tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; kiên quyết xóa bỏ cơ chế xin - cho, khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy, cục bộ, lợi ích nhóm trong xây dựng và thực thi thủ tục hành chính. Gắn kết quả thực hiện cải cách thủ tục hành chính với đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, coi đây là tiêu chí quan trọng trong công tác cán bộ.

Đẩy mạnh chuyển đổi số gắn với tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính, lấy dữ liệu làm nền tảng. Tập trung số hóa toàn diện, liên thông dữ liệu, thực hiện dịch vụ công chủ động; lấy thời gian, chi phí của người dân và doanh nghiệp làm thước đo chất lượng cải cách; bảo đảm môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, công khai, minh bạch, ổn định, cạnh tranh lành mạnh.

Thúc đẩy kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; tăng cường việc thay thế hoặc cắt giảm thành phần hồ sơ trong các thủ tục hành chính được thực hiện theo mức độ hoàn thành và dựa vào vận hành của các cơ sở dữ liệu; chuẩn hóa, công bố quy trình nội bộ, quy trình điện tử, tích hợp triển khai trên Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tập trung, Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Tăng cường tính hiệu quả, thực chất trong xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp

Rà soát, thực hiện việc phân cấp, ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính; bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về phân cấp, ủy quyền, theo nguyên tắc: người đứng đầu bộ, ngành, địa phương chủ động điều chỉnh, phân bổ biên chế và nguồn lực tài chính giữa các đơn vị, địa bàn theo quy mô, khối lượng hồ sơ thực tế, đặc biệt trong những thời điểm phát sinh nhiều hồ sơ, khi thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

Phân bổ, bố trí nguồn lực thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính đã được phân quyền, phân cấp cho địa phương bảo đảm thông suốt, không xảy ra tình trạng gián đoạn, chậm trễ trong giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức. Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính; bảo đảm năng lực thực thi đồng đều giữa các địa phương sau khi tiếp nhận thẩm quyền từ Trung ương.

Gắn kiểm soát thủ tục hành chính với việc hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thực hiện thủ tục hành chính của các bộ, ngành, địa phương đáp ứng yêu cầu phân quyền, phân cấp và phục vụ người dân, doanh nghiệp. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện

thủ tục hành chính tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc; kịp thời phát hiện, xử lý tình trạng phát sinh thêm thành phần hồ sơ, yêu cầu hoặc quy trình giải quyết ngoài quy định.

Tăng cường tuyên truyền, huy động sự tham gia thực chất của người dân và doanh nghiệp trong toàn bộ vòng đời của thủ tục hành chính, từ khâu thiết kế, ban hành đến thực thi, giám sát và đánh giá; coi phản hồi của người dân, doanh nghiệp là thước đo quan trọng của hiệu quả cải cách thủ tục hành chính. Chú trọng thực hiện tham vấn người dân, doanh nghiệp, nhất là tham vấn trên môi trường điện tử đối với các phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

Tăng cường tính hiệu quả, thực chất trong xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về thủ tục hành chính; tổ chức định kỳ các Hội nghị đối thoại với các hiệp hội, doanh nghiệp và người dân về việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, đồng thời, thiết lập cơ chế, quy trình xử lý các phản ánh, kiến nghị, sáng kiến cải cách thủ tục hành chính được tiếp nhận qua đối thoại để xây dựng các phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

Trước 01/10/2026, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố xây dựng, ban hành văn bản phân công triển khai thực hiện Nghị quyết này, trong đó xác định cụ thể mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, dự kiến kết quả đối với từng nhiệm vụ và đơn vị chủ trì thực hiện, gửi Bộ Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Nguồn: baohinhphu.vn

TẬN DỤNG TỐI ĐA CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG GẮN VỚI PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG ĐỒNG BỘ, HIỆN ĐẠI

Ngày 30/8/2026, Phó thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà ký Quyết định số 1685/QĐ-TTg về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 29-6-2026 của Ban Bí thư về nâng cao năng suất lao động quốc gia gắn với phát triển thị trường lao động đồng bộ, hiện đại, hiệu quả trong giai đoạn mới.

Kế hoạch hướng tới mục tiêu tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức và hành động; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các Bộ, ngành, địa phương theo nguyên tắc **“6 rõ: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ kết quả, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền”**, lấy năng suất lao động làm động lực then chốt để hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng **“2 con số”** và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm là thúc đẩy chuyển dịch lao động từ khu vực có năng suất thấp sang khu vực có năng suất cao.

Theo Kế hoạch, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng, Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành, địa phương khẩn trương rà soát, tổ chức quy hoạch tổng thể quốc gia,

quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và nông thôn theo hướng gắn với phân bố dân cư, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo việc làm năng suất cao, hình thành các hành lang kinh tế, vùng động lực và cực tăng trưởng.

Đồng thời, các bên liên quan sớm hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút đầu tư theo hướng ưu tiên các dự án sử dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, có giá trị gia tăng lớn, quản trị hiện đại, sử dụng hiệu quả nguồn lực và tạo nhiều việc làm có chất lượng, năng suất, thu nhập cao. Kế hoạch cũng yêu cầu rà soát vai trò của doanh nghiệp trong nâng cao năng suất lao động, từ đó xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, cải tiến quy trình sản xuất, nâng cao năng lực quản trị, phát triển nguồn nhân lực; đồng thời nghiên cứu các chương trình, chính sách thúc đẩy chuyển dịch khu vực kinh tế phi chính thức sang chính thức.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì xây dựng chính sách khuyến khích phát triển việc làm có năng suất lao động cao gắn với cơ giới hóa, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ cao; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn, thúc đẩy chuyển dịch từ lao động giản đơn sang lao động có kỹ năng và trình độ chuyên môn kỹ thuật, từ việc làm phi chính thức sang việc làm chính thức.

Bộ Khoa học và Công nghệ được giao nghiên cứu, tổ chức các hoạt động liên kết giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với doanh nghiệp trong nước nhằm thúc đẩy chuyển giao công nghệ, tri thức, nâng cao năng lực quản trị, đổi mới sáng tạo, áp dụng tiêu chuẩn quốc tế, tăng tỷ lệ nội địa hóa và mở rộng sự tham gia của doanh nghiệp Việt Nam vào chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị toàn cầu.

Bộ Nội vụ chủ trì xây dựng chính sách và triển khai các hoạt động hỗ trợ về việc làm, phát triển kỹ năng nghề, tiền lương, bảo hiểm xã hội nhằm thúc đẩy chuyển dịch lao động từ khu vực có năng suất thấp sang khu vực có năng suất cao.

Một nhiệm vụ quan trọng khác là nâng cao chất lượng lao động đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường trong giai đoạn mới. Bộ Giáo dục và Đào tạo được giao khẩn trương đổi mới nội dung, chương trình và phương thức đào tạo theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, gắn với nhu cầu thực tế của thị trường lao động, yêu cầu đổi mới công nghệ và nhu cầu sử dụng nhân lực của doanh nghiệp.

Kế hoạch yêu cầu sớm hoàn thiện cơ chế, nhân rộng mô hình đào tạo nghề kép, cơ sở đào tạo thực hành, đào tạo theo đơn đặt hàng và đào tạo gắn với vị trí việc làm; tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp trong xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo, đánh giá và sử dụng lao động sau đào tạo.

Các chương trình đào tạo, đào tạo lại sẽ tập trung nâng cao kỹ năng số, kỹ năng trí tuệ nhân tạo, kỹ năng xanh, kỹ năng nghề, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động, nhất là trong những ngành, nghề chịu tác động mạnh của đổi mới công nghệ, tự động hóa và chuyển đổi số.

Đối với lĩnh vực nông nghiệp, Kế hoạch đặt yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng để hình thành đội ngũ “nông dân chuyên nghiệp”, “nông dân số” có kỹ năng ứng dụng khoa học, công nghệ,

chuyển đổi số, chuyển đổi xanh; tổ chức sản xuất theo mô hình kinh tế tuần hoàn; vận hành máy móc, thiết bị nông nghiệp hiện đại; sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đồng thời, Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội và cơ chế thử nghiệm có kiểm soát nhằm thu hút, sử dụng và phát huy đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số chất lượng cao trong và ngoài nước.

Bộ Tài chính được giao nghiên cứu các cơ chế, chính sách vượt trội về tài chính, thuế, quỹ đầu tư để hỗ trợ doanh nghiệp và chuyên gia, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài đến làm việc, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam.

Kế hoạch cũng nhấn mạnh yêu cầu chuyển mạnh từ coi trọng bằng cấp sang coi trọng kỹ năng nghề, năng lực thực hành, khả năng thích ứng và hiệu quả công việc.

Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì rà soát, xây dựng và tổ chức thực hiện các chiến lược, chương trình, đề án phát triển nguồn nhân lực quốc gia, tập trung vào nhân lực chất lượng cao, nhân lực kỹ thuật, nhân lực số và nhân lực phục vụ các ngành, lĩnh vực chiến lược, quan trọng, then chốt.

Hệ thống học tập suốt đời sẽ tiếp tục được phát triển, tạo điều kiện để người lao động thường xuyên học tập, đào tạo lại và nâng cao kỹ năng. Cùng với đó là tăng cường liên thông giữa giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học; phát triển các chương trình đào tạo kỹ sư thực hành, nhân lực kỹ thuật cao và các ngành, nghề mới phát sinh từ chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, già hóa dân số và đổi mới công nghệ.

Kế hoạch cũng đặt nhiệm vụ đẩy mạnh phân luồng, hướng nghiệp sau trung học cơ sở; nghiên cứu triển khai mô hình đào tạo nghề sau trung học cơ sở theo chuẩn quốc tế và nhu cầu của thị trường lao động, bảo đảm người học vừa hoàn thành chương trình giáo dục trung học, vừa đạt trình độ nghề và có khả năng sớm tham gia thị trường lao động; phát triển các mô hình, hệ sinh thái đào tạo nhân lực chất lượng cao gắn với các ngành công nghiệp trọng điểm, khu công nghệ cao, trung tâm đổi mới sáng tạo, vùng kinh tế trọng điểm và địa bàn chiến lược; phát huy vai trò của doanh nghiệp trong đầu tư cho đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, góp phần tạo việc làm bền vững và nâng cao năng suất lao động.

Kế hoạch yêu cầu tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu, trao đổi chuyên gia, chuyển giao công nghệ, công nhận văn bằng, chứng chỉ; tiếp thu có chọn lọc các mô hình đào tạo tiên tiến, phù hợp với điều kiện Việt Nam, qua đó từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển thị trường lao động hiện đại, linh hoạt và tạo nền tảng cho tăng năng suất lao động quốc gia.

Phuong Nhung/Moha.gov.vn

CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM QUỐC GIA ĐÀO TẠO TIỀN SĨ TOÀN THỜI GIAN

Nghị định số 334/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định các nội dung liên quan đến chương trình trọng điểm quốc gia đào tạo tiến sĩ toàn thời gian. Trong đó, Nghị định 334/2026/NĐ-CP quy định phạm vi, đối tượng và yêu cầu của chương trình; nguyên tắc thực hiện.

Phạm vi, đối tượng và yêu cầu của chương trình trọng điểm quốc gia đào tạo tiến sĩ toàn thời gian

1. Chương trình áp dụng đối với nghiên cứu sinh trúng tuyển theo học chương trình đào tạo tiến sĩ ở trong nước thuộc các ngành, nhóm ngành, lĩnh vực ưu tiên phục vụ phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao theo các chương trình, đề án do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại các cơ sở giáo dục đại học được phép đào tạo trình độ tiến sĩ; ưu tiên các nghiên cứu sinh được tuyển chọn theo cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ của Nhà nước gắn với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ ưu tiên của quốc gia.

2. Cơ sở giáo dục đại học tạo điều kiện để nghiên cứu sinh tham gia nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, trợ giảng và các hoạt động học thuật khác trong suốt quá trình đào tạo; thực hiện ký thỏa thuận học bổng và hỗ trợ sinh hoạt phí với nghiên cứu sinh phù hợp với nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

3. Nghiên cứu sinh tham gia chương trình phải dành toàn bộ thời gian cho học tập, nghiên cứu và thực hiện các nhiệm vụ học thuật theo yêu cầu của cơ sở đào tạo; chịu sự quản lý, đánh giá và giám sát của cơ sở đào tạo; không làm việc toàn thời gian tại cơ quan, tổ chức khác trong thời gian tham gia chương trình.

4. Hoạt động trợ giảng và các hoạt động học thuật khác của nghiên cứu sinh không được làm ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng đào tạo và phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Nghiên cứu sinh là giảng viên đại học không đảm nhiệm quá 1/2 định mức giờ chuẩn giảng dạy của giảng viên đại học cơ hữu;

b) Nghiên cứu sinh không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này có tổng thời gian trợ giảng không quá 300 giờ làm việc trong 01 năm.

5. Trường hợp nghiên cứu sinh tham gia chương trình là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cơ sở giáo dục đại học được quyền bảo lãnh để cơ quan có thẩm quyền cấp thị thực và thẻ tạm trú có thời hạn tương ứng với toàn bộ thời gian của khóa đào tạo (từ 03 đến 05 năm). Nghiên cứu sinh nước ngoài được miễn giấy phép lao động khi tham gia hoạt động nghiên cứu, thực hành, trợ giảng tại cơ sở giáo dục và doanh nghiệp đối tác trong khuôn khổ chương trình đào tạo tiến sĩ.

Nguyên tắc thực hiện hỗ trợ nghiên cứu sinh chương trình trọng điểm quốc gia đào tạo tiến sĩ toàn thời gian

Nghị định quy định, nghiên cứu sinh tham gia chương trình được hưởng học bổng theo quy định tại Điều 9 Nghị định này. Trường hợp nghiên cứu sinh được tuyển chọn trực tiếp

theo cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ của Nhà nước hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu thuộc lĩnh vực ưu tiên phục vụ yêu cầu phát triển đất nước thì được xem xét hỗ trợ kinh phí nghiên cứu theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Việc hỗ trợ được thực hiện trực tiếp đối với nghiên cứu sinh, gắn với tiến độ học tập, nghiên cứu và kết quả đào tạo; bảo đảm công khai, minh bạch, đúng mục đích, hiệu quả và không trùng lặp với các chính sách hỗ trợ khác từ ngân sách nhà nước, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Nguồn: baohinhphu.vn

NHÂN SỰ MỚI CỦA TRUNG ƯƠNG, CÁC BỘ, NGÀNH, VÀ ĐỊA PHƯƠNG

* Quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư

- Ông Vũ Thanh Mai, Phó trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương thôi giữ chức Phó trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương. Đồng thời điều động, bổ nhiệm giữ chức Phó Chủ tịch Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Chuẩn y ông Phạm Quang Long, Tỉnh ủy viên, Trưởng Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Quảng Trị tham gia Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

* Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

Quyết định số 1666/QĐ-TTg về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo Trung ương về chính sách nhà ở và thị trường bất động sản (Ban Chỉ đạo).

Theo đó, Trưởng Ban Chỉ đạo là đồng chí Phạm Gia Túc, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ.

Phó Trưởng Ban Chỉ đạo là đồng chí Trần Hồng Minh, Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Các thành viên là các đồng chí lãnh đạo của các bộ, ngành và cơ quan trung ương gồm: Đồng chí Thượng tướng Nguyễn Quang Ngọc, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng; đồng chí Thượng tướng Phạm Thế Tùng, Thứ trưởng Bộ Công an; đồng chí Phạm Mạnh Cường, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ; đồng chí Nguyễn Thị Hà, Thứ trưởng Bộ Nội vụ; đồng chí Nguyễn Thanh Tú, Thứ trưởng Bộ Tư pháp; đồng chí Đặng Ngọc Diệp, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; đồng chí Tạ Anh Tuấn, Thứ trưởng Bộ Tài chính; đồng chí Nguyễn Huy Dũng, Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; đồng chí Nguyễn Sinh Nhật Tân, Thứ trưởng Bộ Công Thương; đồng chí Y Vinh Tor, Thứ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo; đồng chí Nguyễn Văn Sinh, Thứ trưởng Bộ Xây dựng; đồng chí Nguyễn Ngọc Cảnh, Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; đồng chí Nguyễn Đức Phong, Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

* Thành phố Huế

- Điều động bà Trần Thị Hoài Trâm, Giám đốc Sở Du lịch đến nhận công tác tại Sở Ngoại vụ và bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Ngoại vụ.

- Bổ nhiệm ông Lê Minh Nhân, Thành ủy viên, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao giữ chức vụ Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Tiếp nhận ông Văn Anh Tuấn, Thành viên Bộ phận nghiên cứu chuyên đề giúp việc Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng, đến công tác tại Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Huế và bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Huế.

*** Tỉnh Quảng Trị**

- Thí điểm thành lập Đảng bộ Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị; chỉ định Ban Chấp hành Đảng bộ Hội đồng nhân dân tỉnh khóa I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 gồm 15 người; chỉ định Ban Thường vụ Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh khóa I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 gồm 5 người.

Ông Nguyễn Đăng Quang, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị được chỉ định giữ chức Bí thư Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh khóa I, nhiệm kỳ 2025 - 2030; bà Phạm Thị Hân, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh được chỉ định giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy HĐND tỉnh Quảng Trị khóa I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Thí điểm thành lập Đảng bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể tỉnh Quảng Trị; chỉ định Ban Chấp hành Đảng bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể tỉnh Quảng Trị khóa I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 gồm 15 người; chỉ định Ban Thường vụ gồm 8 người.

Ông Nguyễn Chiến Thắng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Trị được chỉ định làm Bí thư Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể tỉnh Quảng Trị khóa I, nhiệm kỳ 2025 - 2030; các Phó Bí thư Đảng ủy gồm: ông Đào Mạnh Hùng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; bà Nguyễn Thị Tuyết Minh, Phó trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy (chuyên trách).

- Đổi tên Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Quảng Trị thành Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Trị; điều động bà Nguyễn Thị Tuyết Minh, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Quảng Trị đến công tác tại Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể tỉnh, giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể tỉnh Quảng Trị khóa I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

*** Thành phố Cần Thơ**

- Chỉ định ông Trần Văn Huyền, Phó Bí thư Thành ủy Cần Thơ, tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy và giữ chức Bí thư Đảng ủy các cơ quan Đảng thành phố Cần Thơ, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Nguồn: Tổng hợp từ baohinhphu.vn và vov.vn